HÀ BÍCH LIÊN (Chủ biên phần Lịch sử)
NGUYỄN TRÀ MY – MAI THỊ PHÚ PHƯƠNG
NGUYỄN KIM TƯỜNG VY
NGUYỄN KIM HỒNG (Tổng Chủ biên phần Địa lí)
PHẠM THỊ BÌNH (Chủ biên phần Địa lí)
NGUYỄN HỮU BÁCH – VŨ THỊ BẮC
NGUYỄN THỊ KIM LIÊN – HUỲNH PHẨM DŨNG PHÁT
PHAN VĂN PHÚ – HÀ VĂN THẮNG – PHẠM ĐỖ VĂN TRUNG

Chân trời sáng tạo

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

timdapan.com

HÀ BÍCH LIÊN (Chủ biên phần Lịch sử)
NGUYỄN TRÀ MY – MAI THỊ PHÚ PHƯƠNG
NGUYỄN KIM TƯỜNG VY
NGUYỄN KIM HỒNG (Tổng Chủ biên phần Địa lí)
PHẠM THỊ BÌNH (Chủ biên phần Địa lí)
NGUYỄN HỮU BÁCH – VŨ THỊ BẮC
NGUYỄN THỊ KIM LIÊN – HUỲNH PHẨM DŨNG PHÁT
PHAN VĂN PHÚ – HÀ VĂN THẮNG – PHẠM ĐỖ VĂN TRUNG

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6

Chân trời sáng tạo

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

timdapan.com

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Biên tập nội dung: HÀ THỊ NGA – NGUYỄN THANH TUYỀN – VÕ ĐỨC DI LINH
Thiết kế sách: NGUYỄN THỊ CÚC PHƯƠNG – ĐẶNG NGỌC HÀ – TỐNG THANH THẢO
Trình bày bìa: THÁI HỮU DƯƠNG
Minh hoạ: TRẦN DUY THANH – THÁI HỮU DƯƠNG
Xây dựng và biên vẽ bản đồ: CÔNG TY CỔ PHẦN BẢN ĐỒ VÀ TRANH ẢNH GIÁO DỤC
Sửa bản in: HÀ THỊ NGA – NGUYỄN THANH TUYỀN – VÕ ĐỨC DI LINH
Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền © (2021) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng các em học sinh lớp sau!

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6
Mã số: **G2HH6U001M21**
In.....bản, (QĐ in số....) Khổ 19x26,5 cm.
Đơn vị in:.....
Cơ sở in:.....
Số ĐKXB: 182-2021/CXBIPH/55-70/GD
Số QĐXB:..... ngày .... tháng.... năm 20 ...
In xong và nộp lưu chiểu tháng ....năm 20....
Mã số ISBN: 978-604-0-25633-1

timdapan.com

Lời nói đầu

Các em học sinh thân mến!

Sách giáo khoa **Lịch sử và Địa lí 6** (Bộ Chân trời sáng tạo) được biên soạn bám sát những nội dung, yêu cầu của Chương trình môn Lịch sử và Địa lí cấp Trung học cơ sở nhằm hình thành, phát triển ở học sinh năng lực lịch sử và năng lực địa lí; đồng thời góp phần cùng các môn học và hoạt động giáo dục khác giúp học sinh hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung, đặc biệt là tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào về truyền thống dân tộc, thái độ tôn trọng sự đa dạng của lịch sử thế giới và văn hoá nhân loại, ước muốn khám phá thế giới xung quanh, kĩ năng vận dụng những điều đã học vào thực tiễn cuộc sống,...

Sách gồm hai phần, tương ứng với hai phân môn Lịch sử và Địa lí:

Phần Lịch sử: Giới thiệu những nội dung cơ bản về lịch sử thế giới, lịch sử khu vực Đông Nam Á và lịch sử Việt Nam từ thời nguyên thuỷ đến thế kỉ X. Phần này gồm 5 chương, 21 bài.

Phần Địa lí: Giới thiệu những nội dung cơ bản về địa lí tự nhiên đại cương. Phần này gồm 7 chương, 25 bài (kể cả bài Mở đầu).

Theo định hướng phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực người học, mỗi bài học đều được tổ chức thành các hoạt động học tập trên cơ sở của các thành phần cơ bản: mở đầu, hình thành kiến thức mới, luyện tập và vận dụng.

Chúc các em thật nhiều niềm vui khi đồng hành cùng với quyển sách giáo khoa này.

CÁC TÁC GIẢ

timdapan.com

MỤC LỤC

Trang

LỜI NÓI ĐẦU 3
HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH 6

Phần LỊCH SỬ

CHƯƠNG 1. TẠI SAO CẦN HỌC LỊCH SỬ? 9
Bài 1. Lịch sử là gì? 10
Bài 2. Thời gian trong lịch sử 15

CHƯƠNG 2. THỜI KÌ NGUYÊN THUỶ 17
Bài 3. Nguồn gốc loài người 18
Bài 4. Xã hội nguyên thuỷ 21
Bài 5. Sự chuyển biến từ xã hội nguyên thuỷ sang xã hội có giai cấp 27

CHƯƠNG 3. XÃ HỘI CỔ ĐẠI 31
Bài 6. Ai Cập cổ đại 32
Bài 7. Lưỡng Hà cổ đại 37
Bài 8. Ấn Độ cổ đại 41
Bài 9. Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỉ VII 46
Bài 10. Hy Lạp cổ đại 53
Bài 11. La Mã cổ đại 58

CHƯƠNG 4. ĐÔNG NAM Á TỪ NHỮNG THẾ KỈ TIẾP GIÁP CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KỈ X 62
Bài 12. Các vương quốc ở Đông Nam Á trước thế kỉ X 63
Bài 13. Giao lưu thương mại và văn hoá ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X 67

CHƯƠNG 5. VIỆT NAM TỪ KHOẢNG THẾ KỈ VII TRƯỚC CÔNG NGUYÊN ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ X 71
Bài 14. Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc 72
Bài 15. Đời sống của người Việt thời kì Văn Lang, Âu Lạc 77
Bài 16. Chính sách cai trị của phong kiến phương Bắc và sự chuyển biến của Việt Nam thời kì Bắc thuộc 81
Bài 17. Đấu tranh bảo tồn và phát triển văn hoá dân tộc thời Bắc thuộc 85
Bài 18. Các cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc trước thế kỉ X 88
Bài 19. Bước ngoặt lịch sử đầu thế kỉ X 96
Bài 20. Vương quốc Chăm-pa từ thế kỉ II đến thế kỉ X 100
Bài 21. Vương quốc cổ Phù Nam 104

timdapan.com

Phần ĐỊA LÍ

Trang

BÀI MỞ ĐẦU – TẠI SAO CẦN HỌC ĐỊA LÍ? 111

CHƯƠNG 1. BẢN ĐỒ – PHƯƠNG TIỆN THỂ HIỆN BỀ MẶT TRÁI ĐẤT 113

Bài 1. Hệ thống kinh, vĩ tuyến và toạ độ địa lí 114

Bài 2. Kí hiệu và chú giải trên một số bản đồ thông dụng 117

Bài 3. Tìm đường đi trên bản đồ 120

Bài 4. Lược đồ trí nhớ 123

CHƯƠNG 2. TRÁI ĐẤT – HÀNH TINH CỦA HỆ MẶT TRỜI 125

Bài 5. Vị trí Trái Đất trong hệ Mặt Trời. Hình dạng, kích thước của Trái Đất 126

Bài 6. Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và hệ quả 128

Bài 7. Chuyển động quanh Mặt Trời của Trái Đất và hệ quả 132

Bài 8. Thực hành xác định phương hướng ngoài thực tế 135

CHƯƠNG 3. CẤU TẠO CỦA TRÁI ĐẤT. VỎ TRÁI ĐẤT 138

Bài 9. Cấu tạo của Trái Đất. Động đất và núi lửa 139

Bài 10. Quá trình nội sinh và ngoại sinh. Các dạng địa hình chính. Khoáng sản 144

Bài 11. Thực hành đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt địa hình đơn giản 148

CHƯƠNG 4. KHÍ HẬU VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU 150

Bài 12. Lớp vỏ khí. Khối khí. Khí áp và gió trên Trái Đất 151

Bài 13. Thời tiết và khí hậu. Các đới khí hậu trên Trái Đất 155

Bài 14. Biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu 160

Bài 15. Thực hành phân tích biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa 163

CHƯƠNG 5. NƯỚC TRÊN TRÁI ĐẤT 165

Bài 16. Thuỷ quyển. Vòng tuần hoàn nước. Nước ngầm, băng hà 166

Bài 17. Sông và hồ 170

Bài 18. Biển và đại dương 173

CHƯƠNG 6. ĐẤT VÀ SINH VẬT TRÊN TRÁI ĐẤT 177

Bài 19. Lớp đất và các nhân tố hình thành đất. Một số nhóm đất điển hình 178

Bài 20. Sinh vật và sự phân bố các đới thiên nhiên. Rừng nhiệt đới 182

Bài 21. Thực hành tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương 186

CHƯƠNG 7. CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN 188

Bài 22. Dân số và phân bố dân cư 189

Bài 23. Con người và thiên nhiên 192

Bài 24. Thực hành tác động của con người đến thiên nhiên 196

THUẬT NGỮ 198

timdapan.com

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH

Trang mở đầu chương

Giới thiệu khái quát nội dung của chương với những hình ảnh có tính gợi mở và định hướng nhận thức.

Yêu cầu cần đạt

Là những yêu cầu cần đạt về kiến thức và kĩ năng sau khi học sinh học xong mỗi bài.

Mở đầu

Dẫn dắt học sinh vào bài học bằng cách gợi mở những vấn đề các em có thể khám phá trong từng bài.

Hình thành kiến thức mới

Nội dung chính của bài học được thể hiện thông qua kênh chữ và tư liệu.

Các câu hỏi trong bài học giúp các em định hướng nội dung kiến thức cần tìm hiểu.

Tư liệu hình và chữ, được sắp xếp theo thứ tự 1, 2, 3,... đứng trước là số bài (Ví dụ tư liệu ở bài 2 được đánh số 2.1, 2.2, 2.3,...) là cơ sở để tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh.

Luyện tập – Vận dụng

Là các câu hỏi, bài tập, bài thực hành để học sinh củng cố kiến thức, rèn luyện kĩ năng và sử dụng kiến thức, kĩ năng đã học nhằm nhìn nhận, đánh giá, giải quyết những vấn đề trong thực tiễn có liên quan đến bài học.

Em có biết (tuyến phụ)

Là những thông tin hỗ trợ, bổ sung nhằm làm rõ hơn nội dung chính của bài học.

Nhân vật lịch sử (tuyến phụ)

Cung cấp thông tin về một số nhân vật có ảnh hưởng lớn đến tiến trình phát triển của lịch sử được giới thiệu trong bài học.

timdapan.com

Phần
LỊCH SỬ

Gióng (1990), tranh sơn mài, Nguyễn Tư Nghiêm
(Nguồn: Bảo tàng Mĩ thuật Việt Nam)

timdapan.com

Khuê Văn Các, Văn Miếu – Quốc Tử Giám (Hà Nội)
(Ảnh: An Thành Đạt – TTXVN)

timdapan.com

CHƯƠNG 1

TẠI SAO CẦN HỌC LỊCH SỬ?

Lịch sử thế giới của chúng ta được hình dung giống như chiếc hộp bên cạnh. Nó chứa đựng trong đó những sự kiện và năm tháng mà loài người đã trải qua. Mỗi đồ vật trong chiếc hộp đều có câu chuyện lịch sử riêng. Giải mã được nội dung của chúng sẽ giúp chúng ta phần nào biết được chuyện gì đã xảy ra trong quá khứ? Chuyện đó xảy ra vào lúc nào và ở đâu?

Trong chương này, các em sẽ được tìm hiểu:

- *Lịch sử và môn Lịch sử là gì?*
- *Vì sao cần học môn Lịch sử?*
- *Dựa vào đâu để biết và dựng lại lịch sử?*
- *Cách tính thời gian trong lịch sử.*

timdapan.com

Bài 1 LỊCH SỬ LÀ GÌ?

Học xong bài này, em sẽ:

* Nêu được khái niệm lịch sử và môn Lịch sử.
* Hiểu được lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ.
* Giải thích được vì sao cần thiết phải học môn Lịch sử.
* Phân biệt được các nguồn sử liệu cơ bản, ý nghĩa và giá trị của các nguồn sử liệu.

Từ xa xưa, con người đã ý thức được tầm quan trọng của lịch sử. Xi-xê-rông (Cicero), triết gia của La Mã cổ đại, đã từng nói: "Lịch sử là thầy dạy của cuộc sống". Bài học này sẽ truyền cảm hứng cho em suy nghĩ về tầm quan trọng của lịch sử và việc học lịch sử, giúp các em biết được dựa vào đâu để dựng lại lịch sử một cách chân thực nhất.

I. LỊCH SỬ VÀ MÔN LỊCH SỬ

– *Lịch sử là gì? Em hãy nêu một ví dụ cụ thể.*

– *Theo em, những câu hỏi nào có thể được đặt ra để tìm hiểu về quá khứ khi quan sát hình 1.1?*

Chân trời sáng tạo

1.1 Rồng đá trước thềm Điện Kính Thiên, thế kỉ XV, khu di tích Hoàng Thành Thăng Long, Hà Nội.

timdapan.com

Mọi sự vật xung quanh chúng ta đều phát sinh, tồn tại và biến đổi theo thời gian. Xã hội loài người cũng vậy. Quá trình đó chính là lịch sử.

Lịch sử là những gì đã xảy ra trong quá khứ, bao gồm mọi hoạt động của con người từ khi xuất hiện đến nay.

Môn Lịch sử là môn khoa học tìm hiểu về lịch sử loài người, bao gồm toàn bộ những hoạt động của con người và xã hội loài người trong quá khứ.

Em có biết?

Để tìm hiểu về một chuyện xảy ra trong quá khứ, các em cần xác định được những yếu tố cơ bản là: thời gian, không gian xảy ra và con người liên quan tới sự kiện đó. Các em cần tự đặt ra và trả lời những câu hỏi như: Việc đó xảy ra khi nào? Ở đâu? Xảy ra như thế nào? Vì sao lại xảy ra? Ai liên quan đến việc đó? Việc đó có ý nghĩa và giá trị gì đối với ngày nay?...

II. VÌ SAO PHẢI HỌC LỊCH SỬ?

– *Có ý kiến cho rằng: Lịch sử là những gì đã qua, không thể thay đổi được nên không cần thiết phải học môn Lịch sử. Em có đồng ý với ý kiến đó không? Tại sao?*

– *Em hiểu thế nào về từ "gốc tích" trong câu thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh? Nêu ý nghĩa câu thơ đó.*

Chân trời sáng tạo

Học lịch sử để biết được cội nguồn của tổ tiên, quê hương, đất nước; hiểu được ông cha ta đã phải lao động, sáng tạo, đấu tranh như thế nào để có được đất nước ngày nay.

"Dân ta phải biết sử ta
Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam".

(*Lịch sử nước ta*, Hồ Chí Minh)

Học lịch sử còn để đúc kết những bài học kinh nghiệm của quá khứ nhằm phục vụ cho hiện tại và tương lai.

1.2 Giỗ Tổ Hùng Vương

*"Dù ai đi ngược về xuôi
Nhớ ngày giỗ Tổ mùng Mười tháng Ba"*

timdapan.com

III. KHÁM PHÁ QUÁ KHỨ TỪ CÁC NGUỒN SỬ LIỆU

– Tư liệu truyền miệng, tư liệu hiện vật, tư liệu chữ viết có ý nghĩa và giá trị gì?

– Tại sao tư liệu gốc lại có giá trị lịch sử xác thực nhất? Hãy lấy một ví dụ chứng minh cho ý kiến của em từ một nguồn sử liệu cụ thể có trong bài.

Quá khứ đã qua và không thể quay lại, chỉ còn dấu tích của người xưa là ở lại với chúng ta và được lưu giữ dưới nhiều dạng khác nhau. Đó được gọi là nguồn sử liệu hay tư liệu lịch sử.

Có nhiều nguồn tư liệu khác nhau như tư liệu truyền miệng, tư liệu hiện vật, tư liệu chữ viết,... Trong các nguồn tư liệu đó, có những tư liệu được gọi là tư liệu gốc.

1.3 Quá khứ được lưu giữ dưới nhiều dạng khác nhau

Tư liệu gốc

Tư liệu gốc là tư liệu liên quan trực tiếp đến sự kiện lịch sử, ra đời vào thời điểm diễn ra sự kiện, phản ánh sự kiện lịch sử đó. Đây là nguồn tư liệu đáng tin cậy nhất khi tìm hiểu lịch sử.

1.4 Bản thảo Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 19 – 12 – 1946.

timdapan.com

Tư liệu truyền miệng

Tư liệu truyền miệng gồm nhiều thể loại như truyền thuyết, thần thoại, ca dao, dân ca,... được truyền từ đời này qua đời khác. Trong giai đoạn chưa có chữ viết, tư liệu truyền miệng được xem là một nguồn thông tin để tìm hiểu lịch sử.

Truyền thuyết Thánh Gióng đánh giặc Ân và "bay" lên trời từ đỉnh Sóc Sơn (Hà Nội ngày nay) vào đời Vua Hùng thứ 6.

Tư liệu chữ viết

Tư liệu chữ viết bao gồm các bản chữ khắc trên xương, mai rùa, vỏ cây, đá, các bản chép tay hay in trên giấy,... ghi chép tương đối đầy đủ mọi mặt đời sống con người và các sự kiện lịch sử đã xảy ra.

1.5 Bia Tiến sĩ tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám (Hà Nội)

Tư liệu hiện vật

Tư liệu hiện vật là những dấu tích vật chất của người xưa còn giữ được trong lòng đất hay trên mặt đất như các công trình kiến trúc, các tác phẩm nghệ thuật, đồ gốm,... Tư liệu hiện vật không chỉ là bằng chứng giúp chúng ta tìm hiểu và dựng lại lịch sử mà còn được sử dụng để kiểm chứng các tư liệu chữ viết.

1.6 Rìu gót vuông trang trí cảnh chó săn hươu – công cụ lao động của người Việt cổ.

timdapan.com

LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

1. *Tại sao cần thiết phải học môn Lịch sử?*
2. *Căn cứ vào đâu để biết và dựng lại lịch sử?*

Vận dụng

3. *Em biết những di tích lịch sử nào ở địa phương em đang sống? Hãy kể cho cả lớp nghe về sự kiện lịch sử liên quan đến một trong những di tích đó.*
4. *Hãy viết một đoạn văn ngắn về lịch sử ngôi trường em đang học (trường được thành lập khi nào? Nó thay đổi như thế nào theo thời gian?...).*
5. *Cửa Bắc, một công trình kiến trúc cổ, nằm trên phố Phan Đình Phùng, Hà Nội. Trên tường vẫn còn nguyên dấu vết đạn pháo của thực dân Pháp khi đánh chiếm thành Hà Nội năm 1882. Có ý kiến cho rằng nên trùng tu lại mặt thành, xoá đi những vết đạn pháo đó. Em có đồng ý với ý kiến đó không? Tại sao?*

1.7 Cửa Bắc, một trong các cửa của Thành cổ Hà Nội

timdapan.com

Bài 2 THỜI GIAN TRONG LỊCH SỬ

Học xong bài này, em sẽ:

* Biết được một số khái niệm về thời gian trong lịch sử.
* Biết được một số cách tính thời gian trong lịch sử: thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ, trước Công nguyên, Công nguyên, âm lịch, dương lịch,...

Xác định thời gian xảy ra các sự kiện là một nguyên tắc cơ bản để biết và học lịch sử. Dựa vào đâu và bằng cách nào con người sáng tạo ra cách tính thời gian? Tại sao có nhiều cách tính thời gian khác nhau? Bài học này sẽ giúp em có một số kĩ năng quan trọng để học môn Lịch sử: cách tính thời gian.

I. ÂM LỊCH, DƯƠNG LỊCH

Dựa vào quan sát và tính toán, người xưa đã phát hiện quy luật di chuyển của Mặt Trăng, Trái Đất, Mặt Trời để tính thời gian và làm ra lịch.

Âm lịch là cách tính thời gian theo chu kì Mặt Trăng quay xung quanh Trái Đất. Thời gian Mặt Trăng chuyển động hết một vòng quanh Trái Đất là một tháng.

Dương lịch là cách tính thời gian theo chu kì Trái Đất quay xung quanh Mặt Trời. Thời gian Trái Đất chuyển động hết một vòng quanh Mặt Trời là một năm.

2.1 *"... Mười rằm trăng náu*
Mười sáu trăng treo..."
(Đồng dao Việt Nam)

- *Người xưa sáng tạo ra lịch dựa trên cơ sở nào?*
- *Câu đồng dao trong tư liệu 2.1 thể hiện cách tính thời gian của người xưa theo âm lịch hay dương lịch?*

2.2 Đồng hồ mặt trời

timdapan.com

II. CÁCH TÍNH THỜI GIAN

Dựa vào sơ đồ 2.4 và thông tin trong bài, em hãy giải thích các khái niệm trước Công nguyên, Công nguyên, thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ.

Lịch chính thức của thế giới hiện nay dựa theo cách tính thời gian của dương lịch, gọi là Công lịch. Công lịch lấy năm 1 là năm tương truyền Chúa Giê-su (Jesus, người sáng lập đạo Thiên chúa) ra đời làm năm đầu tiên của Công nguyên. Trước năm đó là trước Công nguyên (TCN). Từ năm 1 trở đi, thời gian được tính là Công nguyên (CN).

2.3 Tờ lịch

2.4 Sơ đồ cách tính thời gian theo Công lịch

Một thập kỉ là 10 năm. Một thế kỉ là 100 năm. Một thiên niên kỉ là 1000 năm.

Hiện nay, ở Việt Nam, Công lịch được dùng chính thức trong văn bản của nhà nước, tuy nhiên, âm lịch vẫn được sử dụng rộng rãi trong nhân dân.

LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

1. *Dựa vào sơ đồ 2.4, em hãy xác định từ thời điểm xảy ra các sự kiện ghi trên sơ đồ đến hiện tại là bao nhiêu năm, bao nhiêu thập kỉ, bao nhiêu thế kỉ.*

Vận dụng

2. *Hãy cho biết những ngày lễ quan trọng của nước Việt Nam: Giỗ Tổ Hùng Vương, tết Nguyên đán, ngày Quốc khánh, ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước được tính theo loại lịch nào?*
3. *Quan sát hình 2.3, theo em vì sao trên tờ lịch của chúng ta có ghi thêm ngày, tháng, năm âm lịch? Có nên chỉ ghi một loại lịch là dương lịch không?*
4. *Hãy xây dựng trục thời gian những sự kiện quan trọng của cá nhân em. Ví dụ: năm sinh, năm vào mẫu giáo, năm vào lớp 1, năm vào lớp 6,... (lưu ý: em có thể bắt đầu trục thời gian với năm sinh của em).*

Chân trời sáng tạo

timdapan.com

CHƯƠNG 2

THỜI KÌ NGUYÊN THUỶ

Thời nguyên thuỷ là thời kì đầu tiên của lịch sử loài người. Trong buổi bình minh đó của lịch sử, loài người đã sống như thế nào? Họ đã làm gì để tồn tại và thích ứng với môi trường tự nhiên?

Trong chương này, các em sẽ được tìm hiểu:

– Nguồn gốc loài người.

– Xã hội nguyên thuỷ.

– Sự chuyển biến và phân hoá của xã hội nguyên thuỷ.

Hang Thẩm Hai (Lạng Sơn), nơi phát hiện hoá thạch người và động vật cách ngày nay khoảng 400 000 năm.

timdapan.com

Bài 3 NGUỒN GỐC LOÀI NGƯỜI

Học xong bài này, em sẽ:

* Giới thiệu được sơ lược quá trình tiến hoá từ Vượn người thành người trên Trái Đất.
* Xác định được những dấu tích của Người tối cổ ở Đông Nam Á.
* Kể tên được những địa điểm tìm thấy dấu tích của Người tối cổ trên đất nước Việt Nam.

Đã bao giờ em đặt câu hỏi: Loài người xuất hiện như thế nào? Đi tìm lời giải đáp cho câu hỏi này là vấn đề khoa học không bao giờ cũ. Nhiều nhà khoa học chấp nhận giả thiết con người xuất hiện đầu tiên ở châu Phi. Bắt đầu từ những bộ xương hoá thạch tìm thấy ở đây, các nhà khoa học đã dần khám phá bí ẩn về sự xuất hiện của loài người.

I. QUÁ TRÌNH TIẾN HOÁ TỪ VƯỢN NGƯỜI THÀNH NGƯỜI

– Em hãy nêu quá trình tiến hoá từ Vượn người thành người.

– Những đặc điểm nào cho thấy sự tiến hoá của Người tối cổ so với Vượn người?

– Quan sát hình 3.3, em thấy Người tinh khôn khác Người tối cổ ở những điểm nào?

3.1 Vượn người

Cách đây khoảng từ 6 triệu đến 5 triệu năm, ở chặng đầu của quá trình tiến hoá, có một loài vượn khá giống người đã xuất hiện, được gọi là Vượn người. Trải qua quá trình tiến hoá, khoảng 4 triệu năm trước, một nhánh Vượn người đã

3.2 Người tối cổ ở nhiều khu vực trên thế giới có những đặc điểm và thời gian tồn tại khác nhau.

timdapan.com

thoát khỏi đời sống leo trèo, có khả năng đứng thẳng trên mặt đất, đi bằng hai chân, thể tích não lớn hơn, biết ghè đẽo đá làm công cụ lao động. Đó là Người tối cổ.

Người tối cổ sinh sống thành nhiều nhóm, tồn tại trong những môi trường sống khác nhau. Từ nơi xuất hiện ban đầu là châu Phi, sau đó họ dần vượt qua những cây cầu băng giá, có mặt ở hầu hết các châu lục. Nổi bật là nhóm "Người đứng thẳng" với di cốt và công cụ lao động được tìm thấy ở nhiều nơi trên thế giới, trong đó có khu vực Đông Nam Á.

Khoảng 150 000 năm trước, Người tinh khôn, còn được gọi là Người hiện đại đã xuất hiện. Người tinh khôn có bộ não lớn hơn Người tối cổ và cấu tạo cơ thể cơ bản giống người ngày nay. Sự xuất hiện của Người tinh khôn đánh dấu quá trình chuyển biến từ Vượn người thành người đã hoàn thành.

3.3 Người tối cổ và Người tinh khôn

II. DẤU TÍCH CỦA NGƯỜI TỐI CỔ Ở ĐÔNG NAM Á

Quan sát lược đồ 3.5:

– Em hãy kể tên những địa điểm tìm thấy dấu tích của Người tối cổ ở Đông Nam Á.

– Nêu nhận xét phạm vi phân bố dấu tích Người tối cổ ở Việt Nam.

3.4 Công cụ đá thô sơ của Người tối cổ (An Khê, Gia Lai), cách ngày nay khoảng 800 000 năm

Người tối cổ xuất hiện khá sớm ở Đông Nam Á. Hoá thạch đầu tiên được tìm thấy trên đảo Gia-va (Java, In-đô-nê-xi-a).

Nhiều công cụ đá ghè đẽo thô sơ dùng để đập, chặt của Người tối cổ cũng được tìm thấy ở nhiều nơi trên đất nước Việt Nam như núi Đọ, Quan Yên (Thanh Hoá), Xuân Lộc (Đồng Nai), An Khê (Gia Lai),... Đặc biệt ở các hang Thẩm Khuyên, Thẩm Hai (Lạng Sơn), các nhà khoa học còn phát hiện được những chiếc răng Người tối cổ cách ngày nay khoảng 400 000 năm.

timdapan.com

3.5 Lược đồ dấu tích của Người tối cổ ở Đông Nam Á

Chân trời sáng tạo

LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

1. *Bằng chứng khoa học nào chứng tỏ Đông Nam Á là nơi có con người xuất hiện từ sớm?*
2. *Lập bảng thống kê các di tích của Người tối cổ ở Đông Nam Á theo nội dung sau: tên quốc gia, tên địa điểm tìm thấy dấu tích của Người tối cổ.*

Vận dụng

3. *Phần lớn người châu Phi có làn da đen, người châu Á có làn da vàng còn người châu Âu có làn da trắng, liệu họ có chung một nguồn gốc hay không?*

timdapan.com

Bài 4 XÃ HỘI NGUYÊN THUỶ

Học xong bài này, em sẽ:

* Mô tả được sơ lược các giai đoạn tiến triển của xã hội nguyên thuỷ.
* Trình bày được những nét chính về đời sống của con người thời nguyên thuỷ trên thế giới và Việt Nam.
* Nhận biết được vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của con người thời nguyên thuỷ và xã hội loài người.

Phần lớn thời kì nguyên thuỷ, con người có cuộc sống lệ thuộc vào tự nhiên. Có những điều tưởng chừng thật đơn giản với chúng ta ngày nay như dùng lửa để nấu chín thức ăn, chế tạo các công cụ, thuần dưỡng động vật,... nhưng với người nguyên thuỷ thực sự đó là những bước tiến lớn trong đời sống.

I. CÁC GIAI ĐOẠN TIẾN TRIỂN CỦA XÃ HỘI NGUYÊN THUỶ

Xã hội nguyên thuỷ kéo dài hàng triệu năm từ khi con người bắt đầu xuất hiện trên Trái Đất đến khi xã hội có giai cấp và nhà nước được hình thành. Trong hàng triệu năm tiến triển đó, loài người lệ thuộc nhiều vào tự nhiên. Con người ăn chung, ở chung và giúp đỡ lẫn nhau.

Dựa vào sơ đồ 4.1 và thông tin bên dưới, em hãy cho biết:

– Xã hội nguyên thuỷ đã trải qua những giai đoạn phát triển nào?

– Đặc điểm căn bản trong quan hệ của con người với nhau thời kì nguyên thuỷ.

4.1 Sơ đồ mô phỏng các giai đoạn của xã hội nguyên thuỷ

timdapan.com

II. ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT CỦA NGƯỜI NGUYÊN THUỶ

1. Lao động và công cụ lao động

– Lao động có vai trò như thế nào trong quá trình tiến hoá của người nguyên thuỷ?

– Dựa vào các hình 4.2, 4.4, 4.5, 4.6 và thông tin bên dưới, em hãy kể tên những công cụ lao động của người nguyên thuỷ. Những công cụ đó được dùng để làm gì?

– Quan sát hình 4.7, em có đồng ý với ý kiến: Bức vẽ trong hang La-xcô (Lascaux) mô tả những con vật là đối tượng săn bắt của người nguyên thuỷ khi họ đã có cung tên. Tại sao?

4.2 Rìu tay Tan-da-ni-a (Tanzania) châu Phi, 1,4 triệu năm tuổi

4.3 Tranh vẽ mô phỏng cách làm ra lửa

4.4 Tranh vẽ mô tả cách sử dụng công cụ lao động của người nguyên thuỷ

Ban đầu, người nguyên thuỷ chỉ biết sử dụng những mẩu đá vừa vặn cầm tay làm công cụ, dần dần họ đã biết ghè một mặt hay hai mặt của hòn đá, tạo nên những công cụ lao động thô sơ. Các nhà khảo cổ học gọi đó là những chiếc rìu tay, mảnh tước.

Ở Việt Nam, công cụ lao động bằng đá của Người tối cổ được tìm thấy nhiều ở An Khê (Gia Lai), núi Đọ (Thanh Hoá).

Người tối cổ cũng đã biết tạo ra lửa để sưởi ấm và nướng thức ăn.

4.5 Rìu tay và mảnh tước núi Đọ (Thanh Hoá), khoảng 400 000 năm tuổi

timdapan.com

Dần dần, người nguyên thuỷ biết mài đá để tạo ra công cụ lao động. Những chiếc rìu đá mài lưỡi của Người tinh khôn ra đời là một bước tiến đáng kể của công cụ đá. Tiến bộ hơn, Người tinh khôn còn biết sử dụng lao, cung tên. Nguồn thức ăn có được từ săn bắt động vật cũng phong phú hơn, bao gồm cả các loại thú rừng lớn, chạy nhanh.

Nhờ cải tiến công cụ lao động, đôi bàn tay dần trở nên khéo léo hơn, cơ thể cũng dần biến đổi để thích ứng với các tư thế lao động. Con người đã từng bước tự cải biến và hoàn thiện mình.

4.6 Bàn mài và rìu mài lưỡi (văn hoá Bắc Sơn) khoảng 11 000 năm tuổi

Em có biết?

Tại các hang động La-xcô thuộc nước Pháp ngày nay, người nguyên thuỷ đã vẽ khoảng 600 hình ảnh động vật có niên đại khoảng 15 000 năm TCN. Các nhà sử học cho rằng nhiều con vật trong những bức vẽ là đối tượng săn bắt của người nguyên thuỷ khi họ đã có cung tên.

4.7 Hình vẽ trên vách hang động La-xcô, Pháp

2. Từ hái lượm, săn bắt đến trồng trọt, chăn nuôi

– Quan sát hình 4.8, em hãy cho biết những nét chính về đời sống của người nguyên thuỷ ở Việt Nam (cách thức lao động, vai trò của lửa trong đời sống của họ).

– Những chi tiết nào trong hình 4.9 thể hiện con người đã biết thuần dưỡng động vật?

Người nguyên thuỷ sống lệ thuộc vào tự nhiên. Họ di chuyển từ khu rừng này đến khu rừng khác để tìm kiếm thức ăn. Phụ nữ và trẻ em hái lượm các loại hạt, quả. Đàn ông đảm nhận các công việc nặng nhọc, nguy hiểm như săn bắt thú rừng.

timdapan.com

4.8 Tranh vẽ mô phỏng cuộc sống của người nguyên thuỷ ở Việt Nam

Qua hái lượm, người nguyên thuỷ phát hiện những hạt ngũ cốc, những loại rau quả có thể trồng được. Từ săn bắt, họ dần phát hiện những con vật có thể thuần dưỡng và chăn nuôi.

4.9 Hình vẽ trên vách hang đá ở sa mạc Xa-ha-ra (Sahara), cách ngày nay khoảng 10 000 năm

Cùng với sự phát triển của công cụ đá mài, trồng trọt, chăn nuôi và thuần dưỡng động vật, người nguyên thuỷ đã bắt đầu đời sống định cư.

Dấu tích của một nền nông nghiệp sơ khai cũng xuất hiện rất sớm ở Việt Nam. Trong di chỉ văn hoá Hoà Bình (cách ngày nay khoảng 10 000 năm), các nhà khảo cổ học đã tìm thấy dấu vết những hạt thóc, vỏ trấu, hạt gạo cháy, có cả bàn nghiền hạt và chày.

Người nguyên thuỷ đã dần chuyển sang định cư, địa bàn cư trú cũng được mở rộng. Các nhà khảo cổ học đã tìm thấy những dấu tích của họ ở nhiều vùng khác nhau như Bàu Tró (Quảng Bình), Cái Bèo, Hạ Long (Quảng Ninh), Quỳnh Văn (Nghệ An),...

timdapan.com

III. ĐỜI SỐNG TINH THẦN CỦA NGƯỜI NGUYÊN THUỶ

Người nguyên thuỷ đã có tục chôn cất người chết. Trong nhiều hang động, người ta đã phát hiện ra nhiều mộ táng có chôn theo cả công cụ lao động.

Người nguyên thuỷ đã biết sử dụng đồ trang sức, biết dùng màu, vẽ lên người để hoá trang hay làm đẹp.

Đặc biệt, họ đã biết quan sát cuộc sống xung quanh và thể hiện ra bằng hình ảnh. Những bức tranh vẽ trong hang đá, những tác phẩm điêu khắc trên chất liệu đá, ngà voi,... còn lại đến ngày nay, giúp chúng ta có thể hình dung phần nào đời sống vật chất và tinh thần của họ.

Em hãy quan sát hình 4.11 và cho biết người nguyên thuỷ đã khắc hình gì trong hang Đồng Nội?

4.11 Hình khắc trong hang Đồng Nội (Hoà Bình, Việt Nam)

4.10 Chân dung cô gái được chạm khắc bằng ngà voi, 26 000 năm tuổi, phát hiện ở Tây Nam nước Pháp ngày nay.

4.12 Chuỗi hạt vỏ ốc, xóm Thầm (Quảng Bình) cách ngày nay khoảng 4000 năm

LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

1. Em hãy nêu sự tiến triển về công cụ lao động, cách thức lao động của người nguyên thuỷ.

2. Em hãy hoàn thành bảng dưới đây.

Nội dung	Người tối cổ	Người tinh khôn
Đặc điểm cơ thể	?	?
Công cụ và phương thức lao động	?	?
Tổ chức xã hội	?	?

timdapan.com

Vận dụng

3. Theo em lao động có vai trò như thế nào đối với bản thân, gia đình và xã hội ngày nay?

4. Vận dụng kiến thức trong bài học, em hãy sắp xếp các bức vẽ minh hoạ đời sống lao động của người nguyên thuỷ bên dưới theo hai chủ đề:

Chủ đề 1: Cách thức lao động của Người tối cổ.

Chủ đề 2: Cách thức lao động của Người tinh khôn.

timdapan.com

Bài 5

SỰ CHUYỂN BIẾN TỪ XÃ HỘI NGUYÊN THUỶ SANG XÃ HỘI CÓ GIAI CẤP

Học xong bài này, em sẽ:

* Trình bày được quá trình phát hiện ra kim loại và vai trò của kim loại đối với sự chuyển biến từ xã hội nguyên thuỷ sang xã hội có giai cấp.
* Mô tả được sự hình thành xã hội có giai cấp.
* Giải thích được vì sao xã hội nguyên thuỷ tan rã.
* Nêu và giải thích được sự phân hoá không triệt để của xã hội nguyên thuỷ ở phương Đông.
* Nêu được một số nét cơ bản của xã hội nguyên thuỷ Việt Nam trong quá trình tan rã.

"Người băng Ốt-di (Ötzi)" hơn 5000 năm tuổi, được tìm thấy trong băng ở núi An-pơ (Alps) thuộc nước I-ta-li-a, cùng với một số công cụ bằng kim loại như rìu đồng, mũi tên đồng. Đáng chú ý là trên người Ốt-di vẫn còn một mũi tên đồng cắm sau vai trái. Phát hiện này là một bằng chứng quan trọng giúp các nhà khoa học nghiên cứu về sự chuyển biến của xã hội cuối thời kì nguyên thuỷ, khi đá không còn là nguyên liệu duy nhất để chế tạo công cụ lao động hay vũ khí.

5.1 Bản phục dựng người băng Ốt-di

I. SỰ XUẤT HIỆN CỦA CÔNG CỤ LAO ĐỘNG BẰNG KIM LOẠI

5.2 Kiếm, dao găm và các vật dụng bằng sắt, Mi-xen (Mycenaean), 1600 năm TCN

– Kim loại đã được phát hiện ra như thế nào?

– Em hãy quan sát các hình từ 5.2 đến 5.4 và cho biết:

+ Công cụ và vật dụng bằng kim loại có điểm gì khác biệt về chủng loại, hình dáng so với công cụ bằng đá?

+ Kim loại được sử dụng vào những mục đích gì trong đời sống của con người cuối thời nguyên thuỷ?

Vào khoảng thiên niên kỉ IV TCN, con người tình cờ phát hiện ra đồng đỏ khi khai thác đá. Đầu thiên niên kỉ II TCN, họ đã luyện được đồng thau và sắt. Công cụ lao động và vũ khí bằng kim loại ra đời, sớm nhất ở Tây Á, Bắc Phi, sau đó là châu Âu.

timdapan.com

Việc chế tạo công cụ lao động bằng kim loại giúp con người có thể khai phá đất hoang, tăng diện tích trồng trọt, có thể xẻ gỗ đóng thuyền, xẻ đá làm nhà và khai thác mỏ.

Trồng trọt, săn thú cũng trở nên dễ dàng hơn với công cụ bằng kim loại. Một số công việc mới xuất hiện như nghề luyện kim, chế tạo công cụ lao động, chế tạo vũ khí,...

5.3 Dụng cụ chính khai thác mỏ bằng đá và đồng ở Tim-na (Timna)

5.4 Cày gỗ có lưỡi bằng đồng, khoảng thiên niên kỉ III TCN, Ai Cập

II. SỰ CHUYỂN BIẾN TRONG XÃ HỘI NGUYÊN THUỶ

Nhờ có công cụ lao động bằng kim loại, vào cuối thời nguyên thuỷ, con người có thể làm ra một lượng sản phẩm dư thừa. Những sản phẩm dư thừa này đã thuộc về một số người.

– Đọc các thông tin, quan sát sơ đồ 5.5, em hãy cho biết:

+ Nguyên nhân nào dẫn đến sự phân hoá xã hội thành "người giàu" và "người nghèo"?

+ Mối quan hệ giữa người với người như thế nào trong xã hội có phân hoá giàu, nghèo?

– Vì sao xã hội nguyên thuỷ ở phương Đông không phân hoá triệt để?

Quá trình phân hoá xã hội và tan rã của xã hội nguyên thuỷ ở các nơi trên thế giới không giống nhau. Vào cuối thời nguyên thuỷ, cư dân phương Đông sinh sống và làm nông nghiệp chủ yếu bên các dòng sông, đất phù sa màu mỡ, thuận tiện để sử dụng công cụ đá và đồng đỏ. Trong điều kiện đó, họ thường sống quần tụ, cùng đào mương, đắp đê, chống giặc ngoại xâm. Do vậy, sự liên kết giữa các cộng đồng và nhiều tập tục của xã hội nguyên thuỷ vẫn tiếp tục được bảo lưu.

timdapan.com

5.5 Sơ đồ mô phỏng sự chuyển biến xã hội cuối thời nguyên thuỷ

III. VIỆT NAM CUỐI THỜI KÌ NGUYÊN THUỶ

Quan sát các hình từ 5.6 đến 5.9 và kết hợp với thông tin trong bài, em hãy:
– Nêu một số nét cơ bản của xã hội nguyên thuỷ Việt Nam trong quá trình tan rã.
– Cuối thời nguyên thuỷ, người Việt cổ đã có những công cụ lao động và những ngành nghề sản xuất nào?

Cách đây hơn 4000 năm, xã hội nguyên thuỷ ở Việt Nam có những chuyển biến quan trọng, gắn với các nền văn hoá như Phùng Nguyên (Phú Thọ), Đồng Đậu (Vĩnh Phúc), Gò Mun (Phú Thọ). Dấu ấn đầu tiên tạo nên sự chuyển biến này là việc cư dân phát minh ra thuật luyện kim và biết chế tác công cụ lao động, vũ khí bằng đồng.

1. Công cụ mũi nhọn

2. Lưỡi câu

3. Mũi giáo, mũi tên

5.6 Đồ đồng Gò Mun

timdapan.com

Việc sử dụng các công cụ lao động bằng kim loại đã giúp người nguyên thuỷ mở rộng địa bàn cư trú, chuyển dần xuống vùng đồng bằng và định cư ven các con sông lớn như sông Hồng, sông Mã, sông Đồng Nai,... Họ làm nông nghiệp trồng lúa nước, chăn nuôi, biết nung gốm ở nhiệt độ cao, biết đúc công cụ và vật dụng bằng đồng,... Những xóm làng đã dần dần xuất hiện.

5.7 Đồ gốm Phùng Nguyên

5.8 Tượng gà bằng đất nung, Đồng Đậu

5.9 Tượng người ngồi bó gối bằng đồng, Gò Mun

LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

1. *Em hãy nêu những chuyển biến về kinh tế, xã hội vào cuối thời nguyên thuỷ. Phát minh quan trọng nào của người nguyên thuỷ tạo nên những chuyển biến này?*

Vận dụng

2. *Quan sát công cụ lao động và những vật dụng của người nguyên thuỷ giai đoạn Phùng Nguyên, Đồng Đậu, Gò Mun, em hãy viết một đoạn văn ngắn mô tả cuộc sống của họ.*
3. *Em hãy kể tên một số vật dụng bằng kim loại mà con người ngày nay vẫn thừa hưởng từ những phát minh của người nguyên thuỷ.*

timdapan.com

CHƯƠNG 3

XÃ HỘI CỔ ĐẠI

Khoảng 3500 – 3000 năm TCN, cư dân sống bên những dòng sông lớn ở châu Á, châu Phi đã biết luyện kim, làm nông nghiệp, chăn nuôi gia súc và quan trọng hơn, họ đã sáng tạo ra chữ viết. Họ cũng là chủ nhân của những nhà nước đầu tiên trong lịch sử nhân loại. Hơn 2000 năm sau đó, nhà nước xuất hiện ở châu Âu, bắt đầu từ vùng Địa Trung Hải và phát triển rất khác so với các nhà nước cổ đại ở châu Á và châu Phi.

Trong chương này, các em sẽ được tìm hiểu:

– Ai Cập cổ đại.

– Lưỡng Hà cổ đại.

– Ấn Độ cổ đại.

– Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỉ VII.

– Hy Lạp và La Mã cổ đại.

Chân trời sáng tạo

timdapan.com

Bài 6 AI CẬP CỔ ĐẠI

Học xong bài này, em sẽ:

* Nêu được những tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập cổ đại.
* Trình bày được quá trình thành lập nhà nước của người Ai Cập cổ đại.
* Nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá ở Ai Cập cổ đại.

"Vinh danh thay người, sông Nin (Nile) vĩ đại! Người đến từ đất và mang đến sự sống cho Ai Cập". Đó là những dòng thơ bắt đầu trong một bài thơ cổ ngợi ca dòng sông gắn với sự phát sinh và phát triển của nền văn minh Ai Cập. "Ai Cập là tặng phẩm của sông Nin". Không có sông Nin sẽ không có Ai Cập như chúng ta được biết ngày nay.

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

- *Sông Nin đem lại những thuận lợi gì cho người Ai Cập cổ đại?*
- *Quan sát lược đồ 6.1 và hình 6.3, em hãy cho biết chữ nào trong hai chữ tượng hình dưới đây được dùng để diễn tả hoạt động đi thuyền từ Thượng Ai Cập xuống Hạ Ai Cập. Lí giải sự lựa chọn của em?*

1.

2.

6.1 Lược đồ Ai Cập cổ đại (khoảng 3000 TCN – 30 TCN)

timdapan.com

Ai Cập cổ đại nằm ở phía đông bắc châu Phi, là vùng đất dài nằm dọc hai bên bờ sông Nin. Phía bắc là vùng Hạ Ai Cập, nơi sông Nin đổ ra Địa Trung Hải. Phía nam là vùng Thượng Ai Cập với nhiều núi và đồi cát. Phía đông và phía tây giáp sa mạc.

Sông Nin mang đến nguồn nước thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp của Ai Cập cổ đại.

Hằng năm, từ tháng 7, mực nước sông Nin dâng cao, nước lũ tràn lên hai bên bờ.

Tháng 10, nước sông bắt đầu rút, để lại những lớp đất phù sa màu đen. Người Ai Cập cổ đại nhanh chóng gieo trồng lúa mì.

Từ tháng 3, cư dân bắt đầu thu hoạch và tích trữ lúa mì, đảm bảo nguồn lương thực.

6.2 Việc gieo trồng lúa mì của người Ai Cập cổ đại phụ thuộc vào lũ trên sông Nin.

Chân trời sáng tạo

6.3 Tranh tường lăng mộ Nê-ba-mun (Nebamun), The-bơ (Thebes), 1350 TCN. Thuyền đi săn xuôi theo dòng sông Nin, hai bờ là những bụi cây pa-pi-rút (papyrus).

Sông Nin còn là tuyến đường giao thông chủ yếu giữa các vùng. Dựa vào hướng chảy xuôi dòng từ nam đến bắc của sông, người Ai Cập di chuyển và vận chuyển nguyên liệu, hàng hoá từ Thượng Ai Cập xuống Hạ Ai Cập. Khi di chuyển ngược dòng nước, họ tận dụng sức gió thổi từ biển vào, đẩy thuyền buồm đi từ Hạ Ai Cập về Thượng Ai Cập dễ dàng hơn.

timdapan.com

II. QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP NHÀ NƯỚC AI CẬP CỔ ĐẠI

Dựa vào hình 6.4 và thông tin ở phần II, em hãy:

– Trình bày quá trình thành lập nhà nước Ai Cập.

– Quá trình thống nhất nhà nước Ai Cập bằng chiến tranh được thể hiện như thế nào trên phiến đá Na-mơ?

Em có biết?

Phiến đá Na-mơ (niên đại 3200 TCN – 3000 TCN) có hai mặt, diễn tả chiến thắng của vua Na-mơ với sự ủng hộ của thần Hô-rút (Horus), vị thần bảo hộ của các pha-ra-ông (pharaoh), biểu hiện là chim ưng. Hình ảnh vua Na-mơ đội cả hai vương miện (vương miện Thượng Ai Cập ở mặt 1, sử liệu cho biết là màu trắng; vương miện Hạ Ai Cập ở mặt 2, sử liệu cho biết là màu đỏ), diễn tả sự thống nhất Thượng và Hạ Ai Cập trong quá trình thành lập nhà nước Ai Cập cổ đại.

Cư dân Ai Cập cổ đại cư trú ở vùng lưu vực sông Nin. Họ sống theo từng công xã, gọi là Nôm. Từ thiên niên kỉ IV TCN, các Nôm miền Bắc hợp thành Hạ Ai Cập, các Nôm miền Nam hợp thành Thượng Ai Cập. Khoảng năm 3000 TCN, vua Na-mơ (Namer), hay vua Mê-nét (Menes) theo huyền thoại đã thống nhất Thượng và Hạ Ai Cập. Nhà nước Ai Cập ra đời.

Na-mơ và những người kế vị đã cai trị Ai Cập theo hình thức cha truyền con nối. Đứng đầu nhà nước Ai Cập cổ đại là các pha-ra-ông, có quyền lực tối cao, sở hữu toàn bộ đất đai, của cải, có quân đội riêng.

Năm 30 TCN, người La Mã xâm chiếm Ai Cập, nhà nước Ai Cập cổ đại sụp đổ.

6.4 Phiến đá Na-mơ, 64 cm x 42 cm, khắc tên vua Na-mơ, Thượng Ai Cập

timdapan.com

III. NHỮNG THÀNH TỰU VĂN HOÁ TIÊU BIỂU

– Trong các thành tựu văn hoá của người Ai Cập, em có ấn tượng với thành tựu nào nhất? Tại sao?

– Tại sao hình học lại phát triển ở Ai Cập cổ đại?

Chữ viết

Người Ai Cập cổ đại dùng hình vẽ để biểu đạt ý niệm, suy nghĩ, về sau cải tiến theo hướng đơn giản hoá, chỉ lấy một phần điển hình của sự vật để tạo nên chữ. Họ khắc chữ tượng hình trên những phiến đá, sau nhờ có giấy làm từ cây pa-pi-rút (một loại cây sậy mọc ven bờ sông Nin), họ đã lưu trữ được lượng lớn thông tin.

6.5 Bảng đá khắc chữ tượng hình, niên đại 2332 TCN – 2287 TCN

Toán học

Hằng năm, nước sông Nin dâng cao khiến ranh giới giữa các thửa ruộng bị xoá nhoà, nên mỗi khi nước rút, người Ai Cập cổ đại phải tiến hành đo đạc lại diện tích. Vì vậy, họ rất giỏi về hình học. Những hiểu biết này là cơ sở để họ xây dựng những kim tự tháp kì vĩ.

Kiến trúc và điêu khắc

Công trình kiến trúc nổi tiếng nhất của Ai Cập là các kim tự tháp, tập trung nhiều nhất ở Mem-phít (Memphits), nơi có kim tự tháp Kê-ốp (Cheops), Thung lũng các vị Vua và khu đền tháp của vua Ram-sét II (Ramset II) thuộc phía nam Ai Cập ngày nay. Kim tự tháp Kê-ốp, một kì quan của thế giới cổ đại, có chiều cao khoảng 147 m, được tạo nên từ hơn 2 triệu phiến đá, phần lớn các phiến đá nặng từ 2,5 đến 4 tấn, đặc biệt những phiến đá xây dựng phần móng nặng hàng chục tấn.

6.6 Kim tự tháp Kê-ốp (Ai Cập)

timdapan.com

Nhiều tác phẩm được coi là báu vật của nghệ thuật nhân loại như tượng bán thân nữ hoàng Nê-phéc-ti-ti (Nefertiti), phiến đá Na-mơ, mặt nạ bằng vàng của vua Tu-tan-kha-mun (Tutankhamun),...

6.7 Tượng bán thân Nê-phéc-ti-ti, 1345 TCN

6.8 Mặt nạ vua Tu-tan-kha-mun, 1323 TCN

Y học: Kĩ thuật ướp xác

Người Ai Cập không chỉ tin vào thần linh mà còn tin vào sự bất tử của con người. Họ ướp xác để đợi linh hồn tái sinh và xây kim tự tháp để cất giữ xác ướp. Nhờ ướp xác nên họ rất giỏi về giải phẫu học, biết rõ các bộ phận cơ thể người. Việc sử dụng tinh dầu thực vật trong quá trình ướp xác đã đem đến cho họ kiến thức về các loại thuốc bằng thảo mộc, tinh dầu,...

6.9 Xác ướp được tìm thấy ở The-bơ, 945 TCN – 716 TCN

Chân trời sáng tạo

LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

1. *Em hiểu thế nào về câu nói của sử gia Hy Lạp cổ đại Hê-rô-đốt (Herodotus): "Ai Cập là quà tặng của sông Nin"?*
2. *Sự ra đời của nhà nước Ai Cập cổ đại dựa trên cơ sở nào?*

Vận dụng

3. *Giả sử lớp học của em có chiều cao 3 m, em hãy cùng các bạn trong lớp tìm hiểu xem chiều cao của kim tự tháp Kê-ốp gấp bao nhiêu lần chiều cao của lớp học?*

timdapan.com

Bài 7 LƯỠNG HÀ CỔ ĐẠI

Học xong bài này, em sẽ:

* Nêu được những tác động của điều kiện tự nhiên với sự hình thành nền văn minh cổ đại Lưỡng Hà.
* Trình bày được quá trình thành lập nhà nước của người Lưỡng Hà.
* Nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá ở Lưỡng Hà.

Khác với sự hình thành vương quốc thống nhất ở Ai Cập, Lưỡng Hà phát triển với sự ra đời của nhiều vương quốc do các tộc người khác nhau cai trị, nên lịch sử Lưỡng Hà triền miên những cuộc chiến tranh. Tuy nhiên, hơn tất cả, cư dân Lưỡng Hà cổ đại đã tạo nên một nền văn hoá độc đáo và có những đóng góp đáng kể cho văn minh nhân loại.

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

– Quan sát hình 7.1 và lược đồ 7.2, kết hợp với kiến thức đã học, em hãy chỉ ra điểm khác nhau về điều kiện tự nhiên giữa Ai Cập cổ đại và Lưỡng Hà cổ đại.

– Tại sao nhiều người Lưỡng Hà lại trở thành thương nhân?

Lưỡng Hà là vùng đất nằm trên lưu vực hai con sông Ơ-phơ-rát (Euphrates) và Ti-gơ-rơ (Tigris), người Hy Lạp cổ đại gọi là Mê-dô-pô-ta-mi (Mesopotamia), có nghĩa là "vùng đất giữa hai con sông" (Lưỡng Hà). Đó là một vùng bình nguyên rộng lớn, bằng phẳng, nhận phù sa hằng năm khi nước lũ dâng lên từ sông Ơ-phơ-rát và Ti-gơ-rơ. Ở đây, người ta biết làm nông nghiệp từ rất sớm. Họ trồng chà là, ngũ cốc, rau củ và thuần dưỡng động vật.

7.1 Toàn cảnh di tích thành cổ Ba-bi-lon (Babylon) của Lưỡng Hà cổ đại, I-rắc (Iraq)

timdapan.com

Không có biên giới thiên nhiên hiểm trở, đi lại dễ dàng nên hoạt động buôn bán, trao đổi hàng hoá giữa Lưỡng Hà với những vùng xung quanh rất phát triển. Nhiều người Lưỡng Hà trở thành thương nhân. Họ rong ruổi khắp Tây Á thời bấy giờ với những đàn lạc đà chất đầy hàng hoá trên lưng.

7.2 Lược đồ Lưỡng Hà cổ đại

II. QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP NHÀ NƯỚC LƯỠNG HÀ CỔ ĐẠI

– Em hãy trình bày quá trình thành lập nhà nước Lưỡng Hà cổ đại.

– Quan sát lược đồ 7.2, em hãy kể tên những thành thị gắn với những nhà nước ra đời sau giai đoạn Xu-me.

Người Xu-me (Sumer) là nhóm người đến cư trú sớm nhất ở Lưỡng Hà. Khoảng 3500 năm TCN, họ xây dựng những quốc gia thành thị. Đó là những nhà nước đầu tiên của người Lưỡng Hà. Mỗi quốc gia thành thị bao gồm một thành phố và vùng đất xung quanh lệ thuộc vào nó. Vùng hạ lưu sông Ơ-phơ-rát và Ti-gơ-rơ là nơi tập trung những quốc gia thành thị của người Xu-me với những thành phố nổi tiếng như Ua (Ur), U-rúc (Uruk), Um-ma (Ummar).

Sau người Xu-me, nhiều tộc người khác thay nhau làm chủ vùng đất này và lập nên những vương quốc, những đế chế hùng mạnh. Nhiều thành thị mới tiếp tục được xây dựng, trong đó, nổi tiếng nhất là thành Ba-bi-lon. Năm 539 TCN, người Ba Tư xâm lược Lưỡng Hà. Lịch sử các vương quốc cổ đại Lưỡng Hà kết thúc.

timdapan.com

III. NHỮNG THÀNH TỰU VĂN HOÁ TIÊU BIỂU

– Em hãy kể tên những thành tựu điển hình của văn hoá Lưỡng Hà cổ đại.

– Quan sát hình 7.3, theo em người Xu-me dùng dụng cụ có hình dạng như thế nào để khắc chữ trên những phiến đất sét?

– Đọc đoạn tư liệu 7.4, em hãy cho biết vua Ha-mu-ra-bi (Hammurabi) ban hành bộ luật để làm gì?

Chữ viết và văn học

Từ thiên niên kỉ IV TCN, Lưỡng Hà đã có chữ viết mà hình dạng giống như những chiếc đinh hay góc nhọn nên được gọi là chữ hình nêm hay hình góc.

Thành tựu văn học nổi bật của người Lưỡng Hà là bộ sử thi Gin-ga-mét (Gilgames), nói về người anh hùng huyền thoại của Lưỡng Hà, được xây dựng dựa trên hình tượng một vị vua có thật của người Xu-me.

7.3 Bảng chữ hình nêm của người Lưỡng Hà, 2400 năm TCN

Luật pháp

Năm 1750 TCN, bộ luật thành văn Ha-mu-ra-bi ra đời, quy định những nguyên tắc trong đời sống như quan hệ cộng đồng, gia đình, buôn bán, xây dựng,...

7.4

Lời mở đầu của Bộ luật Ha-mu-ra-bi khắc trên bia đá:

"Trẫm, một vị vua quang minh và ngoan đạo, phát huy chính nghĩa ở đời, diệt trừ kẻ gian ác không tuân theo luật pháp, làm cho kẻ mạnh không hà hiếp kẻ yếu."...

(Lương Ninh (Chủ biên), Lịch sử thế giới cổ đại, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2005, tr. 246)

Toán học

Người Lưỡng Hà cổ đại rất giỏi về số học nên có nhiều phương pháp đếm khác nhau, trong đó nổi bật là hệ thống đếm lấy số 60 làm cơ sở. Ngày nay, chúng ta vẫn sử dụng hệ đếm này để chia một giờ thành 60 phút, một phút thành 60 giây và chia một vòng tròn thành 360 độ.

timdapan.com

Kiến trúc và điêu khắc

Không có sẵn đá như ở Ai Cập, người Lưỡng Hà sử dụng gạch làm vật liệu xây dựng. Thời gian, chiến tranh đã phá huỷ phần lớn các công trình kiến trúc và nghệ thuật của Lưỡng Hà, nhưng từ những di tích còn lại đến ngày nay, chúng ta có thể biết được phần nào tài năng và khiếu thẩm mĩ độc đáo của người Lưỡng Hà trong lĩnh vực kiến trúc, điêu khắc.

7.5 Sư tử gầm – gạch men, cung điện vua Ba-bi-lon, thế kỉ VI TCN

7.6 Một mặt của hộp gỗ thành Ua, 2500 tuổi

Kiệt tác nghệ thuật Lưỡng Hà cổ đại, khắc hoạ cảnh chiến tranh.

Công trình kiến trúc nổi tiếng của Lưỡng Hà cổ đại là vườn treo Ba-bi-lon, xây dựng vào thế kỉ VI TCN. Nhà sử học Hy Lạp cổ đại Hê-rô-đốt đã mô tả vườn treo nhìn từ xa trông giống như một quả đồi xanh tươi đầy hoa, hương thơm ngào ngạt toả khắp thành Ba-bi-lon.

7.7 Vườn treo Ba-bi-lon *(Tranh minh hoạ)*

LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

1. *Quan sát lược đồ 7.2, em hãy cho biết các thành thị của người Xu-me phân bố chủ yếu ở khu vực nào?*

Vận dụng

2. *Thành tựu nào của người Lưỡng Hà cổ đại còn có ảnh hưởng đến ngày nay?*
3. *Kể tên những đồ vật xung quanh em có ứng dụng thành tựu toán học của người Lưỡng Hà cổ đại.*

timdapan.com

Bài 8 ẤN ĐỘ CỔ ĐẠI

Học xong bài này, em sẽ:

* Nêu được điều kiện tự nhiên của lưu vực sông Ấn, sông Hằng ảnh hưởng đến sự hình thành của văn minh Ấn Độ.
* Trình bày được những điểm chính về chế độ xã hội của Ấn Độ cổ đại.
* Nêu được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ cổ đại.

Lưu vực sông Ấn và sông Hằng là nơi xuất hiện một trong những trung tâm văn minh lớn của phương Đông cổ đại. Đây cũng là nơi chứng kiến sự ra đời của hai tôn giáo lớn trên thế giới là Hin-đu (Hindu) giáo và Phật giáo. Những thành tựu của cư dân vùng này đã góp phần đặt nền tảng văn hoá cho những quốc gia hiện đại như Băng-la-đét, Bu-tan, Ấn Độ, Nê-pan, Pa-ki-xtan và Xri Lan-ca.

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

– Điều kiện tự nhiên nào của vùng lưu vực sông Ấn, sông Hằng ảnh hưởng đến sự hình thành của văn minh Ấn Độ?

– Quan sát lược đồ 8.1, em hãy cho biết sông Ấn chảy qua những quốc gia nào ngày nay?

8.1 Lược đồ Ấn Độ cổ đại

Bán đảo Ấn Độ nằm ở khu vực Nam Á, có ba mặt giáp biển, nằm trên trục đường biển từ tây sang đông. Phía bắc được bao bọc bởi dãy núi Hi-ma-lay-a (Hymalayas). Dãy Vin-đi-a (Vindhya) vùng Trung Ấn chia địa hình Ấn Độ thành hai khu vực: Bắc Ấn và Nam Ấn.

timdapan.com

Vùng Bắc Ấn là đồng bằng sông Ấn và sông Hằng. Ở lưu vực sông Ấn, khí hậu khô nóng, mưa ít do tác động của sa mạc Tha (Thar). Ở lưu vực sông Hằng, đất đai màu mỡ hơn, mưa nhiều do sự tác động của gió mùa và không có sa mạc.

Cư dân Ấn Độ cổ đại sinh sống chủ yếu ở lưu vực hai con sông. Họ sản xuất nông nghiệp với hai ngành chính là trồng trọt và chăn nuôi.

II. XÃ HỘI ẤN ĐỘ CỔ ĐẠI

– Chế độ đẳng cấp trong xã hội Ấn Độ cổ đại được phân chia dựa trên cơ sở nào?

– Qua sơ đồ 8.2, em hãy cho biết đẳng cấp nào có vị thế cao nhất và đẳng cấp nào có vị thế thấp nhất?

Khoảng 2500 năm TCN, người bản địa Đra-vi-đa (Dravida) đã xây dựng những thành thị dọc hai bên bờ sông Ấn.

Đến khoảng 1500 năm TCN người A-ri-a (Arya) từ vùng Trung Á di cư vào Bắc Ấn, thống trị người Đra-vi-đa và thiết lập chế độ đẳng cấp dựa trên sự phân biệt về chủng tộc.

Xã hội được chia thành các đẳng cấp với những điều luật khắt khe. Người khác đẳng cấp không được kết hôn với nhau và những người thuộc đẳng cấp dưới phải phục tùng người thuộc đẳng cấp trên.

8.2 Sơ đồ các đẳng cấp trong xã hội Ấn Độ cổ đại

timdapan.com

III. NHỮNG THÀNH TỰU VĂN HOÁ TIÊU BIỂU

– Em hãy nêu những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ cổ đại.

– Theo em, tôn giáo nào ở Ấn Độ quan niệm mọi người đều bình đẳng?

– Em hãy cho một ví dụ về một phép toán có sử dụng thành tựu số 0 của Ấn Độ cổ đại.

Tôn giáo

Ấn Độ cổ đại là quê hương của các tôn giáo lớn trên thế giới.

Bà La Môn là tôn giáo cổ xưa nhất của người Ấn Độ, sau được cải biến thành đạo Hin-đu (Ấn Độ giáo), đề cao sức mạnh của các vị thần: Sáng tạo – Bra-ma (Brahma), Huỷ diệt – Si-va (Shiva) và Bảo tồn – Vis-nu (Vishnu). Hin-đu giáo quan niệm thần Sáng tạo sinh ra các đẳng cấp và con người phải tuân theo sự sắp đặt này.

Phật giáo do Xít-đác-ta Gô-ta-ma (Siddharta Gautama) – Thích Ca Mâu Ni (563 TCN – 483 TCN) sáng lập. Nội dung căn bản của Phật giáo là quy luật nhân quả. Theo đó, con người sẽ phải chịu tác động từ những việc làm tốt hay xấu của mình. Phật giáo quan niệm tất cả mọi người đều bình đẳng.

Chữ viết và văn học

Người Ấn Độ đã có chữ viết từ sớm. Đó là chữ Phạn. Chữ Phạn dùng để viết các tác phẩm tôn giáo lớn như kinh Vê-đa (Veda) và các tác phẩm văn học, tiêu biểu là hai bộ sử thi Ra-ma-y-a-na (Ramayana) và Ma-ha-bha-ra-ta (Mahabharata). Văn học Ấn Độ cổ đại còn nổi tiếng với truyện ngụ ngôn về các loài vật Pan-cha-tan-tra (Panchatantra),...

Khoa học tự nhiên

Toán học là thành tựu nổi bật của người Ấn Độ cổ đại. Các số từ 0 đến 9 đã được người Ấn Độ phát minh và sử dụng từ sớm, sau này được người Ả Rập tiếp thu và truyền vào châu Âu.

Về y học, người Ấn Độ còn biết sử dụng thuốc tê, thuốc mê khi phẫu thuật, biết sử dụng thảo mộc trong chữa bệnh.

Em có biết?

Các nhà toán học Ấn Độ xem "không", kí hiệu một vòng tròn "0" là một số. Vào thế kỉ VII, nhà toán học Bra-ma-gúp-ta (Brahmagupta) đã luận giải tính chất toán học của "0" như sau: Khi cộng "0" với một số hoặc lấy một số trừ cho 0, số đó sẽ không đổi; và nếu một số được nhân với 0, nó sẽ thành 0.

timdapan.com

Kiến trúc và điêu khắc

Ngay từ thời cổ đại, Ấn Độ đã có những công trình kiến trúc kì vĩ, chủ yếu là kiến trúc tôn giáo. Hai trong số những công trình bằng đá cổ nhất, còn lại đến ngày nay là chùa hang A-gian-ta (Ajanta) và đại bảo tháp San-chi (Sanchi).

8.3 Đại bảo tháp San-chi (bang Ma-đi-a Pra-đét (Madhya Pradesh), Ấn Độ), kiến trúc Phật giáo bằng đá, thờ Đức Phật, thế kỉ III TCN.

Chân trời sáng tạo

Tác phẩm nghệ thuật cột đá sư tử của vua A-sô-ca (Asoka), thế kỉ III TCN, đã trở thành biểu tượng của đất nước Ấn Độ ngày nay.

8.4 Phần trên của cột đá A-sô-ca – hiện vật trưng bày tại Bảo tàng Sa-nát (Sarnath), thế kỉ III TCN.

timdapan.com

Em có biết?

Chùa hang A-gian-ta được tạo thành từ một dãy núi đá, nay thuộc bang Ma-ha-ra-xtra (Maharastra), được hoàn thành căn bản vào thế kỉ IV, gồm 29 hang, phủ đầy những bức vẽ nhiều màu sắc và hình chạm khắc kể về sự tích Đức Phật. Thế kỉ thứ VII, khi nhà sư Huyền Trang từ Trung Quốc tới, ông đã thốt lên: "Vô cùng kì vĩ! Vô cùng tinh tế!".

8.5 Chùa hang A-gian-ta

LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

1. *Tại sao cư dân Ấn Độ cổ đại sinh sống nhiều ở vùng Bắc Ấn?*
2. *Sự phân hoá trong xã hội Ấn Độ cổ đại biểu hiện như thế nào?*

Vận dụng

3. *Viết đoạn văn ngắn mô tả một thành tựu văn hoá của Ấn Độ cổ đại có ảnh hưởng đến văn hoá Việt Nam.*

timdapan.com

Bài 9 TRUNG QUỐC TỪ THỜI CỔ ĐẠI ĐẾN THẾ KỈ VII

Học xong bài này, em sẽ:

* Trình bày được những đặc điểm về điều kiện tự nhiên của Trung Quốc cổ đại.
* Mô tả được sơ lược quá trình thống nhất và sự xác lập chế độ phong kiến dưới thời Tần Thuỷ Hoàng.
* Xây dựng được đường thời gian từ nhà Hán, Nam – Bắc triều đến nhà Tuỳ.
* Nêu được những thành tựu chủ yếu của văn minh Trung Quốc trước thế kỉ VII.

Hình thành từ thiên niên kỉ III TCN, Trung Quốc là một trong những nền văn minh sớm nhất của nhân loại. Từ những nhà nước đầu tiên ra đời ở trung lưu Hoàng Hà, qua các cuộc chiến tranh, lãnh thổ Trung Quốc dần được thống nhất và mở rộng. Cùng với quá trình đó, văn hoá Trung Quốc cũng phát triển mạnh mẽ, nhiều thành tựu vẫn có ảnh hưởng nhất định đến ngày nay.

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

Đọc thông tin dưới đây, quan sát hình 9.1 và lược đồ 9.2, em hãy:

– Xác định vùng cư trú chủ yếu của cư dân Trung Quốc thời cổ đại.

– Cho biết Hoàng Hà và Trường Giang đã tác động như thế nào đến cuộc sống của cư dân Trung Quốc thời cổ đại?

9.1 Một đoạn Hoàng Hà

timdapan.com

Vào thời cổ đại, lãnh thổ Trung Quốc nhỏ hơn ngày nay rất nhiều. Cư dân cư trú chủ yếu ở trung và hạ lưu Hoàng Hà. Về sau, họ mở rộng dần địa bàn cư trú xuống lưu vực Trường Giang.

Hoàng Hà là con sông lớn thứ hai ở Trung Quốc, được người dân trìu mến gọi là "sông Mẹ". Mặc dù thường xuyên gây ra lũ lụt, nhưng phù sa màu mỡ của nó đã tạo nên một vùng đồng bằng châu thổ phì nhiêu, thuận lợi cho việc trồng trọt khi công cụ sản xuất còn tương đối thô sơ. Chính vì vậy, nơi đây đã trở thành cái nôi của văn minh Trung Quốc.

Xuôi về phía nam, vùng đồng bằng rộng lớn ở lưu vực Trường Giang đất đai phì nhiêu, khí hậu ấm áp, thuận lợi cho nhiều loại cây trồng phát triển.

Trên vùng đất màu mỡ của hai con sông, những nhà nước cổ đại đầu tiên của Trung Quốc đã ra đời.

9.2 Lược đồ khu vực cư trú ban đầu của người Trung Quốc cổ đại

timdapan.com

II. QUÁ TRÌNH THỐNG NHẤT VÀ XÁC LẬP CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN DƯỚI THỜI TẦN THUỶ HOÀNG

– Đọc thông tin bên dưới và quan sát lược đồ 9.3, em hãy nêu những nét chính về quá trình thống nhất Trung Quốc của Tần Thuỷ Hoàng.

– Quan sát hình 9.4, em hãy cho biết: Tần Thuỷ Hoàng đã làm những gì để thống nhất toàn diện Trung Quốc?

– Quan sát sơ đồ 9.5, em hãy kể tên các giai cấp mới xuất hiện ở Trung Quốc và mối quan hệ giữa các giai cấp đó.

Thời cổ đại ở Trung Quốc kéo dài khoảng 2000 năm, gắn liền với ba triều đại kế tiếp nhau là nhà Hạ, nhà Thương và nhà Chu.

Trên lưu vực Hoàng Hà, Trường Giang khi đó tồn tại hàng trăm tiểu quốc. Giữa các nước thường xuyên xảy ra chiến tranh nhằm thôn tính lẫn nhau.

9.3 Lược đồ quá trình thống nhất lãnh thổ Trung Quốc của Tần Thuỷ Hoàng

timdapan.com

Đến cuối thời nhà Chu, nước Tần dần mạnh lên. Tần Doanh Chính đã lần lượt đánh chiếm các nước, thống nhất Trung Quốc.

Năm 221 TCN, Doanh Chính lên ngôi hoàng đế, lấy hiệu là Tần Thuỷ Hoàng. Ông đã thực hiện nhiều chính sách, đặt nền móng cho sự thống nhất và phát triển lâu dài của Trung Quốc về sau.

9.4 Tần Thuỷ Hoàng thống nhất toàn diện Trung Quốc

Do sự phát triển của sản xuất, xã hội Trung Quốc cũng phân hoá sâu sắc. Các giai cấp mới xuất hiện. Quan hệ bóc lột giữa địa chủ với nông dân bằng địa tô ngày càng chiếm địa vị thống trị. Chế độ phong kiến chính thức được xác lập ở Trung Quốc.

Tuy nhiên, nhà Tần đã không tồn tại lâu dài như tham vọng của Tần Thuỷ Hoàng. Sau 15 năm tồn tại (221 TCN – 206 TCN), nhà Tần sụp đổ.

9.5 Sơ đồ sự phân hoá xã hội dưới thời Tần

timdapan.com

III. TỪ NHÀ HÁN, NAM – BẮC TRIỀU ĐẾN NHÀ TUỲ

Quan sát sơ đồ 9.6, em hãy kể tên các triều đại phong kiến Trung Quốc từ nhà Hán đến nhà Tuỳ.

Kế tiếp nhà Tần, nhà Hán đã cai trị suốt hơn bốn thế kỉ và được coi là một trong những triều đại phát triển rực rỡ ở Trung Quốc. Sau khi nhà Hán sụp đổ, Trung Quốc bước vào thời kì loạn lạc, thống nhất xen kẽ chia rẽ. Đến cuối thế kỉ VI, nhà Tuỳ tái thống nhất đất nước, đặt cơ sở để Trung Quốc bước vào giai đoạn đỉnh cao của chế độ phong kiến.

9.6 Sơ đồ đường thời gian từ nhà Hán đến nhà Tuỳ

IV. THÀNH TỰU TIÊU BIỂU CỦA NỀN VĂN MINH TRUNG QUỐC CỔ ĐẠI

– Em hãy kể tên một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Trung Quốc thời cổ đại.

– Em có đồng ý với quan điểm: "Tiên học lễ, hậu học văn" không? Lí giải sự lựa chọn của em.

Thời cổ đại, ở Trung Quốc xuất hiện nhiều trường phái tư tưởng khác nhau, trong đó nổi bật là Nho gia với đại diện tiêu biểu là Khổng Tử. Nho gia nhấn mạnh tôn ti trật tự, nhất là bổn phận phục tùng tuyệt đối của kẻ dưới với bề trên.

Em có biết?

Khổng Tử là một nhà tư tưởng lớn của Trung Quốc thời cổ đại. Nhiều tư tưởng về giáo dục của ông đến nay vẫn còn giá trị: "Muốn biết phải hỏi, muốn giỏi phải học", "Ngọc không mài thì không sáng, người không học thì không có hiểu biết",... Đặc biệt, ông luôn đặt đạo đức lên hàng đầu: "Tiên học lễ, hậu học văn".

timdapan.com

Từ thời nhà Thương, người Trung Quốc đã có chữ viết, đó là chữ tượng hình. Chữ được khắc trên mai rùa, xương thú (giáp cốt), sau khắc trên chuông, đỉnh đồng (kim văn) và phổ biến là viết trên các thẻ tre, trúc.

Tác phẩm văn học cổ nhất của Trung Quốc là Kinh Thi, gồm nhiều sáng tác dân gian, được Khổng Tử sưu tập và chỉnh lí. Bộ Sử kí của Tư Mã Thiên được xem là công trình sử học đồ sộ trong thời cổ đại.

9.8 Chữ khắc trên xương thời Thương, 1200 TCN – nguồn gốc của chữ Hán ngày nay

9.7

Một đoạn trích trong *Bài ca Bắc Sơn* (thuộc phần *Nhã* của *Kinh Thi*):

"Ở dưới gầm trời
Đâu đâu cũng đất vua
Khắp trên mặt đất
Ai cũng dân vua".

(Lương Ninh (Chủ biên), Lịch sử thế giới trung đại, NXB Giáo dục, Hà Nội 1998, tr.132)

Chân trời sáng tạo

Lĩnh vực y học cũng sớm phát triển với nhiều cách chữa bệnh hiệu quả bằng thảo dược, bấm huyệt, châm cứu,...

Trung Quốc cổ đại còn có nhiều phát minh về kĩ thuật. Nhiều trong số đó vẫn là nền tảng của những phát minh về kĩ thuật sau này như thiết bị đo động đất (được gọi là địa động nghi), kĩ thuật dệt tơ lụa, đặc biệt là kĩ thuật làm giấy. Sau khi nghề làm giấy được phổ biến rộng rãi, các chất liệu dùng để viết trước đó như thẻ tre, trúc, giấy pa-pi-rút, da cừu, lá cây,... đều được thay thế bằng giấy.

9.9 Địa động nghi do Trương Hành chế tạo, thế kỉ II

timdapan.com

Các triều đại từ nhà Tần đến nhà Tuỳ còn xây dựng nhiều công trình kiến trúc đồ sộ, các cung điện, chùa, tháp, lăng tẩm nguy nga lộng lẫy, trong đó tiêu biểu là Vạn Lý Trường Thành.

9.10 Vạn Lý Trường Thành

Công trình bắt đầu xây dựng từ thế kỉ V TCN, được nối lại, kéo dài từ thời Tần Thuỷ Hoàng, nhằm ngăn chặn những cuộc tấn công từ bên ngoài.

Chân trời sáng tạo

LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

1. *Theo em, tại sao Hoàng Hà được gọi là "sông Mẹ" của Trung Quốc? Từ đó, em hãy kể tên "sông Mẹ" của Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ.*
2. *Em hãy nêu vai trò của nhà Tần đối với lịch sử Trung Quốc.*

Vận dụng

3. *Theo em việc phát minh ra kĩ thuật làm giấy có vai trò gì đối với sự phát triển của xã hội hiện nay?*

timdapan.com

Bài 10 HY LẠP CỔ ĐẠI

Học xong bài này, em sẽ:

* Nêu và nhận xét được những tác động về điều kiện tự nhiên đối với sự phát triển của Hy Lạp cổ đại.
* Trình bày được tổ chức nhà nước thành bang ở Hy Lạp cổ đại.
* Nêu được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Hy Lạp cổ đại.

Vùng bờ biển phía nam bán đảo Ban-căng (Balkans) là nơi bắt đầu của lịch sử Hy Lạp cổ đại. Những cư dân ở đây tự gọi mình là người Hy Lạp (Hellenes), con cháu của thần Hê-len (Hellen), nói chung một ngôn ngữ. Thế kỉ VII TCN, người Hy Lạp đã lần lượt xây dựng nhiều thành bang lớn nhỏ, đưa đất nước của các vị thần trên đỉnh Ô-lim-pớt (Olympus) trở thành cái nôi của nền văn minh châu Âu hiện đại.

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

Đọc thông tin và quan sát lược đồ 10.2, em hãy cho biết:

– Điều kiện tự nhiên tác động thế nào đến sự phát triển của Hy Lạp cổ đại?

– Vai trò của cảng biển Pi-rê (Piraeus) đối với sự phát triển của kinh tế Hy Lạp cổ đại.

Thời cổ đại, lãnh thổ Hy Lạp chủ yếu nằm ở phía nam bán đảo Ban-căng, các đảo trong vùng biển Ê-giê (Aegean) và miền ven biển phía tây Tiểu Á. Địa hình chủ yếu là đồi núi, đất đai khô cằn, chỉ thuận lợi cho trồng nho, ô liu.

Hy Lạp có nhiều khoáng sản như đồng, sắt, vàng, bạc, đặc biệt là đá cẩm thạch nên các nghề như luyện kim, làm đồ gốm, chế tác đá,… có điều kiện để phát triển.

Khí hậu Hy Lạp ấm áp với nhiều ngày nắng trong năm, thuận lợi cho các hoạt động kinh tế và sinh hoạt văn hoá của người dân.

Hy Lạp còn một lợi thế lớn là có đường bờ biển dài, có hàng nghìn hòn đảo nhỏ thuận tiện cho giao thương, buôn bán. Bờ biển phía đông khúc khuỷu, nhiều vũng vịnh kín gió, tạo nên các cảng tự nhiên. Pi-rê là cảng biển nổi tiếng nhất của Hy Lạp cổ đại, trung tâm buôn bán của tất cả các thành bang thời bấy giờ. Từ cảng Pi-rê, người Hy Lạp đem hàng hoá giao thương khắp Địa Trung Hải, tới tận vùng Biển Đen.

10.1 Thuyền buôn Hy Lạp, hình vẽ trên đĩa gốm, thế kỉ VI TCN

timdapan.com

10.2 Lược đồ Hy Lạp cổ đại

Em có biết?

Pi-rê là một cảng biển buôn bán hàng hoá và nô lệ lớn nhất vùng Địa Trung Hải thời cổ đại. Ngày nay, Pi-rê vẫn là cảng biển quan trọng nhất của Hy Lạp. Nó nằm cách thủ đô A-ten (Athens) khoảng 11 km, là cảng hành khách lớn nhất châu Âu, lớn thứ ba thế giới và là một trong 10 cảng hàng hoá lớn nhất thế giới.

II. TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC THÀNH BANG

Hy Lạp cổ đại bao gồm nhiều thành bang độc lập. Mỗi thành bang có lãnh thổ, quân đội, luật pháp, đồng tiền riêng và có hình thức tổ chức nhà nước khác nhau, tiêu biểu nhất là hình thức nhà nước dân chủ ở A-ten.

Vào thế kỉ V TCN, nhà nước A-ten gồm 4 cơ quan chính: Đại hội nhân dân, Hội đồng 10 tướng lĩnh, Hội đồng 500 và Toà án 6000 người.

– Em hãy trình bày cơ cấu tổ chức của nhà nước thành bang A-ten.

– Quan sát hình 10.3, theo em nền dân chủ của nhà nước A-ten được thể hiện như thế nào?

timdapan.com

Em có biết?

Quyền lực cao nhất thuộc về Đại hội nhân dân, gồm tất cả các nam công dân từ 18 tuổi trở lên, có quyền bầu cử, giám sát, bãi miễn các viên chức trong bộ máy nhà nước qua hình thức bỏ phiếu bằng vỏ sò. Vào thời đại Pê-ri-clét (Pericles), A-ten còn thực hiện chế độ bổ nhiệm bằng bốc thăm, trả lương cho viên chức, nên những người nghèo cũng có thể tham gia chính quyền.

10.3 Một cuộc họp của "Đại hội nhân dân" dưới thời Pê-ri-clét *(Tranh minh hoạ)*

III. NHỮNG THÀNH TỰU VĂN HOÁ TIÊU BIỂU

Em hãy kể một số thành tựu văn hoá của người Hy Lạp cổ đại còn được bảo tồn đến ngày nay.

Trên cơ sở tiếp thu chữ cái của người Phê-ni-xi (Phoenicia), người Hy Lạp sáng tạo ra hệ thống chữ viết gồm 24 chữ cái.

Nhờ sớm có chữ viết, nhiều tác phẩm văn học như hai bộ sử thi I-li-át (Iliad) và Ô-đi-xê (Odyssey) của Hô-me (Homer) được lưu lại cho đời sau, góp phần đặt nền móng cho văn học phương Tây. Nhiều vở kịch của các tác giả Ê-sin (Aeschylus), Xô-phốc (Sophocles), Ơ-ri-pít (Euripides) đến nay vẫn được trình diễn, dựng thành phim.

10.4 Chữ cổ Hy Lạp tìm thấy trên một bia mộ ở Ai Cập thế kỉ I

timdapan.com

Hy Lạp là quê hương của nhiều nhà khoa học nổi tiếng. Về toán học có Ta-lét (Thales), Pi-ta-go (Pythagore), Ơ-clít (Euclid), Ác-si-mét (Archimedes); về sử học có Hê-rô-đốt, Tuy-xi-dít (Thucydides); về triết học có Xô-crát (Sokrates), Pla-tông (Platon), A-ri-xtốt (Aristotes),...

Những thành tựu của họ đã góp phần đặt nền móng cho khoa học phương Tây nói riêng và thế giới nói chung.

Em có biết?

Những câu nói nổi tiếng của các nhà khoa học, triết gia Hy Lạp cổ đại.

Ác-si-mét
"Hãy cho tôi một điểm tựa, tôi sẽ nhấc bổng Trái Đất lên."

A-ri-xtốt
"Thầy đã quý, chân lí còn quý hơn".

Hê-rô-đốt
"Vội vàng là cha thất bại".

Nhiều di tích kiến trúc và điêu khắc của Hy Lạp cổ đại vẫn còn đến ngày nay. Đó là đền Pác-tê-nông (Parthenon), đền A-tê-na (Athena), nhà hát Đi-ô-ni-xốt (Dionysos) của A-ten; hay những tác phẩm về điêu khắc như tượng thần Dớt (Zeus), tượng nữ thần A-tê-na, tượng Vệ nữ thành Mi-lô (Milo),...

Chân trời sáng tạo

10.5 Tượng Vệ nữ thành Mi-lô

10.6 Đền Pác-tê-nông, kiệt tác kiến trúc của Hy Lạp cổ đại, được xây dựng dưới thời Pê-ri-clét.

timdapan.com

10.7 Nhà hát ngoài trời mang tên thần rượu nho Đi-ô-ni-xốt ở A-ten.

10.8 Thi chạy Ma-ra-tông (Marathon), hình vẽ trên bình gốm, 500 TCN

Hy Lạp còn nổi tiếng với những chiếc bình gốm. Đó thực sự là các kiệt tác nghệ thuật hoàn hảo, được coi là những "bộ sử" phản ánh lịch sử và muôn mặt của đời sống Hy Lạp cổ đại.

LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

1. *Dựa vào thông tin trong phần I, em hãy cho biết những ngành kinh tế nào có thể phát triển mạnh ở Hy Lạp cổ đại? Tại sao?*
2. *Theo ước tính, vào thế kỉ V TCN, ở thành bang A-ten có khoảng 400 000 dân, trong đó đàn ông tự do có quyền công dân chỉ khoảng 30 000 người. Em hãy tính xem có bao nhiêu % dân số có quyền công dân trong nhà nước dân chủ A-ten?*

Vận dụng

3. *Quan sát logo của Tổ chức Văn hoá, Khoa học và Giáo dục của Liên hợp quốc (UNESCO), em hãy cho biết: Logo đó lấy ý tưởng từ công trình kiến trúc nổi tiếng nào của Hy Lạp cổ đại?*

timdapan.com

Bài 11 LA MÃ CỔ ĐẠI

Học xong bài này, em sẽ:

* Nêu và nhận xét được tác động về điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành, phát triển của nền văn minh La Mã.
* Trình bày được tổ chức nhà nước đế chế ở La Mã.
* Nêu được một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của La Mã.

Thế kỉ VII TCN, thành La Mã mới bắt đầu được xây dựng với một vài khu dân cư thưa thớt bên những quả đồi ven sông Ti-bơ (Tiber). Tuy nhiên, bảy thế kỉ sau đó, La Mã đã trở thành một đế chế hùng mạnh, cai quản một lãnh thổ rộng lớn xung quanh vùng Địa Trung Hải và truyền bá những thành tựu văn minh ra khắp đế chế.

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

Nơi phát sinh ban đầu của La Mã cổ đại là bán đảo I-ta-li-a (Italia). Vùng đồng bằng màu mỡ ở thung lũng sông Pô (Po) và sông Ti-bơ thuận lợi cho việc trồng trọt. Miền Nam và đảo Xi-xin (Sicily) có những đồng cỏ thuận tiện cho việc chăn nuôi. Trong lòng đất chứa nhiều đồng, chì, sắt,... nên các ngành thủ công nghiệp cũng rất phát triển.

Đặc biệt, bán đảo I-ta-li-a có hàng nghìn km đường bờ biển, lại nằm ở vị trí trung tâm Địa Trung Hải, rất thuận lợi cho giao thương và các hoạt động hàng hải. Từ đây, người La Mã có thể buôn bán khắp các vùng xung quanh Địa Trung Hải, dễ dàng chinh phục những vùng lãnh thổ mới và quản lí hiệu quả cả đế chế rộng lớn.

Điều kiện tự nhiên đã ảnh hưởng như thế nào đến sự hình thành và phát triển của nền văn minh La Mã?

11.1 Cảng biển gần thành phố Pôm-pây (Pompeii), I-ta-li-a
Tranh tường thế kỉ I ở Xơ-ta-bi-ê (Stabiae)

timdapan.com

II. TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC LA MÃ CỔ ĐẠI

– Quan sát lược đồ 11.2 và thông tin trong bài, em hãy xác định địa bàn ban đầu của La Mã cổ đại và phạm vi lãnh thổ của La Mã thời đế chế.

– Em hãy trình bày cơ cấu tổ chức và hoạt động của nhà nước đế chế ở La Mã cổ đại.

11.2 Lược đồ La Mã cổ đại

Khi mới thành lập, La Mã chỉ là một thành bang nhỏ bé ở miền Trung bán đảo I-ta-li-a. Dần dần, thông qua chiến tranh, lãnh thổ La Mã không ngừng được mở rộng và trở thành một đế chế rộng lớn. Vào đầu thế kỉ II, lãnh thổ của đế chế La Mã bao gồm toàn bộ vùng đất xung quanh Địa Trung Hải, vùng ven bờ Đại Tây Dương và quần đảo Anh.

Ban đầu, La Mã thiết lập hình thức nhà nước cộng hoà không có vua, cai trị dựa trên luật pháp và mọi chức vụ phải được bầu ra. Tuy nhiên, thực chất quyền lực nằm trong tay 300 thành viên của Viện Nguyên lão, thuộc các gia đình giàu có nhất của giới chủ nô La Mã.

– QUYỀN ĐỀ XUẤT LUẬT
– QUYẾT ĐỊNH HOÀ BÌNH HAY CHIẾN TRANH
– ĐỀ CỬ QUAN CHẤP CHÍNH

11.3 Quyền lực của Viện Nguyên lão dưới thời cộng hoà

timdapan.com

Từ năm 27 TCN, dưới thời của Ốc-ta-vi-út (Octavius), La Mã chuyển sang hình thức nhà nước đế chế. Cơ cấu nhà nước vẫn duy trì như thời cộng hoà nhưng hoàng đế thâu tóm tất cả quyền lực. Viện Nguyên lão chỉ còn là hình thức, không còn quyền hành trong thời kì đế chế.

Nhân vật lịch sử

Ốc-ta-vi-út Xê-da Ô-gút-xtút (Octavius Caesar Augustus), 63 TCN – 14

Ốc-ta-vi-út là người đã đưa La Mã bước vào kỉ nguyên hoàng kim của quyền lực và thương mại ở Địa Trung Hải. Vào thời kì Ốc-ta-vi-út, Rô-ma (Rome) được xây dựng nguy nga, tráng lệ như lời tuyên bố của ông: "Ta đã nhận một Rô-ma bằng gạch và để lại một Rô-ma bằng cẩm thạch".

III. NHỮNG THÀNH TỰU VĂN HOÁ TIÊU BIỂU

– Hãy trình bày một thành tựu văn hoá của người La Mã mà em có ấn tượng nhất và lí giải sự lựa chọn đó.

– Dựa vào bảng 11.5, em hãy sử dụng chữ số La Mã để thể hiện phép tính sau đây: 350 + 270. Em có nhận xét gì về việc dùng chữ số La Mã để tính toán?

Hệ thống chữ La-tinh ra đời trên cơ sở tiếp thu chữ cái của người Hy Lạp. Nó bao gồm 26 chữ cái, là nền tảng cho hơn 200 ngôn ngữ và chữ viết hiện nay.

11.4 Chữ cái La-tinh

Người La Mã còn tạo ra hệ thống chữ số với 7 chữ cái cơ bản, gọi là chữ số La Mã.

Kí tự	Giá trị
I	1 (một)
V	5 (năm)
X	10 (mười)
L	50 (năm mươi)
C	100 (một trăm)
D	500 (năm trăm)
M	1000 (một ngàn)

11.5 Bảng chữ số La Mã

Hệ thống luật La Mã được coi là tiến bộ nhất thời cổ đại và trở thành nền tảng cho việc xây dựng luật pháp ở các nước Âu – Mỹ sau này.

timdapan.com

Nhờ phát minh ra bê tông, người La Mã đã xây dựng được những công trình kiến trúc đồ sộ, nguy nga, như đấu trường Cô-li-dê (Coliseé), đền Pan-tê-ông (Pantheon), Khải hoàn môn. Họ còn xây dựng được hệ thống cầu cống, đường sá,... khắp các vùng đất thuộc đế chế. Nhiều con đường hiện nay vẫn còn được sử dụng.

11.6 Đường Áp-pi-a (Appia) chạy giữa thành Rô-ma cổ đại từ Tây sang Đông

11.7 Quảng trường Rô-ma, biểu tượng của La Mã cổ đại

LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

1. Em hãy chỉ ra điểm giống nhau về điều kiện tự nhiên của Hy Lạp và La Mã cổ đại.

2. Vai trò của Viện Nguyên lão trong thời kì đế chế khác với thời kì cộng hoà như thế nào?

Vận dụng

3. Em hãy kể tên một số thành tựu văn hoá của La Mã cổ đại vẫn được ứng dụng trong thời kì hiện đại.

timdapan.com

CHƯƠNG 4

ĐÔNG NAM Á TỪ NHỮNG THẾ KỈ TIẾP GIÁP CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KỈ X

Thế kỉ I, thế kỉ hoàng kim của nhiều quốc gia cổ đại trên thế giới từ Địa Trung Hải đến sông Ấn, Hoàng Hà. Cùng thời điểm đó, một số nhà nước đã ra đời ở Đông Nam Á ngày nay, đánh dấu một bước tiến quan trọng trong tiến trình phát triển của lịch sử khu vực.

Trong chương này, các em sẽ được tìm hiểu:

– Vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á.

– Các vương quốc cổ ở Đông Nam Á.

– Sự hình thành và bước đầu phát triển của các vương quốc phong kiến ở Đông Nam Á (từ thế kỉ VII đến thế kỉ X).

– Giao lưu thương mại và văn hoá ở Đông Nam Á mười thế kỉ đầu Công nguyên.

Những nhà sư trên đường khất thực buổi sáng (Mi-an-ma) *(Nguồn: Min Wae Aung – Thái Quang Trung's Collection)*

timdapan.com

Bài 12 CÁC VƯƠNG QUỐC Ở ĐÔNG NAM Á TRƯỚC THẾ KỈ X

Học xong bài này, em sẽ:

* Trình bày được vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á.
* Trình bày được quá trình xuất hiện của các vương quốc cổ ở Đông Nam Á trước thế kỉ VII.
* Nêu được sự hình thành và phát triển ban đầu của các vương quốc phong kiến ở Đông Nam Á từ thế kỉ VII đến thế kỉ X.

Từ những thế kỉ tiếp giáp Công nguyên, các vương quốc cổ đầu tiên của khu vực Đông Nam Á đã lần lượt xuất hiện. Những vùng đất hoang sơ dần dần nhường chỗ cho khu dân cư, làng xóm, bến thuyền và đô thị. Một Đông Nam Á như chúng ta biết ngày nay đã bắt đầu từ những vương quốc đầu tiên đó.

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ CỦA ĐÔNG NAM Á

Đông Nam Á là một khu vực khá rộng nằm ở phía đông nam châu Á, bao gồm hai khu vực riêng biệt là Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo.

Dựa vào bản đồ 12.1 và thông tin trong phần I, em hãy:

– Trình bày sơ lược vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á.

– Kể tên các nước Đông Nam Á ngày nay.

12.1 Bản đồ các nước Đông Nam Á ngày nay

timdapan.com

Do vị trí địa lí nằm án ngữ trên con đường hàng hải nối liền giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, khu vực này từ thời cổ đại đã được xem là cầu nối giữa Trung Quốc và Ấn Độ, giữa lục địa Á – Âu với châu Đại Dương. Lại nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm, mưa nhiều nên nơi đây thuận tiện cho việc phát triển của cây lúa nước và nhiều loại cây hương liệu quý hiếm như trầm hương, đinh hương, đậu khấu, sa nhân,...

II. SỰ XUẤT HIỆN CÁC VƯƠNG QUỐC CỔ TỪ ĐẦU CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KỈ VII

Một thời gian dài sau khi nhà nước Văn Lang, Âu Lạc của người Việt ở đồng bằng sông Hồng bị phong kiến phương Bắc đô hộ, một số vương quốc cổ lần lượt xuất hiện ở Đông Nam Á vào những thế kỉ đầu Công nguyên.

Vùng lục địa Đông Nam Á là nơi xuất hiện một số vương quốc đầu tiên như Chăm-pa, Phù Nam, Pê-gu (Pegu), Tha-tơn (Thaton),... Những vương quốc này ra đời và phát triển gắn với những dòng sông đổ ra biển, thuận lợi cho phát triển nghề nông và giao lưu thương mại với thế giới bên ngoài. Phù Nam là vương quốc phát triển nhất trong bảy thế kỉ đầu Công nguyên với thương cảng Óc Eo (An Giang, Việt Nam) sầm uất, rực rỡ một thời.

Dựa vào bản đồ 12.1 và lược đồ 12.2, em hãy xác định vị trí các vương quốc cổ Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ VII. Các vương quốc đó thuộc quốc gia Đông Nam Á nào ngày nay?

12.2 Lược đồ vị trí các vương quốc cổ Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ VII

timdapan.com

III. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC VƯƠNG QUỐC PHONG KIẾN TỪ THẾ KỈ VII ĐẾN THẾ KỈ X

– Em hãy xác định trên lược đồ 12.3 những vương quốc phong kiến ở Đông Nam Á từ thế kỉ VII đến thế kỉ X.

– Tham khảo bản đồ 12.1 và các thông tin bên dưới, cho biết vị trí của các vương quốc đó thuộc các quốc gia Đông Nam Á nào ngày nay?

12.3 Lược đồ vị trí các vương quốc phong kiến Đông Nam Á từ thế kỉ VII đến thế kỉ X

Thế kỉ VII, Phù Nam sụp đổ, thương cảng Óc Eo cũng lụi tàn. Con đường giao thương ở Đông Nam Á cũng bắt đầu chuyển hướng xuống vùng eo biển Ma-lắc-ca (Malacca). Nhiều quốc gia mới xuất hiện.

Khoảng cuối thế kỉ VII, những người nói tiếng Môn ở vùng lưu vực sông Mê Nam đã lần lượt thành lập hai vương quốc là Đva-ra-va-ti (Dvaravati) và Ha-ri-pun-giay-a (Haripunjaya). Đầu thế kỉ IX, từ 19 làng ở ngã ba sông, nơi dòng Chin-uyn (Chindwin) đổ vào sông I-ra-oa-đi (Irawadi), vương quốc Pa-gan (Pagan) của người Miến đã ra đời. Đầu thế kỉ X, người Việt giành lại nền độc lập sau hơn 1000 năm Bắc thuộc và bắt đầu xây dựng một nhà nước độc lập, tự chủ.

timdapan.com

Trên đảo Xu-ma-tra (Sumatra), vương quốc Sri Vi-giay-a (Sri Vijaya) ra đời và phát triển trên cơ sở hợp nhất các tiểu quốc nhỏ bé thời sơ kì. Pa-lem-bang (Palembang) của Sri Vi-giay-a trở thành trung tâm của khu vực suốt hai thế kỉ VII – VIII. Từ cuối thế kỉ VIII, ở miền Trung đảo Gia-va, vương quốc Ka-lin-ga (Kalinga) mạnh lên và trở thành bá chủ vùng hải đảo suốt ba thế kỉ sau đó.

Sự xuất hiện và phát triển của các vương quốc phong kiến đã tạo cơ sở cho sự phát triển của khu vực Đông Nam Á giai đoạn sau đó (thế kỉ X – XV).

LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

1. *Em hãy trình bày đặc điểm nổi bật về vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á.*
2. *Em hãy nêu những điểm tương đồng về vị trí địa lí của các vương quốc cổ ở Đông Nam Á.*
3. *Các vương quốc Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X trong bảng dưới đây có vị trí tương ứng với các quốc gia Đông Nam Á nào ngày nay?*

Tên các vương quốc cổ	Thuộc lãnh thổ quốc gia hiện nay
Phù Nam	?
Chăm-pa	?
Đại Cồ Việt	?
Pa-gan	?
Chân Lạp	?
Tu-ma-sic (Tumasik)	?
Sri Vi-giay-a	?
Ka-lin-ga	?
Bu-tu-an (Butuan)	?

Vận dụng

4. *Sông Mê Công (Mekong) gắn bó với lịch sử của những vương quốc cổ nào ở Đông Nam Á? Những vương quốc đó thuộc về các quốc gia nào ngày nay? Tham khảo thêm bản đồ 12.1 và lược đồ 12.2 cho câu trả lời của em.*

timdapan.com

Bài 13 GIAO LƯU THƯƠNG MẠI VÀ VĂN HOÁ Ở ĐÔNG NAM Á TỪ ĐẦU CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KỈ X

Học xong bài này, em sẽ:

Phân tích được những tác động chính của quá trình giao lưu thương mại và văn hoá ở Đông Nam Á trong mười thế kỉ đầu Công nguyên.

Vào những thế kỉ đầu Công nguyên, thuyền bè của nhiều nước đã qua lại trên vùng biển Đông Nam Á để buôn bán và trao đổi sản vật. Con đường giao thương trên biển dần hình thành. Từ giao lưu thương mại dẫn đến giao lưu văn hoá. Quá trình giao lưu này đã để lại những dấu ấn quan trọng trong sự phát triển của Đông Nam Á mười thế kỉ đầu Công nguyên.

I. QUÁ TRÌNH GIAO LƯU THƯƠNG MẠI

Giao lưu thương mại đã dẫn đến những thay đổi nào ở khu vực Đông Nam Á trong mười thế kỉ đầu Công nguyên?

Vào những thế kỉ đầu Công nguyên, nhu cầu trao đổi hàng hoá giữa Trung Quốc, Ấn Độ và xa hơn là Địa Trung Hải đã mở ra tuyến đường thương mại quan trọng trên vùng biển Đông Nam Á. Thuyền buôn của nhiều nước trên thế giới đã có mặt tại đây, mở ra quá trình giao lưu thương mại giữa Đông Nam Á với thế giới bên ngoài.

Trên con đường giao thương qua vùng biển lúc bấy giờ, Đông Nam Á không chỉ là nơi cung cấp nước ngọt, lương thực mà còn là nơi trao đổi những sản vật có giá trị như hồ tiêu, đậu khấu, ngọc trai, san hô,... đặc biệt là trầm hương, một mặt hàng có giá trị cao.

Nhiều nơi ở khu vực Đông Nam Á trở thành trung tâm buôn bán và trao đổi sản vật, hàng hoá nổi tiếng như Óc Eo (Phù Nam), Pa-lem-bang (Sri Vi-giay-a), Trà Kiệu (Chăm-pa),...

Giao lưu thương mại đã thúc đẩy giao lưu văn hoá, tác động trực tiếp đến sự ra đời và phát triển của các vương quốc cổ Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X.

timdapan.com

Em có biết?

Trầm hương là một sản vật có giá trị dùng để làm cống phẩm và trao đổi, mua bán với nước ngoài. Xưa kia, vùng Kau-tha-ra (Kauthara) (Khánh Hoà) vẫn được gọi là "xứ trầm hương".

13.1 Những đồng tiền của nhiều khu vực khác nhau trên thế giới được tìm thấy ở các cảng thị của vương quốc Phù Nam.

13.2 Gương đồng thời Hán, Trung Quốc (di chỉ Óc Eo, An Giang)

13.3 Những mảnh vàng thuộc văn hoá Óc Eo (di chỉ Gò Tháp, Đồng Tháp)

13.4 Lược đồ con đường thương mại trên vùng biển Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X

timdapan.com

II. QUÁ TRÌNH GIAO LƯU VĂN HOÁ

– Giao lưu văn hoá đã tác động như thế nào đến văn hoá Đông Nam Á?

– Đọc tư liệu 13.5 và cho biết nền văn hoá cổ đại nào ở châu Á có ảnh hưởng đến khu vực Đông Nam Á?

13.5

Nhà sư Nghĩa Tĩnh từ Trung Hoa đến Pa-lem-bang năm 671, lưu lại ở đây nhiều năm để học tiếng Phạn và dịch kinh Phật. Ông còn kể rằng, ở Pa-lem-bang có hàng nghìn nhà sư hành đạo và khuyên là "nếu như có một nhà sư Trung Quốc nào muốn sang Ấn Độ thì trước hết hãy lưu lại đây vài năm để học hỏi rồi hẵng đi...".

(Dẫn theo Lương Ninh, Lịch sử trung đại, 1984, tr. 192)

Theo con đường giao lưu thương mại, các nền văn hoá ngoài khu vực đã lan toả đến Đông Nam Á.

Từ thế kỉ III, người Ấn Độ đã chiếm ưu thế trong buôn bán và truyền bá văn hoá Ấn Độ vào khu vực này. Văn hoá Ấn Độ ảnh hưởng trên nhiều lĩnh vực khác nhau.

Tôn giáo Ấn Độ là Hin-đu giáo và Phật giáo nhanh chóng hoà quyện với tín ngưỡng bản địa và đã ảnh hưởng lớn đến nền văn hoá của các vương quốc trong khu vực.

Phù Nam, các vương quốc trên đảo Xu-ma-tra, đảo Gia-va và vương quốc Pa-gan của người Miến chịu ảnh hưởng từ Phật giáo. Trong khi đó, Hin-đu giáo lại khá phổ biến ở Chăm-pa, Chân Lạp.

Chân trời sáng tạo

13.6 Di tích đền tháp Mỹ Sơn (Quảng Nam) của vương quốc Chăm-pa, xây dựng từ thế kỉ IV đến thế kỉ XIV *(Ảnh: Nguyễn Điện Ngọc)*

timdapan.com

13.7 Chữ cổ Khơ-me (Khmer) khắc trên bia ở Kan-đa (Kanda), Cam-pu-chia, thế kỉ VII – VIII

Cùng với tôn giáo, chữ Phạn trở thành văn tự chính của nhiều vương quốc trong buổi đầu thành lập. Về sau, các tộc người ở Đông Nam Á đã dần cải biến chữ Phạn thành chữ viết riêng như chữ Chăm cổ, chữ Khơ-me cổ, chữ Mã Lai cổ,...

Văn hoá Ấn Độ lan toả đến Đông Nam Á đã góp phần tạo nên một nền nghệ thuật độc đáo của khu vực. Khu đền tháp Mỹ Sơn (Việt Nam) và quần thể Bô-rô-bu-đua (Borobudur, In-đô-nê-xi-a) là hai công trình kiến trúc tiêu biểu của Đông Nam Á trước thế kỉ X.

13.8 Quần thể kiến trúc Phật giáo Bô-rô-bu-đua, thế kỉ VIII

Chân trời sáng tạo

LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

1. *Dựa vào lược đồ 13.4, em hãy mô tả con đường giao thương chính từ Ấn Độ và từ Trung Quốc đến Đông Nam Á.*
2. *Nêu một ví dụ cho thấy sự sáng tạo của cư dân Đông Nam Á khi tiếp thu văn hoá Ấn Độ.*

Vận dụng

3. *Dựa vào lược đồ 13.4, đối chiếu với bản đồ 12.1, em hãy cho biết con đường thương mại ở Đông Nam Á đi qua những vùng biển, đại dương nào ngày nay?*

timdapan.com

CHƯƠNG 5

VIỆT NAM TỪ KHOẢNG THẾ KỈ VII TRƯỚC CÔNG NGUYÊN ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ X

Đền Giếng, khu di tích lịch sử Đền Hùng, Phú Thọ
(Ảnh: An Thành Đạt – TTXVN)

Khoảng thiên niên kỉ I TCN, những vùng đồng bằng ven biển, ven các dòng sông lớn của nước ta đã là nơi cư trú của các bộ lạc lớn. Họ là chủ nhân của các quốc gia cổ đại đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam như Văn Lang, Âu Lạc, Chăm-pa, Phù Nam. Trải qua những biến động của lịch sử, Phù Nam bị diệt vong, Chăm-pa cường thịnh rồi suy yếu dần. Riêng quốc gia của người Việt đã trải qua hơn ngàn năm Bắc thuộc và giành lại độc lập vào năm 938.

Trong chương này, các em sẽ được tìm hiểu:

- *Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc.*
- *Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc và sự chuyển biến về kinh tế – xã hội của Việt Nam trong thời Bắc thuộc.*
- *Các cuộc đấu tranh giành độc lập trong thời Bắc thuộc trước thế kỉ X.*
- *Cuộc đấu tranh giữ gìn và phát triển văn hoá của người Việt trong thời Bắc thuộc.*
- *Vương quốc Chăm-pa.*
- *Vương quốc cổ Phù Nam.*

timdapan.com

Bài 14 NHÀ NƯỚC VĂN LANG, ÂU LẠC

Học xong bài này, em sẽ:

* Nêu được khoảng thời gian thành lập và phạm vi không gian của nước Văn Lang, Âu Lạc.
* Trình bày được tổ chức nhà nước của Văn Lang, Âu Lạc.

Truyền thuyết xưa kể rằng, Lạc Long Quân thuộc dòng dõi Rồng kết hôn với Âu Cơ thuộc dòng dõi Tiên, sinh ra bọc trăm trứng, nở thành trăm người con trai. Sau đó, năm mươi con theo mẹ lên núi, năm mươi con theo cha xuống biển. Người con cả được suy tôn làm vua, hiệu là Hùng Vương.

Nước Văn Lang đã bắt đầu từ thuở đó!

I. NHÀ NƯỚC VĂN LANG

1. Sự ra đời nhà nước Văn Lang

Dựa vào thông tin trong bài học và tư liệu 14.1, em hãy:

– Cho biết nhà nước Văn Lang ra đời vào khoảng thời gian nào?

– Nêu phạm vi không gian của nước Văn Lang.

– Cho biết kinh đô của nhà nước Văn Lang thuộc địa phương nào ngày nay?

timdapan.com

Từ khoảng 2000 năm TCN, những nhóm cư dân Việt cổ đã bắt đầu mở rộng địa bàn cư trú, di cư từ vùng núi, trung du xuống đồng bằng châu thổ các dòng sông lớn ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ ngày nay, sau là vùng cư trú chủ yếu của cư dân nước Văn Lang, Âu Lạc.

Những bộ lạc lớn dần hình thành, gần gũi nhau về tiếng nói và hoạt động sản xuất. Bộ lạc mạnh nhất là Văn Lang, cư trú trên vùng đất ven sông Hồng từ Việt Trì (Phú Thọ) đến chân núi Ba Vì (Hà Nội) ngày nay. Đây là nơi có nghề đúc đồng phát triển sớm, dân cư đông đúc, sống ven những bãi sa bồi, trồng lúa, trồng dâu.

Nhu cầu trị thuỷ, đối phó với lũ lụt, bảo vệ mùa màng đã thúc đẩy sự liên kết giữa các bộ lạc. Thế kỉ VII TCN, thủ lĩnh bộ lạc Văn Lang đã thu phục các bộ lạc khác, tự xưng là Hùng Vương, thành lập nhà nước Văn Lang, đóng đô ở Phong Châu (Việt Trì, Phú Thọ).

Sự ra đời của nhà nước Văn Lang mở ra thời kì dựng nước đầu tiên trong lịch sử dân tộc.

14.1

Sử cũ viết: Đến đời Trang Vương nhà Chu (696 – 682 TCN), ở bộ Gia Ninh có người lạ thường, thu phục được các bộ lạc, tự xưng là Hùng Vương, hiệu là nước Văn Lang, phong tục thuần hậu, chất phác. Truyền được 18 đời, đều gọi là Hùng Vương.

(Lược trích theo Việt sử lược, Trần Quốc Vượng dịch, NXB Thuận Hoá, Huế, 2005, tr. 18)

Em có biết?

Hùng Vương thuộc họ Hồng Bàng, dòng dõi "Tiên Rồng".

Danh xưng "Hồng Bàng" gắn với sự ra đời của nhà nước Văn Lang, đã được khắc ở vị trí trang trọng nhất của Điện Thái Hoà, cố đô Huế, vào thế kỉ XIX:

"Đất nước có ngàn năm văn hiến
Ngày nay đã thống nhất rộng hàng vạn dặm
Kể từ ngày họ **Hồng Bàng** dựng nước đến nay
Nước Đại Nam đã trở nên thịnh vượng như đời Đường, Ngu".

"Văn hiến thiên niên quốc
Xa thư vạn lí đồ
Hồng Bàng khai tịch hậu
Nam phục nhất Đường Ngu"

timdapan.com

2. Tổ chức nhà nước Văn Lang

Dựa vào sơ đồ 14.2, em hãy trình bày về tổ chức bộ máy của nhà nước Văn Lang.

Đứng đầu nhà nước là Hùng Vương. Ông chia nước thành 15 bộ, đóng đô ở Phong Châu (Việt Trì, Phú Thọ).

Nhà nước Văn Lang chưa có luật pháp và quân đội. Khi có chiến tranh, nhà nước huy động thanh niên trai tráng ở các chiềng, chạ tập hợp lại cùng chiến đấu.

14.2 Sơ đồ tổ chức bộ máy Nhà nước Văn Lang

II. NHÀ NƯỚC ÂU LẠC

Quan sát các hình từ 14.3 đến 14.6 và kết hợp với thông tin trong bài, em hãy cho biết nhà nước thời Âu Lạc có điểm gì mới so với nhà nước thời Văn Lang?

Năm 214 TCN, quân Tần ở phương Bắc đánh xuống vùng đất sinh sống của các bộ tộc Việt. Người Lạc Việt và người Âu Việt dũng cảm chiến đấu chống quân Tần dưới sự lãnh đạo của Thục Phán. Năm 208 TCN, tướng giặc là Đồ Thư bị giết, quân Tần gặp nhiều khó khăn, phải rút về nước.

Sau kháng chiến chống Tần, Thục Phán xưng là An Dương Vương. Ông đổi tên nước thành Âu Lạc, dời đô về Phong Khê (nay là Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội). Tổ chức bộ máy nhà nước thời Âu Lạc không thay đổi nhiều nhưng chặt chẽ hơn so với thời Văn Lang. Vua có quyền thế hơn trong việc trị nước, có quân đội, vũ khí tốt. Lãnh thổ cũng mở rộng hơn thời kì Văn Lang và được chia thành nhiều bộ.

timdapan.com

14.3 Dấu vết ụ đất trong thành nội Cổ Loa, nơi vua thiết triều

An Dương Vương cho xây thành Cổ Loa "dài đến ngàn trượng, cao và xoáy trôn ốc" để phòng vệ. Thành Cổ Loa trở thành trung tâm của nước Âu Lạc và là phòng tuyến bảo vệ vững chắc.

Em có biết?

Thành Cổ Loa đắp bằng đất, gồm ba vòng khép kín, chu vi khoảng 16 000 m, cao từ 5 m đến 10 m. Mặt ngoài dốc thẳng đứng, mặt trong dốc thoai thoải để đánh vào thì khó, đánh ra thì dễ. Cả ba vòng thành đều có hào nước bao quanh, nối liền với nhau và nối thông với sông Hồng nên lúc nào cũng đảm bảo nước ngập. Thành nội có hình chữ nhật, nay vẫn còn di tích nơi vua thiết triều. Với hệ thống hào – sông, thành và luỹ kết hợp chặt chẽ, thành Cổ Loa là một phòng tuyến bảo vệ kiên cố không thể đánh từ ngoài vào.

14.4 Sơ đồ khu di tích thành Cổ Loa

timdapan.com

14.5 Lẫy nỏ và mũi tên đồng Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội)

14.6 Mảnh giáp che trước ngực bằng đồng thời Âu Lạc

Đầu thế kỉ II TCN, Âu Lạc nhiều lần bị quân của Triệu Đà – vua nước Nam Việt (thuộc Trung Quốc) tấn công. Năm 179 TCN, Âu Lạc bị sáp nhập vào Nam Việt.

LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

1. Hoàn thành bảng thống kê các nội dung dưới đây về nhà nước Văn Lang và Âu Lạc:

Nội dung	*Nước Văn Lang*	*Nước Âu Lạc*
Thời gian ra đời	*?*	*?*
Đứng đầu nhà nước	*?*	*?*
Kinh đô	*?*	*?*

2. Em hãy cho biết các mốc thời gian sau gắn với những sự kiện lịch sử quan trọng nào của thời kì Văn Lang, Âu Lạc?

Vận dụng

3. Từ truyền thuyết "Con Rồng cháu Tiên", em hiểu thế nào về hai chữ "đồng bào" và truyền thống "tương thân tương ái" của người Việt?

timdapan.com

Bài 15 ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI VIỆT THỜI KÌ VĂN LANG, ÂU LẠC

Học xong bài này, em sẽ:

Mô tả được đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.

"... Bồng bồng bông bồng bồng bông
Khăn điều mẹ bế con Rồng cháu Tiên".

Lời hát ru có từ bao đời nay đưa chúng ta trở về nguồn cội của dân tộc mình. Cách ngày nay gần 3000 năm trước, cha ông ta đã làm nhà, xây làng, dựng nước, chống giặc ngoại xâm, để lại cho chúng ta một giang sơn gấm vóc, một nền văn hoá phù hợp với điều kiện tự nhiên và lối sống của dân tộc.

I. ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT

– *Quan sát các hình từ 15.1 đến 15.7, kết hợp với thông tin trong bài, em hãy:*

+ *Miêu tả một số nét về đời sống vật chất của cư dân Văn Lang, Âu Lạc thể hiện qua mặt trống đồng Ngọc Lũ.*

+ *Cho biết cư dân Văn Lang, Âu Lạc sử dụng chiếc muôi đồng và thạp đồng để làm gì?*

– *Vì sao người Văn Lang, Âu Lạc thường ở nhà sàn?*

Cư dân Văn Lang, Âu Lạc chủ yếu sống bằng nghề nông trồng lúa nước. Họ dùng lưỡi cày, lưỡi hái, cuốc, rìu,... bằng đồng làm công cụ sản xuất, cùng các đồ dùng phục vụ cho cuộc sống sinh hoạt như thạp đồng, thau, chậu, bình gốm. Ngoài ra, họ còn biết trồng dâu nuôi tằm, trồng hoa màu, chăn nuôi, đánh bắt cá,...

15.1 Mặt trống đồng Ngọc Lũ (Bảo tàng Lịch sử Quốc gia)

timdapan.com

Các nghề thủ công như làm đồ gốm, dệt vải, làm nhà, đóng thuyền phát triển. Nghề luyện kim phát triển cao, nhiều người chỉ chuyên làm nghề đúc đồng, rèn sắt. Những hoa văn tinh xảo trên trống đồng Ngọc Lũ, thạp đồng Đào Thịnh là minh chứng cho trình độ kĩ thuật và mĩ thuật của người thợ thủ công Văn Lang, Âu Lạc.

15.2 Đồ gốm thuộc văn hoá Đông Sơn

15.3 Thạp đồng Đào Thịnh

Em có biết?

15.4 Trống đồng Ngọc Lũ

Trống đồng được tìm thấy ở nhiều nơi trên đất nước Việt Nam, minh chứng cho nền văn minh của người Việt cổ. Một trong những chiếc trống có hoa văn phong phú nhất là trống đồng Ngọc Lũ, được phát hiện năm 1893 ở xã Như Trác, huyện Nam Xang (nay là huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam).

Trống đồng Ngọc Lũ hiện được lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia. Phiên bản của nó được đặt ở vị trí trang trọng ngay cửa chính trụ sở Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (Niu-oóc, Mỹ).

Thức ăn chính là cơm nếp, cơm tẻ, ăn cùng với rau, cua, tôm, cá, ốc,... Ngày lễ, ngày tết có thêm bánh chưng, bánh giầy. Cư dân Văn Lang, Âu Lạc đã biết làm mắm cá, làm muối, dùng gia vị, biết sử dụng mâm, bát, muôi,... có trang trí hoa văn đẹp.

15.5 Muôi đồng Đông Sơn

15.6 Bánh chưng

timdapan.com

Cư dân đi lại chủ yếu bằng thuyền, ở nhà sàn. Họ thường làm nhà ở những vùng đất cao ven sông, ven biển hoặc trên sườn đồi để tránh thú dữ. Nhà có mái cong hình thuyền hoặc mái tròn hình mui thuyền.

Ngày thường, nam đóng khố, mình trần, đi chân đất; nữ mặc váy, áo xẻ giữa, có yếm che ngực. Họ cắt tóc ngắn rồi để xoã, búi tó hoặc tết đuôi sam. Khi có lễ hội, họ đội mũ cắm lông chim, nữ mặc áo và váy xoè, đeo trang sức, nam mặc khố dài.

15.7 Hình vẽ mô phỏng nhà sàn của cư dân Văn Lang, Âu Lạc dựa trên hoa văn của trống đồng Ngọc Lũ.

II. ĐỜI SỐNG TINH THẦN

Dựa vào tư liệu 15.8, 15.9 và thông tin trong bài học, em hãy cho biết những điểm nổi bật trong đời sống tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.

15.8 Mộ thuyền Việt Khê, khoảng thế kỉ V TCN

Được tìm thấy ở Phù Ninh, Thuỷ Nguyên, Hải Phòng, bên trong chứa 107 đồ tuỳ táng, gồm nhiều công cụ lao động.

Cư dân Văn Lang, Âu Lạc có tục thờ cúng tổ tiên, thờ các vị thần trong tự nhiên như thần Sông, thần Núi, thần Mặt Trời,... Người chết được chôn cất trong thạp, bình, mộ thuyền, mộ cây. Mộ của người giàu có thường chôn theo những công cụ và đồ trang sức quý giá.

Họ có khiếu thẩm mĩ riêng như nhuộm răng đen, xăm mình. Họ xăm mình không chỉ để tránh bị thuỷ quái làm hại mà còn là một cách làm đẹp; phong tục này được duy trì cho đến thế kỉ XIII – XIV.

timdapan.com

15.9 Nhảy múa trên thuyền – Hình phục dựng dựa trên hoa văn của thạp đồng Đào Thịnh

Đời sống tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc giản dị, chất phác, hoà hợp với tự nhiên. Trong những ngày lễ hội, họ thường tổ chức vui chơi, đấu vật, đua thuyền, nhảy múa, ca hát bên tiếng khèn, sáo, trống, chiêng,...

LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

1. Thời Văn Lang, Âu Lạc, người Việt có những phong tục gì nổi bật?

2. Bảng dưới đây là những công cụ lao động thuộc thời kì văn hoá Đông Sơn. Theo em, những công cụ đó được dùng làm gì trong hoạt động sản xuất của cư dân Văn Lang, Âu Lạc?

	Lưỡi cuốc	*Liềm*	*Rìu*
Hình công cụ			
Tên hoạt động	?	?	?

Vận dụng

3. Những phong tục nào trong văn hoá Việt Nam hiện nay được kế thừa từ thời Văn Lang, Âu Lạc?

4. Em hãy kể một truyền thuyết gắn liền với đời sống vật chất, tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.

timdapan.com

Bài 16 CHÍNH SÁCH CAI TRỊ CỦA PHONG KIẾN PHƯƠNG BẮC VÀ SỰ CHUYỂN BIẾN CỦA VIỆT NAM THỜI KÌ BẮC THUỘC

Học xong bài này, em sẽ:

* Nêu được một số chính sách cai trị của phong kiến phương Bắc trong thời Bắc thuộc.
* Nhận biết được một số chuyển biến quan trọng về kinh tế, xã hội, văn hoá ở Việt Nam trong thời Bắc thuộc.

Năm 179 TCN, Triệu Đà xâm lược và biến Âu Lạc thành một bộ phận lãnh thổ của Nam Việt. Các triều đại phong kiến Trung Quốc thay nhau cai trị nước ta hơn 1000 năm, sử gọi là thời Bắc thuộc.

I. CHÍNH SÁCH CAI TRỊ CỦA CÁC TRIỀU ĐẠI PHONG KIẾN PHƯƠNG BẮC

– Tại sao nhà Hán gộp Âu Lạc với 6 quận của Trung Quốc thành Giao Châu?

– Đọc thông tin trong bài, quan sát sơ đồ 16.1, 16.2 và hình 16.3, em hãy cho biết chính quyền đô hộ phương Bắc đã thi hành những chính sách cai trị gì đối với nước ta?

– Tại sao chính quyền phong kiến phương Bắc thực hiện chính sách đồng hoá dân tộc Việt Nam?

1. Tổ chức bộ máy cai trị

Nhà Hán chia Âu Lạc thành 3 quận (Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam), gộp chung với 6 quận của Trung Quốc thành Giao Châu, thủ phủ đặt ở Luy Lâu (Thuận Thành – Bắc Ninh). Sau khởi nghĩa Hai Bà Trưng, chính quyền đô hộ phương Bắc cai trị đến cấp huyện.

Nhà Tuỳ, Đường thi hành chính sách cai trị hà khắc. Năm 679, nhà Đường đổi Giao Châu thành An Nam đô hộ phủ với 12 châu, 59 huyện.

16.1 Sơ đồ 1: Tổ chức chính quyền ở Giao Châu thời thuộc Hán

16.2 Sơ đồ 2: Tổ chức chính quyền An Nam đô hộ phủ thời thuộc Đường

timdapan.com

2. Chính sách bóc lột về kinh tế

Nhà Hán chiếm đoạt ruộng đất, bắt dân ta cống nạp sản vật quý, hương liệu, vàng bạc,... Những sản phẩm quan trọng như sắt và muối bị chính quyền đô hộ giữ độc quyền.

Nhà Ngô và nhà Lương siết chặt ách cai trị, đặt thêm thuế, bắt hàng ngàn thợ thủ công giỏi ở Giao Châu đem về nước.

Thời Đường, bên cạnh chính sách cống nạp, chính quyền đô hộ còn tăng cường chế độ thuế khoá và lao dịch nặng nề.

16.3 Ách áp bức, bóc lột của phong kiến phương Bắc *(Tranh minh hoạ)*

3. Chính sách đồng hoá

Trong suốt thời Bắc thuộc, chính quyền phong kiến phương Bắc đều thực hiện chính sách đồng hoá đối với dân tộc ta. Nhà Hán chủ trương đưa người Hán sang nước ta sinh sống lâu dài, ở lẫn với người Việt; tìm cách xoá bỏ những tập quán lâu đời của người Việt, ép buộc dân ta theo phong tục, tập quán của họ.

Nho giáo, tư tưởng lễ giáo phong kiến Trung Quốc được truyền vào Việt Nam. Chữ Hán được du nhập nhằm phục vụ cho công cuộc đồng hoá. Tuy nhiên, việc dạy chữ chỉ giới hạn trong một số ít người ở các vùng trung tâm. Cả ngàn năm Bắc thuộc, số người Việt được trọng dụng chỉ là thiểu số.

II. NHỮNG CHUYỂN BIẾN VỀ KINH TẾ, VĂN HOÁ, XÃ HỘI

– Em hãy xác định những chuyển biến của nông nghiệp nước ta trong thời Bắc thuộc.

– Việc đồ đồng Đông Sơn vẫn phát triển ở nhiều nơi trên đất nước ta trong thời Bắc thuộc có ý nghĩa như thế nào?

– Quan sát tư liệu 16.6, hãy nêu những chuyển biến trong cơ cấu xã hội nước ta thời Bắc thuộc so với thời Văn Lang, Âu Lạc.

– Theo em, tầng lớp nào trong xã hội sẽ lãnh đạo các cuộc khởi nghĩa giành độc lập của người Việt thời Bắc thuộc? Tại sao?

timdapan.com

1. Những chuyển biến về kinh tế

Trồng lúa nước vẫn là ngành chính, một năm trồng hai vụ. Việc dùng cày và sử dụng sức kéo trâu bò đã phổ biến. Người dân đã biết đắp đê phòng lũ lụt và bảo vệ mùa màng. Ngoài ra, người dân còn chăn nuôi và trồng nhiều loại cây khác như cây ăn quả, cây dâu, cây bông.

Một số nghề thủ công mới xuất hiện như làm giấy, khảm xà cừ, thuộc da, đúc tiền, đúc ngói, gạch cho xây dựng,... Kĩ thuật đúc đồng thời Đông Sơn tiếp tục được kế thừa và phát triển.

Các sản phẩm nông nghiệp và thủ công nghiệp được trao đổi, buôn bán trong các chợ làng, chợ phiên. Nhiều tuyến đường giao thông được mở rộng. Các thương nhân Trung Quốc, Gia-va, Ấn Độ đến trao đổi, buôn bán. Chính quyền đô hộ nắm độc quyền về ngoại thương.

16.4 Một mảnh khuôn đúc trống đồng Đông Sơn, thế kỉ IV – V, được tìm thấy ở khu di tích thành cổ Luy Lâu, Bắc Ninh.

16.5 Trống đồng Đông Sơn, được tìm thấy ở làng Vạc, Nghệ An, thế kỉ I.

2. Những chuyển biến về xã hội

Các thành phần trong xã hội thay đổi căn bản so với thời Văn Lang, Âu Lạc. Tầng lớp trên của xã hội như Lạc tướng, Lạc hầu và sau này là hào trưởng người Việt có thế lực kinh tế và uy tín trong nhân dân nhưng vẫn bị chính quyền đô hộ chèn ép.

Nông dân công xã chịu ảnh hưởng nặng nề bởi chính sách cướp đoạt ruộng đất và tô thuế, nhiều người bị phá sản trở thành nông dân lệ thuộc hoặc nô tì.

Mâu thuẫn bao trùm trong xã hội là mâu thuẫn giữa nhân dân ta với chính quyền cai trị phương Bắc. Mỗi khi có điều kiện, người Việt lại đứng lên lật đổ ách đô hộ, thiết lập chính quyền tự chủ của riêng mình.

Thời Văn Lang, Âu Lạc	Thời Bắc thuộc	
Vua	Quan lại đô hộ	
Lạc hầu, Lạc tướng, Bồ chính	Địa chủ Hán	Hào trưởng Việt
Nông dân công xã	Nông dân công xã	
	Nông dân lệ thuộc	
Nô tì	Nô tì	

16.6 Bảng mô tả cơ cấu xã hội thời Văn Lang, Âu Lạc và thời Bắc thuộc

timdapan.com

LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

1. Vẽ sơ đồ tư duy về các chính sách cai trị của phong kiến phương Bắc đối với Giao Châu – An Nam trong thời Bắc thuộc theo gợi ý bên dưới.

2. Em hãy xác định những chuyển biến mới về kinh tế, xã hội, văn hoá của nước ta trong thời Bắc thuộc theo bảng sau:

LĨNH VỰC	Chính trị	Kinh tế	Văn hoá
CHUYỂN BIẾN	?	?	?

Vận dụng

3. Em hãy hoàn thành bảng dưới đây để rút ra những hậu quả từ chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với nước ta.

Lĩnh vực	Thông tin chính sách	Suy luận về hậu quả
Chính trị	Sáp nhập nước ta thành các châu, quận của Trung Quốc, áp dụng luật pháp hà khắc,...	Âm mưu xoá bỏ quốc gia – dân tộc Việt, biến nước ta thành châu, quận của Trung Quốc.
Kinh tế	Chiếm đoạt ruộng đất, lập đồn điền, ấp trại.	?
	Bắt dân ta cống nạp sản vật quý; thuế khoá nặng nề; giữ độc quyền sắt và muối	
Xã hội	Cai trị hà khắc, đưa người Hán sang nước ta sinh sống,...	?
Văn hoá	Truyền bá Nho giáo, bắt dân ta thay đổi phong tục, luật pháp theo người Hán, xoá bỏ những tập quán của người Việt,...	?

timdapan.com

Bài 17 ĐẤU TRANH BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ DÂN TỘC THỜI BẮC THUỘC

Học xong bài này, em sẽ:

Giới thiệu được những nét chính của cuộc đấu tranh về văn hoá và bảo vệ bản sắc văn hoá của nhân dân Việt Nam trong thời Bắc thuộc.

Suốt hơn một ngàn năm Bắc thuộc, các chính quyền phong kiến phương Bắc đã thi hành chính sách đồng hoá nhằm thủ tiêu quốc gia, dân tộc Việt. Người Việt đã làm gì để chống đồng hoá, bảo tồn và phát triển những giá trị văn hoá hình thành từ thời dựng nước?

– Những biểu hiện nào cho thấy chính sách đồng hoá của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với nước ta đã thất bại?

– Phong tục ăn trầu theo ghi chép của Lê Quý Đôn (tư liệu 17.3) có từ thời kì nào trong lịch sử Việt Nam? Hiện nay phong tục này còn không?

I. ĐẤU TRANH BẢO TỒN VĂN HOÁ DÂN TỘC

Chính quyền đô hộ đã thi hành chính sách đồng hoá dân tộc ta bằng nhiều thủ đoạn khác nhau, nhằm ép buộc người Việt theo lễ nghi, phong tục Hán. Tuy nhiên, người Việt luôn có ý thức giữ gìn dòng giống Tiên Rồng và nền văn hoá của cha ông để lại.

Người Việt vẫn nghe – nói, truyền lại cho con cháu tiếng mẹ đẻ.

Những tín ngưỡng truyền thống như thờ cúng tổ tiên, thờ các vị thần tự nhiên,... tiếp tục được duy trì.

Ẩn mình sau những luỹ tre, làng Việt là thành trì kiên cố bảo tồn phong tục, tập quán Việt như tục nhuộm răng, ăn trầu, búi tóc, xăm mình, làm bánh chưng, bánh giầy,...

17.1 Làm bánh giầy *(Kí hoạ đầu thế kỉ XX của H. Oger)*

17.2 Nhà của người Việt thời Bắc thuộc *(Mô hình phục dựng, Bảo tàng Lịch sử Quốc gia)*

timdapan.com

17.3 "Sách *Nam phương thảo mộc trạng* của Kê Hàm (năm 304) chép: Trái cau tươi (tân lang) ăn thì có vị đắng và chát, nhưng chẻ bỏ cái vỏ ra đem nấu chín thì nó như trái táo khô, đem ăn chung với trầu và vôi thì thấy trơn ngon, hạ khí, tiêu đờm. Người ở Giao Châu và Quảng Châu cho là quý, khi cưới hỏi thì đem trầu cau ra đãi khách trước nhất. Nếu gặp nhau mà không bày trầu cau ra thì người ta sẽ oán hờn. Phong tục ngày nay cũng còn như thế".

(Lê Quý Đôn, Vân đài loại ngữ, tập III, quyển 9, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội,1995, tr. 111)

II. PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ DÂN TỘC

Nhân dân ta đã làm gì để phát triển văn hoá dân tộc trong hơn ngàn năm Bắc thuộc?

Em có biết?

Chùa Dâu là ngôi chùa có lịch sử hình thành sớm nhất Việt Nam, gắn với trung tâm Phật giáo Luy Lâu, thế kỉ II.

Truyền thuyết chùa Dâu kể về sự tích Man Nương và nhà sư Khâu Đà La đến từ Ấn Độ để giải thích tín ngưỡng thờ Tứ Pháp của người Việt. Tứ Pháp gồm Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi và Pháp Điện, nghĩa là 4 vị thần: mây, mưa, sấm, chớp. Đó là những vị thần bảo vệ mùa màng và phù hộ cho nông dân.

Thời Bắc thuộc, người Việt vừa bảo tồn văn hoá truyền thống vừa chủ động tiếp thu có chọn lọc và sáng tạo những giá trị văn hoá bên ngoài để phát triển nền văn hoá dân tộc.

Phật giáo, Đạo giáo du nhập vào nước ta thời kì này, hoà quyện cùng với tín ngưỡng dân gian.

17.4 Chùa Dâu (Thuận Thành, Bắc Ninh)

timdapan.com

Người Việt chủ động tiếp thu chữ Hán nhưng vẫn sử dụng tiếng Việt, dùng âm Việt để đọc chữ Hán, tạo cơ sở hình thành vốn từ Hán – Việt ngày càng phong phú và đặc sắc.

Người Việt đã tiếp thu một số kĩ thuật tiến bộ của Trung Quốc như làm giấy, dệt lụa, kĩ thuật bón phân bắc trong trồng trọt,... Một số sản phẩm thủ công thời kì này thể hiện khá rõ dấu ấn của sự giao lưu với văn hoá Trung Quốc.

17.5 Chuông Thanh Mai dùng trong nghi lễ Phật giáo, năm 798

17.6 Khay gốm thế kỉ I – III, Lạch Trường, Thanh Hoá

LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

1. *Theo em, tại sao khoảng thời gian từ năm 179 TCN đến năm 938 được gọi là thời Bắc thuộc?*
2. *Những phong tục, tập quán nào của người Việt được bảo tồn suốt thời Bắc thuộc và vẫn lưu giữ trong đời sống văn hoá hằng ngày của chúng ta ngày nay?*
3. *Quan sát hình 17.5 và 17,6, em hãy cho biết yếu tố văn hoá nào du nhập từ bên ngoài đã được nhân dân tiếp thu có chọn lọc?*

Vận dụng

4. *Theo em, tiếng nói có vai trò như thế nào trong việc giữ gìn và phát triển bản sắc văn hoá dân tộc? Em có suy nghĩ gì về hiện tượng nhiều học sinh "pha" tiếng nước ngoài vào tiếng Việt khi giao tiếp?*

timdapan.com

Bài 18 CÁC CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC TRƯỚC THẾ KỈ X

Học xong bài này, em sẽ:

* Giải thích được nguyên nhân của các cuộc khởi nghĩa.
* Trình bày được những diễn biến chính của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu.
* Nêu được kết quả và ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu.
* Lập được biểu đồ, sơ đồ về các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu.

Chính sách thôn tính, sáp nhập và đồng hoá của các triều đại phong kiến Trung Quốc nhằm xoá đi tên đất, tên làng, tiếng nói và phong tục của người Việt gặp phải sự phản kháng quyết liệt của nhân dân ta. Một ngàn năm không chịu cúi đầu, lớp lớp các thế hệ "con Rồng cháu Tiên" không ngừng vùng lên đấu tranh giành lại giang sơn gấm vóc và độc lập tự chủ cho dân tộc.

18.1 Sơ đồ các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu chống Bắc thuộc

timdapan.com

I. KHỞI NGHĨA HAI BÀ TRƯNG (NĂM 40 – 43)

Bất bình với chính sách cai trị hà khắc của chính quyền đô hộ phương Bắc, mùa xuân năm 40, hai chị em Trưng Trắc, Trưng Nhị, con gái Lạc tướng vùng Mê Linh (thuộc Hà Nội ngày nay) phất cờ khởi nghĩa.

Tương truyền vào ngày xuất quân, tại Hát Môn (Hà Nội), bà Trưng Trắc đã đọc lời thề với non sông:

"Một xin rửa sạch nước thù
Hai xin đem lại nghiệp xưa họ Hùng.
Ba kẻo oan ức lòng chồng
Bốn xin vẹn vẹn sở công lênh này".

(Thiên Nam ngữ lục, thế kỉ XVII)

– Những câu thơ trích trong Thiên Nam ngữ lục cho em biết thông tin gì về nguyên nhân của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng?

– Dựa vào lược đồ 18.2, em hãy trình bày diễn biến cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng.

– Tìm những cụm từ và câu thể hiện ý nghĩa của khởi nghĩa Hai Bà Trưng trong tư liệu 18.3.

18.2 Lược đồ khởi nghĩa Hai Bà Trưng

timdapan.com

Được nhân dân khắp nơi hưởng ứng, từ Hát Môn (Phúc Thọ, Hà Nội), nghĩa quân "hùng dũng như gió cuốn" đánh chiếm Mê Linh, Cổ Loa (Hà Nội) và Luy Lâu (Bắc Ninh). Thái thú Tô Định đại bại, chạy trốn về quận Nam Hải (Quảng Đông).

Khởi nghĩa thắng lợi, nhân dân suy tôn Trưng Trắc lên làm vua (Trưng Vương hay Trưng Nữ Vương), đóng đô ở Mê Linh.

Mùa hè năm 42, nhà Hán đem quân đàn áp. Năm 43, cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng thất bại. Nhân dân thương tiếc, lập đền thờ hai bà ở khắp nơi.

18.3 *Đại Việt sử kí toàn thư* chép rằng: "Trưng Trắc, Trưng Nhị là đàn bà, hô một tiếng mà các quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố cùng 65 thành trì ở Lĩnh ngoại đều hưởng ứng, việc dựng nước xưng vương dễ như trở bàn tay, có thể thấy hình thế đất Việt ta đủ dựng được nghiệp bá vương...".

(Đại Việt sử kí toàn thư, tập I, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.156–157)

18.4 Hai Bà Trưng cưỡi voi ra trận *(Tranh dân gian Đông Hồ)*

II. KHỞI NGHĨA BÀ TRIỆU (NĂM 248)

Dựa vào tư liệu 18.5 và lược đồ 18.7, em hãy:
– Nêu nguyên nhân của cuộc khởi nghĩa Bà Triệu.
– Trình bày những nét chính của cuộc khởi nghĩa.

Dưới ách thống trị tàn bạo của nhà Ngô, năm 248, tại vùng Cửu Chân (Thanh Hoá), Bà Triệu phất cờ khởi nghĩa.

18.5

"Tôi chỉ muốn cưỡi gió đạp sóng, chém cá kình lớn ở Biển Đông, quét sạch bờ cõi, cứu dân ra khỏi cảnh chìm đắm, há lại bắt chước người đời cúi đầu khom lưng làm tì thiếp kẻ khác, cam tâm phục dịch ở trong nhà ư?"

(Lý Tế Xuyên, Việt điện u linh tập (truyện Lệ Hải Bà Vương kí), Đinh Gia Khánh, Trịnh Đình Rư dịch và chú thích, NXB Văn học, Hà Nội, tr. 46)

18.6 Bà Triệu cưỡi voi ra trận *(Tranh minh hoạ)*

timdapan.com

Từ căn cứ ban đầu trên núi Nưa, nghĩa quân tràn xuống đánh phá các thành ấp của bọn quan lại đô hộ rồi từ đó đánh ra khắp Giao Châu. Nhà Ngô đem quân đàn áp, khởi nghĩa thất bại.

Em có biết?

Khởi nghĩa thất bại nhưng Bà Triệu vẫn sống mãi trong lòng nhân dân, hun đúc tinh thần đấu tranh giành độc lập của dân tộc ta:

Ru con con ngủ cho lành,
Để mẹ gánh nước rửa bành con voi.
Muốn coi, lên núi mà coi,
Coi bà Triệu tướng cưỡi voi, đánh cồng.
Túi gấm cho lẫn túi hồng,
Têm trầu cánh kiến cho chồng ra quân.
(Ca dao)

18.7 Lược đồ khởi nghĩa Bà Triệu

III. KHỞI NGHĨA LÝ BÍ VÀ NƯỚC VẠN XUÂN (NĂM 542 – 602)

– Em hãy nêu những đóng góp của Lý Bí và triều Tiền Lý đối với lịch sử dân tộc.
– Ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lý Bí được Quốc sử quán triều Nguyễn nhận định như thế nào qua tư liệu 18.9?

Đầu thế kỉ VI, nhà Lương đô hộ Giao Châu. Thứ sử Giao Châu là Tiêu Tư cai trị tàn bạo, lòng người oán giận. Mùa xuân năm 542, Lý Bí lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa, đánh đuổi Tiêu Tư, chiếm giữ thành Long Biên (Bắc Ninh), làm chủ Giao Châu. Nhà Lương đã hai lần huy động quân sang đàn áp nhưng đều thất bại nặng nề.

Nhân vật lịch sử — ***Lý Bí (503 – 548)***

Lý Bí xuất thân trong một gia đình hào trưởng ở Phổ Yên, Thái Nguyên ngày nay. Sau khi lên ngôi vua, ông lấy niên hiệu là Thiên Đức. Ông là người đầu tiên nhận ra vị trí địa lí quan trọng của miền cửa sông Tô Lịch thuộc Hà Nội ngày nay.

timdapan.com

18.8 Chùa Trấn Quốc, nguyên là chùa Khai Quốc (chùa mở nước)

Mùa xuân năm 544, khởi nghĩa thắng lợi. Lý Bí lên ngôi vua, hiệu là Lý Nam Đế. Ông đặt tên nước là Vạn Xuân, đóng đô ở vùng cửa sông Tô Lịch (Hà Nội), cho xây điện Vạn Thọ và chùa Khai Quốc, cho đúc tiền riêng.

Tháng 5 – 545, Nhà Lương cử quân xâm lược Vạn Xuân. Lý Nam Đế trao quyền chỉ huy kháng chiến cho Triệu Quang Phục, một vị tướng trẻ tài ba. Triệu Quang Phục đưa quân về đầm Dạ Trạch (Khoái Châu, Hưng Yên), xây dựng căn cứ và tiếp tục lãnh đạo nhân dân kháng chiến.

Năm 550, sau khi đánh bại quân Lương, Triệu Quang Phục xưng vương (Triệu Việt Vương). Năm 602, nhà Tuỳ đem quân xâm lược, nước Vạn Xuân sụp đổ.

18.9

"Nam Đế nhà Tiền Lý dẫu sức không địch nổi giặc Lương đến nỗi công cuộc không thành, nhưng đã biết nhân thời cơ vùng dậy, tự làm chủ lấy nước mình, đủ làm thanh thế, mở đường cho nhà Đinh, nhà Lý sau này…."

(Quốc sử quán triều Nguyễn, Khâm định Việt sử thông giám cương mục, tập I, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr. 164)

timdapan.com

IV. KHỞI NGHĨA MAI THÚC LOAN (NĂM 713 – 722)

Dựa vào lược đồ 18.10, em hãy trình bày những nét chính của khởi nghĩa Mai Thúc Loan.

Dưới ách thống trị tàn bạo của nhà Đường, năm 713, nhân dân Hoan Châu (Nghệ An, Hà Tĩnh) vùng lên khởi nghĩa dưới sự lãnh đạo của Mai Thúc Loan.

Từ Hoan Châu, khởi nghĩa lan rộng ra khắp các châu, huyện. Nhân dân khắp nơi hưởng ứng, kể cả Chăm-pa, Chân Lạp,... Mai Thúc Loan chọn vùng Sa Nam (Nam Đàn, Nghệ An) để xây thành Vạn An. Ông xưng đế, nhân dân thường gọi là Mai Hắc Đế (Vua Đen họ Mai). Từ thành Vạn An, nghĩa quân tiến ra Bắc, đánh chiếm thành Tống Bình (Hà Nội ngày nay).

18.10 Lược đồ khởi nghĩa Mai Thúc Loan

Năm 722, nhà Đường phái 10 vạn quân sang đàn áp, khởi nghĩa bị dập tắt.

Khởi nghĩa Mai Thúc Loan đã giành và giữ chính quyền độc lập trong gần 10 năm (713 – 722). Đó là một cuộc khởi nghĩa lớn, đánh dấu một mốc quan trọng trên con đường chống Bắc thuộc, giành lại quyền tự chủ của nhân dân ta.

timdapan.com

V. KHỞI NGHĨA PHÙNG HƯNG

– Dựa vào lược đồ 18.12, em hãy tóm tắt lại những diễn biến chính của cuộc khởi nghĩa Phùng Hưng.

– Tại sao nhân dân ta gọi Phùng Hưng là Bố Cái Đại Vương?

Khoảng cuối thế kỉ VIII, ở làng Đường Lâm (Sơn Tây, Hà Nội), Phùng Hưng đã hợp quân khởi nghĩa và nhanh chóng làm chủ vùng Đường Lâm.

Được nhân dân các vùng xung quanh hưởng ứng, Phùng Hưng chiếm được thành Tống Bình, tổ chức việc cai trị.

Khi Phùng Hưng qua đời, con trai ông là Phùng An lên nối nghiệp cha. Sau đó, nhà Đường đem quân sang đàn áp, dập tắt cuộc khởi nghĩa.

Nhân dân tưởng nhớ Phùng Hưng, lập đền thờ và truy tôn là Bố Cái Đại Vương.

Khởi nghĩa Phùng Hưng đã củng cố quyết tâm giành độc lập cho dân tộc.

18.11 Làng cổ Đường Lâm, Hà Nội, nơi Phùng Hưng hợp quân khởi nghĩa.

18.12 Lược đồ khởi nghĩa Phùng Hưng

timdapan.com

LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

1. *Em hãy nêu những đóng góp chung của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời Bắc thuộc.*

2. *Dựa vào sơ đồ 18.1, em hãy:*

– *Tóm tắt kết quả của các cuộc khởi nghĩa từ Hai Bà Trưng đến Phùng Hưng.*

– *Nêu nhận xét của em về tinh thần đấu tranh chống xâm lược của nhân dân ta .*

– *Cuộc khởi nghĩa nào mà em ấn tượng nhất? Lí giải sự lựa chọn của em?*

3. *Em hãy hoàn thành bảng thống kê những sự kiện chính của khởi nghĩa Lý Bí và nước Vạn Xuân theo mẫu bên dưới.*

Thời gian	Sự kiện
Mùa xuân năm 542	?
Mùa xuân năm 544	?
Tháng 5 – 545	?
Năm 550	?
Năm 602	?

Vận dụng

4. *Giả sử em đang học trong một ngôi trường mang tên một trong những vị anh hùng chống Bắc thuộc, hãy viết thư cho một người bạn để kể về câu chuyện của vị anh hùng đó.*

timdapan.com

Bài 19 BƯỚC NGOẶT LỊCH SỬ ĐẦU THẾ KỈ X

Học xong bài này, em sẽ:

* Trình bày được những nét chính về các cuộc vận động giành quyền tự chủ của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của họ Khúc và họ Dương.
* Mô tả được những nét chính của trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938 và những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền.
* Nêu được ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng năm 938.

Những cuộc khởi nghĩa từ Hai Bà Trưng đến Phùng Hưng lần lượt nổ ra và thất bại nhưng khát khao giành độc lập của nhân dân ta vẫn rực cháy suốt ngàn năm Bắc thuộc. Đầu thế kỉ X, một bước ngoặt lịch sử quan trọng đã xảy ra, biến khát khao thiêng liêng đó của dân tộc trở thành hiện thực.

I. CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH QUYỀN TỰ CHỦ CỦA HỌ KHÚC, HỌ DƯƠNG

1. Họ Khúc xây dựng nền tự chủ

– Việc nhà Đường công nhận chức Tiết độ sứ cho Khúc Thừa Dụ thể hiện điều gì?

– Hãy cho biết những việc làm của Khúc Thừa Dụ và Khúc Hạo để xây dựng nền tự chủ cho dân tộc.

Từ cuối thế kỉ IX, nhà Đường suy yếu. Nhân cơ hội đó, Khúc Thừa Dụ, một hào trưởng ở Hải Dương ngày nay đã đánh chiếm thành Đại La và tự xưng Tiết độ sứ, xây dựng một chính quyền tự chủ. Năm 906, nhà Đường buộc phải phong chức Tiết độ sứ cho Khúc Thừa Dụ.

Năm 907, Khúc Thừa Dụ mất, con trai là Khúc Hạo lên thay. Trong 10 năm (907 – 917), chính quyền Khúc Hạo đã tiến hành nhiều cải cách tiến bộ, đặt nền móng cho việc xây dựng chính quyền tự chủ của một nhà nước độc lập với phương Bắc.

19.1 Những chính sách cải cách của Khúc Hạo

timdapan.com

2. Dương Đình Nghệ chống quân Nam Hán, củng cố nền tự chủ

Dựa vào lược đồ 19.2 kết hợp với thông tin trong bài học, em hãy trình bày những điểm chính về diễn biến và kết quả chống quân Nam Hán do Dương Đình Nghệ lãnh đạo.

Mùa thu năm 930, quân Nam Hán xâm lược nước ta. Dương Đình Nghệ, một vị tướng cũ của Khúc Hạo, lãnh đạo nhân dân tiếp tục đấu tranh chống Nam Hán.

Từ làng Giàng (Thiệu Dương, Thanh Hoá), Dương Đình Nghệ xây dựng lực lượng ngày càng lớn mạnh. Năm 931, ông đem quân ra tấn công thành Đại La. Quân Nam Hán lo sợ, vội cho người về nước xin viện binh. Viện binh chưa đến nơi thì đội quân của Dương Đình Nghệ đã chiếm được Đại La và chủ động đón đánh quân tiếp viện. Quân Nam Hán đại bại, chủ tướng Trình Bảo bị chém đầu.

Sau khi đánh tan quân Nam Hán, Dương Đình Nghệ tự xưng là Tiết độ sứ, khôi phục nền tự chủ.

19.2 Lược đồ chống quân Nam Hán lần thứ nhất

timdapan.com

II. NGÔ QUYỀN VÀ CHIẾN THẮNG BẠCH ĐẰNG NĂM 938

Dựa vào thông tin và các tư liệu bên dưới, em hãy:

– Tóm tắt kế hoạch đánh giặc của Ngô Quyền (nhận định điểm mạnh, điểm yếu của kẻ thù; địa điểm đón đánh; dự kiến về thời gian và cách đánh,...).

– Nêu ý nghĩa của chiến thắng Bạch Đằng đối với lịch sử dân tộc.

Năm 937, Dương Đình Nghệ bị viên tướng dưới quyền là Kiều Công Tiễn giết hại. Con rể của Dương Đình Nghệ là Ngô Quyền kéo quân ra Bắc để hỏi tội. Kiều Công Tiễn sai người sang cầu cứu nhà Nam Hán. Năm 938, vua Nam Hán sai con là Lưu Hoằng Tháo đem quân vượt biển sang xâm lược nước ta. Ngô Quyền đã nhanh chóng tiến quân vào thành Đại La, giết Kiều Công Tiễn, khẩn trương chuẩn bị chống quân xâm lược.

Nhân vật lịch sử

Ngô Quyền (898 – 944)

Ngô Quyền, người Đường Lâm (Sơn Tây, Hà Nội), cùng làng với Phùng Hưng. Đại Việt sử kí toàn thư cho biết, Ngô Quyền là người: "Khôi ngô, mắt sáng như chớp, dáng đi thong thả như hổ, có trí dũng, sức có thể nâng được vạc; làm nha tướng của Dương Đình Nghệ, được Đình Nghệ gả con gái và cho quyền quản Ái Châu".

19.3

"Ngô Quyền nghe tin Hoằng Tháo sắp đến, bảo các tướng tá rằng: "... bọn chúng (quân Nam Hán) có lợi ở chiến thuyền, ta không phòng bị trước thì thế được thua chưa biết ra sao. Nếu sai người đem cọc vạt nhọn đầu bịt sắt đóng ngầm trước ở cửa biển, thuyền của bọn chúng theo nước triều lên vào trong hàng cọc thì sau đó ta dễ bề chế ngự, không cho chiếc nào ra thoát".

(Đại Việt sử kí toàn thư, tập I, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr. 203)

19.4 Lược đồ trận Bạch Đằng năm 938

timdapan.com

Cuối năm 938, đoàn thuyền chiến do Lưu Hoằng Tháo chỉ huy tiến vào cửa sông Bạch Đằng. Nhân lúc thuỷ triều lên, Ngô Quyền cho thuyền nhỏ ra khiêu chiến, nhử quân giặc tiến sâu vào cửa sông. Lưu Hoằng Tháo cho quân đuổi theo, vượt qua bãi cọc ngầm.

Đợi khi thuỷ triều rút, Ngô Quyền hạ lệnh tấn công. Quân giặc thua và phải rút ra biển, thuyền va vào cọc nhọn. Ta đem thuyền ra đánh, quân giặc hoảng loạn nhảy xuống sông. Lưu Hoằng Tháo tử trận.

Trận Bạch Đằng năm 938 đã chấm dứt thời Bắc thuộc, mở ra một thời kì mới trong lịch sử dân tộc ta – thời kì độc lập, tự chủ lâu dài.

19.5

"Chiến thắng Bạch Đằng là cơ sở của việc phục hồi quốc thống. Về sau đến thời Đinh, Lê, Lý, Trần vẫn còn nhờ vào dư âm lẫm liệt của trận ấy. Võ công lớn ấy còn vĩ đại đến nghìn năm, chứ có phải chỉ rạng rỡ một thời mà thôi đâu!"

(Ngô Thì Sĩ, Đại Việt sử kí tiền biên, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1997, tr. 140)

LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

1. Điền sự kiện vào các mốc thời gian trong sơ đồ bên dưới? Tại sao những sự kiện đó lại tạo nên bước ngoặt lịch sử đầu thế kỉ X?

Vận dụng

2. Em hãy tra cứu thông tin để biết hiện nay có những con đường, trường học, làng xã hay di tích lịch sử,... nào mang tên các vị anh hùng dân tộc trong thời Bắc thuộc ở nơi em đang sống.

timdapan.com

Bài 20 VƯƠNG QUỐC CHĂM-PA TỪ THẾ KỈ II ĐẾN THẾ KỈ X

Học xong bài này, em sẽ:

* Mô tả được sự thành lập và quá trình phát triển của vương quốc Chăm-pa.
* Trình bày được những nét chính về kinh tế và tổ chức xã hội của Chăm-pa.
* Nhận biết được một số thành tựu văn hoá của Chăm-pa.

Cách nay hơn 2000 năm, vào thời đại đồ sắt, những cư dân sinh sống trên dải đất miền Trung Việt Nam ngày nay là chủ nhân của nền văn hoá Sa Huỳnh. Thế kỉ II TCN, nhà Hán chiếm nước ta, lập quận Nhật Nam (vùng đất từ phía nam đèo Hoành Sơn đến Bình Định ngày nay). Không chịu khuất phục, dân Nhật Nam đã đứng lên lật đổ ách đô hộ của nhà Hán, lập nhà nước độc lập. Lịch sử vương quốc cổ Chăm-pa bắt đầu...

I. SỰ RA ĐỜI VÀ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA VƯƠNG QUỐC CHĂM-PA

Em hãy nêu quá trình hình thành và phát triển của vương quốc Chăm-pa.

Vương quốc Chăm-pa ra đời sau cuộc khởi nghĩa năm 192 ở huyện Tượng Lâm (Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định ngày nay) thuộc quận Nhật Nam. Một thủ lĩnh người địa phương tên là Khu Liên đã lãnh đạo nhân dân đánh phá châu thành, giết thứ sử Hán, giành được quyền tự chủ, lập nước với tên gọi ban đầu là Lâm Ấp. Từ thế kỉ VII, tên nước gọi là Chăm-pa.

Chân trời sáng tạo

20.1 Vùng hạ lưu sông Thu Bồn, Quảng Nam – nơi gắn với lịch sử hình thành và phát triển của vương quốc Chăm-pa trước thế kỉ X *(Ảnh: Nguyễn Điện Ngọc)*

timdapan.com

Từ thế kỉ II đến thế kỉ X, vương quốc Chăm-pa trải qua ba vương triều. Các trung tâm quan trọng của vương quốc gắn với những vùng địa lí khác nhau của miền Trung. Cuối thế kỉ IX, lãnh thổ Chăm-pa mở rộng nhất, bao gồm toàn bộ vùng ven biển, trải dài từ dãy Hoành Sơn (Hà Tĩnh) ở phía bắc đến sông Dinh (Ninh Thuận) ở phía nam.

20.2 Sơ đồ quá trình phát triển của vương quốc Chăm-pa từ thế kỉ II đến thế kỉ X

II. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC XÃ HỘI

– Em hãy nêu những hoạt động kinh tế chính của cư dân vương quốc Chăm-pa. Hoạt động nào quan trọng nhất? Tại sao?

– Dựa vào sơ đồ 20.4, em hãy cho biết: Xã hội Chăm-pa có những tầng lớp nào? Mô tả công việc của họ.

Hoạt động kinh tế chủ yếu của cư dân Chăm-pa là sản xuất nông nghiệp. Họ trồng lúa trên nhiều loại ruộng khác nhau ruộng trũng, ruộng cao, ruộng chua mặn,... Họ đã biết sử dụng công cụ lao động bằng sắt và sức kéo của trâu bò.

Chăm-pa nổi tiếng về các loại khoáng sản như vàng, bạc, hổ phách,... và nhiều lâm sản quý như ngà voi, sừng tê giác, nổi tiếng nhất là trầm hương. Vì vậy, dân cư còn sinh sống bằng nghề khai thác lâm sản.

Biển giữ một vai trò quan trọng trong hoạt động kinh tế của Chăm-pa. Một bộ phận lớn dân cư sống bằng nghề đánh cá và trao đổi sản vật với thuyền buôn đến từ nước ngoài.

20.3 Trầm hương, sản vật có giá trị cao, dùng làm cống phẩm và để buôn bán *(Ảnh: Văn Thành Châu)*

timdapan.com

Sự đa dạng của nhiều ngành nghề đã tạo nên một xã hội với nhiều tầng lớp khác nhau từ quý tộc đến thường dân.

20.4 Sơ đồ tổ chức xã hội Chăm-pa

III. NHỮNG THÀNH TỰU VĂN HOÁ TIÊU BIỂU

Quan sát các hình từ 20.5 đến 20.7, em hãy nêu những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Chăm-pa từ thế kỉ II đến thế kỉ X.

Trên cơ sở tiếp thu chữ Phạn của Ấn Độ, Chăm-pa đã có chữ viết riêng vào thế kỉ IV.

20.5 Một văn bia Chăm-pa, thế kỉ VII, di tích Mỹ Sơn (Quảng Nam)

timdapan.com

Hai tôn giáo Ấn Độ là Bà La Môn và Phật giáo đều du nhập vào Chăm-pa, góp phần tạo nên những thành tựu xuất sắc trong lĩnh vực nghệ thuật.

Âm nhạc và múa để phục vụ các nghi lễ tôn giáo, nên tạo ra một tầng lớp đông đảo nhạc công, vũ nữ.

Nhiều công trình kiến trúc, các tác phẩm điêu khắc vẫn được bảo tồn đến ngày nay.

20.6 Nhạc công và vũ nữ, trang trí bệ thờ, thế kỉ VIII, di tích Mỹ Sơn (Quảng Nam)

Em có biết?

Khu đền tháp Mỹ Sơn thuộc huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, gồm hơn 70 đền đài, toạ lạc trong một thung lũng có đường kính khoảng 2 km, bao quanh bởi đồi núi. Đây từng là nơi tổ chức cúng tế thần Si-va (Shiva) của các vương triều Chăm-pa. Di tích Mỹ Sơn nằm trong danh sách xếp hạng 23 di tích quốc gia đặc biệt quan trọng. Từ năm 1999, di tích này đã được UNESCO công nhận là di sản văn hoá thế giới.

20.7 Tháp Mỹ Sơn B1, thế kỉ X, di tích Mỹ Sơn (Quảng Nam)

LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

1. *Hoạt động kinh tế của cư dân Chăm-pa xưa gắn với biển như thế nào?*
2. *Em hãy nêu những hoạt động kinh tế chủ yếu của cư dân Chăm-pa xưa. Hoạt động kinh tế nào vẫn được cư dân miền Trung Việt Nam ngày nay chú trọng?*

Vận dụng

3. *Những thành tựu văn hoá tiêu biểu nào của vương quốc Chăm-pa vẫn được bảo tồn đến ngày nay? Di tích văn hoá Chăm nào được UNESCO công nhận là di sản văn hoá thế giới?*

timdapan.com

Bài 21 VƯƠNG QUỐC CỔ PHÙ NAM

Học xong bài này, em sẽ:

* Mô tả được sự thành lập, quá trình phát triển và suy vong của Phù Nam.
* Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Phù Nam.
* Nhận biết được một số thành tựu văn hoá của Phù Nam.

Lịch sử Phù Nam dẫn dắt chúng ta trở về một thời kì xa xưa của vùng đất Nam Bộ, thuở những cư dân đầu tiên bắt đầu tìm đến các gò đất nổi trên vùng trũng sông nước mênh mông để dựng nhà, trồng lúa, trồng khoai. Không chỉ tìm cách thích ứng với điều kiện tự nhiên để tồn tại và phát triển, cư dân Phù Nam còn xây dựng được một vương quốc với những thành thị phát triển rực rỡ nhất khu vực Đông Nam Á trong bảy thế kỉ đầu Công nguyên.

I. QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP, PHÁT TRIỂN VÀ SUY VONG CỦA PHÙ NAM

Em hãy mô tả quá trình hình thành, phát triển và suy vong của vương quốc Phù Nam.

Địa bàn chủ yếu của vương quốc cổ Phù Nam thuộc Nam Bộ Việt Nam ngày nay. Phần lớn vùng đất này thường bị ngập vào mùa mưa khi nước sông Mê Công dâng lên và bị xâm nhập mặn từ biển vào mùa khô.

Vương quốc cổ Phù Nam ra đời vào khoảng thế kỉ I, gắn với các thành thị nối với nhau thông qua hệ thống kênh rạch chằng chịt đổ ra biển, trong đó thương cảng ở vị trí di chỉ Óc Eo (thuộc An Giang ngày nay) là quan trọng hơn cả.

21.1 Lược đồ một số thành thị cổ của Phù Nam

Em có biết?

Khảo cổ học đã phát hiện những dấu tích của một hệ thống các thành thị cổ Phù Nam ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Nổi bật trong đó là Óc Eo ở An Giang; Nền Chùa và Cạnh Đền ở Kiên Giang; Gò Tháp ở Đồng Tháp. Các thành thị này được xây dựng trên bờ kênh ngập nước 5 đến 6 tháng mỗi năm, chỉ cách biển từ 2 km đến 10 km và nối với nhau bằng những con kênh.

timdapan.com

Từ thế kỉ III đến thế kỉ V, Phù Nam là quốc gia phát triển nhất trong khu vực Đông Nam Á. Thời gian này, Phù Nam là trung tâm kết nối giao thương và văn hoá giữa các cộng đồng dân cư trong khu vực với Ấn Độ, Trung Quốc.

Từ thế kỉ III, Phù Nam bắt đầu mở rộng lãnh thổ, nhiều lần còn chinh phục các xứ lân bang.

Thế kỉ VI, Phù Nam bắt đầu suy yếu và bị Chân Lạp thôn tính.

Vương quốc Phù Nam sụp đổ vào khoảng đầu thế kỉ VII. Các thành thị cổ nổi tiếng một thời như Óc Eo (An Giang) cũng đột ngột biến mất.

II. HOẠT ĐỘNG KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC XÃ HỘI

– Em hãy nêu những hoạt động kinh tế chính của cư dân Phù Nam.

– Em hãy kể tên những tầng lớp trong xã hội Phù Nam.

– Nêu những hoạt động chính của thành thị Óc Eo. Những tầng lớp cư dân nào trong xã hội cư trú ở Óc Eo trước khi nó sụp đổ?

1. Hoạt động kinh tế

Phần lớn cư dân Phù Nam sống bằng nghề trồng lúa. Mạng lưới sông ngòi dày đặc và lượng lớn phù sa bồi đắp hằng năm cho vùng châu thổ đã mang đến những thuận lợi để phát triển nông nghiệp, dân Phù Nam có thể "gieo (lúa) một năm, gặt hái ba năm".

Nhiều sản phẩm thủ công nghiệp độc đáo thể hiện đặc trưng của vùng văn hoá sông nước vẫn còn tồn tại đến ngày nay.

21.2 Bình gốm thế kỉ IV- VI *(Bảo tàng Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh)*

Người Phù Nam còn rất giỏi buôn bán. Họ mở cửa giao lưu thương mại, trao đổi sản vật và hàng hoá với thương nhân các nước như Ấn Độ, Trung Quốc, Ả Rập, Mã Lai,... Hoạt động buôn bán nhộn nhịp ở các cảng thị, đặc biệt ở Óc Eo.

21.3 Sự giàu có của thương cảng Óc Eo (hình vẽ dựa trên di tích và hiện vật)

timdapan.com

2. Tổ chức xã hội

Xã hội Phù Nam có nhiều tầng lớp: Quý tộc, nông dân, thương nhân, thợ thủ công.

Quý tộc và phần lớn thương nhân, thợ thủ công sống trong các thành thị. Thợ thủ công làm nghề kim hoàn, làm đồ trang sức, tạc tượng, còn thương nhân buôn bán và trao đổi sản vật, hàng hoá.

Sự tinh tế của đồ trang sức bằng kim loại và đá quý không chỉ minh chứng cho sự phát triển của thủ công nghiệp và ngoại thương mà còn cho thấy thành thị, nơi sinh sống của những tầng lớp cư dân khác nhau, đã giữ vai trò quan trọng trong tổ chức xã hội của Phù Nam.

III. MỘT SỐ THÀNH TỰU VĂN HOÁ

Dựa vào thông tin và những tư liệu bên dưới, em hãy trình bày một số thành tựu văn hoá của cư dân Phù Nam.

Đời sống hằng ngày gắn bó với sông nước là đặc trưng dễ nhận biết nhất của văn hoá Phù Nam. Người Phù Nam ở nhà sàn, làm nhà trên kênh rạch, xây thành thị ở những vùng đất nổi, đi lại chủ yếu bằng mảng, ghe thuyền.

Chân trời sáng tạo

Em có biết?

Người Phù Nam đun nước trong những chiếc ấm vòi cổ ngỗng và nấu thức ăn bằng nồi gốm đặt trên cà ràng. Cà ràng là loại lò đất có đáy giữ tro, có thể đun bằng củi hoặc than rất thuận tiện khi ở trên nhà sàn hay di chuyển trên ghe, thuyền. Ngày nay, cà ràng vẫn được sử dụng khá phổ biến ở vùng nông thôn Tây Nam Bộ.

21.4 Hiện vật cà ràng trong văn hoá Óc Eo

timdapan.com

Chữ Phạn đã du nhập vào Phù Nam. Trong bốn bia khắc bằng chữ Phạn tồn tại đến ngày nay, bia Đồng Tháp Mười (Đồng Tháp) còn khá nguyên vẹn.

Hin-đu giáo và Phật giáo đều được du nhập từ Ấn Độ và phát triển ở Phù Nam. Thế kỉ V – VI, Phật giáo chiếm ưu thế. Nhiều pho tượng Phật bằng đủ chất liệu, đá, đồng và đặc biệt là gỗ vẫn còn tồn tại đến ngày nay.

1 2 3

21.5 Tượng Phật đứng Phù Nam, chất liệu gỗ, thế kỉ III – IV
1. Tại Lợi Mỹ – Đồng Tháp, cao 2 m.
2. Tại Bình Hoà – Long An, cao 1, 34 m.
3. Tại Sa Đéc – Đồng Tháp, cao 2, 68 m.

Chân trời sáng tạo

Bên cạnh một nền nghệ thuật kim hoàn tinh tế, phát triển cao, Phù Nam còn nổi tiếng với những bức chạm nổi trên đá, đất nung.

21.6 Một số sản phẩm kim hoàn của Phù Nam (Di chỉ Gò Tháp, tỉnh Đồng Tháp)

21.7 Phù điêu chạm mặt người, cao 31,5 cm, phát hiện ở Núi Sam, Châu Đốc

timdapan.com

LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

1. *Em hãy xác định các mốc thời gian (theo thế kỉ) trong sơ đồ bên dưới về quá trình hình thành, phát triển và sụp đổ của vương quốc Phù Nam.*

2. *Em hãy nêu những bằng chứng lịch sử cho thấy Phù Nam có một nền thương mại phát triển. Tham khảo thêm phần I, bài 13 cho câu trả lời của em.*

Vận dụng

3. *Theo em, nét văn hoá nào của cư dân cổ Phù Nam còn được lưu giữ trong đời sống của người Nam Bộ hiện nay?*

Chân trời sáng tạo

timdapan.com

Phần
ĐỊA LÍ

timdapan.com

timdapan.com

Bài mở đầu

TẠI SAO CẦN HỌC ĐỊA LÍ?

Học xong bài này, em sẽ:

- Hiểu được ý nghĩa và sự lí thú của việc học môn Địa lí.
- Nêu được vai trò của Địa lí trong cuộc sống.
- Hiểu được tầm quan trọng của việc nắm các khái niệm cơ bản, các kĩ năng địa lí trong học tập và sinh hoạt.

Tại sao có mưa, có nắng? Tại sao có ngày, có đêm? Tại sao Việt Nam không thường xuyên có tuyết trong khi ở Nam Cực băng tuyết lại phủ đầy quanh năm? Các em sẽ có câu trả lời qua các bài học địa lí.

Những câu chuyện, tình huống trong Bài mở đầu sẽ phần nào giúp các em tìm ra câu trả lời.

I. SỰ LÍ THÚ CỦA VIỆC HỌC MÔN ĐỊA LÍ

– Tại sao người dân vùng biển thường ra khơi vào chiều muộn?

– Từ những câu ca dao, tục ngữ được đề cập trong bài học, em hãy nêu những điều lí thú của việc học Địa lí.

Từ xa xưa, người dân vùng biển đã quen với "nhịp điệu" của thiên nhiên. Họ ra khơi vào chiều muộn và trở về với thuyền đầy ắp cá vào sáng sớm hôm sau.

Từ cuộc sống hằng ngày, cha ông ta đã đúc kết, rút ra được những bài học kinh nghiệm và thể hiện qua các câu ca dao, tục ngữ: "Chớp đông nhay nháy, gà gáy thì mưa" hay "Cơn mưa đằng đông vừa trông vừa chạy",...

Nếu có kiến thức về Địa lí, em sẽ giải thích được các hiện tượng trong những câu ca dao, tục ngữ trên.

II. VAI TRÒ CỦA ĐỊA LÍ TRONG CUỘC SỐNG

Năm 2004, một trận sóng thần khủng khiếp xảy ra tại Nam Á, có rất nhiều khách du lịch được cứu sống nhờ bé Tiu-li Xmít (Tilly Smith). Câu chuyện nhỏ dưới đây sẽ giúp các em thấy được vai trò quan trọng của việc nắm vững các kiến thức và kĩ năng địa lí để ứng dụng vào cuộc sống.

Em có biết?

Tiu-li Xmít, câu chuyện về một "thiên thần bãi biển"

Ngày 26/12/2004 là ngày xảy ra cơn sóng thần khủng khiếp khiến hơn 100 000 người thiệt mạng ở các nước Nam Á. Khi đang dạo chơi trên bãi biển, Tiu-li phát hiện những thay đổi kì lạ của biển và bài học về thảm hoạ sóng thần trong giờ Địa lí chợt loé lên trong đầu cô bé.

Ở phía xa, đại dương đột nhiên nổi lên một cơn sóng trắng rất lớn. Nước biển đột nhiên rút xuống để lộ ra một khoảng trống lớn, những bong bóng nước lớn sủi lên,... Đó là dấu hiệu của một trận sóng thần.

Ngay lập tức cô bé nhờ cha mẹ liên lạc với nhân viên bờ biển nhanh chóng yêu cầu du khách rời đi. Chỉ vài phút sau, ngọn sóng thần đổ ập vào, nuốt gọn bãi biển.

(Trích *Mười vạn câu hỏi vì sao*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016)

timdapan.com

Dựa vào câu chuyện trên, em hãy cho biết, Tiu-li đã tránh được sóng thần nhờ có kiến thức và kĩ năng địa lí nào?

Nội dung Địa lí trong chương trình giáo dục phổ thông – cấp Trung học cơ sở giúp cho học sinh có cơ hội hiểu thêm về thế giới, những thách thức mà thế giới phải đối mặt. Nội dung từng bài học sẽ hướng học sinh tìm hiểu về các quá trình thay đổi của các sự vật, hiện tượng địa lí, làm sáng tỏ những tác động và sự thay đổi trong mối quan hệ giữa con người và môi trường,... Việc học Địa lí còn giúp học sinh phát triển nhiều kĩ năng như sử dụng bản đồ và xác định phương hướng, phân tích và xử lí thông tin, giải quyết vấn đề,... Đặc biệt, Địa lí còn giúp học sinh trở thành những công dân toàn cầu, có hiểu biết và quan tâm đến môi trường sống xung quanh.

III. TẦM QUAN TRỌNG CỦA VIỆC NẮM CÁC KHÁI NIỆM VÀ KĨ NĂNG ĐỊA LÍ

Sóng thần là một khái niệm, cách phòng tránh sóng thần là một kĩ năng. Câu chuyện trên cho thấy Tiu-li đã vận dụng được kiến thức và kĩ năng phòng tránh sóng thần từ bài học vào cuộc sống.

Em hãy cho ví dụ về việc vận dụng kiến thức và kĩ năng địa lí vào cuộc sống.

Trong cuốn sách này, các em sẽ tiếp tục tìm hiểu, khám phá nhiều kiến thức và rèn luyện nhiều kĩ năng địa lí khác. Các em sẽ sử dụng các tư liệu và công cụ địa lí như bản đồ, biểu đồ, số liệu, sơ đồ, tranh ảnh, mô hình,... Các em cũng sẽ được rèn luyện kĩ năng tự sưu tầm và lưu trữ tư liệu địa lí theo chủ đề học tập, theo mục đích của riêng mình.

Khi học Địa lí, việc đặt ra và tìm cách trả lời những câu hỏi: cái gì? ở đâu? khi nào? như thế nào? vì sao? ... giúp các em có được nền tảng kiến thức nhất định để vận dụng vào thực tiễn.

Việc hiểu và biết cách vận dụng các kiến thức, kĩ năng địa lí vào cuộc sống là rất cần thiết và hữu ích. Những bài học địa lí trong cuốn sách này sẽ giúp các em thực hiện được điều đó. Các em hãy cùng khám phá nhiều kiến thức và kĩ năng địa lí thú vị ở những bài học tiếp theo.

timdapan.com

CHƯƠNG 1

BẢN ĐỒ – PHƯƠNG TIỆN THỂ HIỆN BỀ MẶT TRÁI ĐẤT

- Hệ thống kinh, vĩ tuyến và toạ độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ.
- Kí hiệu và chú giải trên bản đồ thông dụng.
- Tìm đường đi trên bản đồ.
- Lược đồ trí nhớ.

timdapan.com

Bài 1 HỆ THỐNG KINH, VĨ TUYẾN VÀ TOẠ ĐỘ ĐỊA LÍ

Học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được trên bản đồ và trên quả Địa Cầu: kinh tuyến gốc, Xích đạo, các bán cầu.
- Ghi được toạ độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ.
- Nhận biết được một số lưới kinh vĩ tuyến của bản đồ thế giới.

Ngày xưa, trong những cuộc hành trình, các tàu biển thường xuyên bị mất phương hướng. Ví dụ, một cơn bão có thể đưa tàu đi xa hơn nơi nó muốn đến. Để khắc phục điều này, con người đã nỗ lực tìm kiếm cách xác định chính xác vị trí, cách tìm đường đi đến mọi địa điểm trên bề mặt Trái Đất. Vì thế, một mạng lưới kinh, vĩ tuyến tưởng tượng bao phủ toàn bộ quả Địa Cầu đã ra đời, giúp họ làm được điều này.

I. HỆ THỐNG KINH, VĨ TUYẾN

Quả Địa Cầu là mô hình thu nhỏ của Trái Đất dưới dạng cầu.

Dựa vào thông tin bài học và hình 1.1, em hãy xác định: kinh tuyến gốc, các kinh tuyến Đông, các kinh tuyến Tây, vĩ tuyến Bắc, vĩ tuyến Nam, Xích đạo, bán cầu Bắc, bán cầu Nam.

Hình 1.1. Kinh tuyến và vĩ tuyến trên quả Địa Cầu

Một mạng lưới các đường tưởng tượng bao phủ toàn bộ quả Địa Cầu giúp chúng ta có thể xác định được vị trí của tất cả các địa điểm gọi là hệ thống kinh, vĩ tuyến. Kinh tuyến là các đường nối cực Bắc với cực Nam trên bề mặt quả Địa Cầu. Vĩ tuyến là các vòng tròn bao quanh quả Địa Cầu, song song với đường Xích đạo. Xích đạo hay vĩ tuyến gốc (0^0), chia quả Địa Cầu thành hai phần bằng nhau, phần phía bắc là bán cầu Bắc và phần phía nam là bán cầu Nam.

timdapan.com

Theo quy ước quốc tế, kinh tuyến gốc được đánh số 0^0, đi qua đài thiên văn Grin-uých (Greenwich) ở ngoại ô thủ đô Luân Đôn của Vương quốc Anh. Những kinh tuyến nằm ở khu vực phía tây của kinh tuyến gốc đến kinh tuyến 180^0 là các kinh tuyến Tây; kinh tuyến nằm ở phía đông của kinh tuyến gốc đến kinh tuyến 180^0 là các kinh tuyến Đông.

II. TOẠ ĐỘ ĐỊA LÍ

Toạ độ địa lí của một địa điểm được xác định là kinh độ và vĩ độ của điểm đó trên bản đồ hay quả Địa Cầu.

Em có biết?

Kinh độ của một điểm là khoảng cách bằng số độ tính từ điểm đó đến kinh tuyến gốc. Vĩ độ là khoảng cách bằng số độ từ địa điểm đó đến đường Xích đạo.

Quan sát hình 1.2, hãy xác định toạ độ địa lí của các điểm A, B, C, D.

Hình 1.2. Vị trí của các điểm A, B, C, D trên quả Địa Cầu

Khi nêu vĩ độ của một địa điểm, cần chỉ rõ địa điểm đó nằm ở phía bắc hay phía nam của Xích đạo. Ví dụ: $23^0$23'B là một địa điểm có vĩ độ $23^0$23' nằm ở bán cầu Bắc. Tương tự, khi nêu kinh độ của một địa điểm cần chỉ rõ địa điểm đó nằm phía đông hay phía tây của kinh tuyến gốc. Ví dụ: $105^0$20'Đ là một địa điểm có kinh độ $105^0$20' nằm ở phía đông kinh tuyến gốc. Khi ghi toạ độ địa lí của một địa điểm, người ta ghi vĩ độ trước và kinh độ sau. Ví dụ: $23^0$23'B, $105^0$20'Đ.

III. LƯỚI KINH, VĨ TUYẾN CỦA BẢN ĐỒ THẾ GIỚI

Dựa vào nội dung mô tả lưới kinh, vĩ tuyến của bản đồ thế giới (hình 1.3 a), hãy mô tả đặc điểm lưới kinh, vĩ tuyến của các hình còn lại (hình 1.3 b và 1.3 c).

Hình 1.3 a có "Kinh tuyến là những đường thẳng song song cách đều nhau. Vĩ tuyến cũng là những đường thẳng song song và cách đều nhau. Các kinh tuyến, vĩ tuyến vuông góc với nhau".

Hình 1.3 a

timdapan.com

Hình 1.3 b

Hình 1.3 c

Hình 1.3. Một số lưới kinh, vĩ tuyến của bản đồ thế giới

LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Hình 1.4. Vị trí của các điểm A, B, C, D trên bản đồ thế giới

Dựa vào hình 1.4, em hãy hoàn thành các nhiệm vụ sau:

1. Mô tả đặc điểm lưới kinh, vĩ tuyến của bản đồ trên.

2. Tìm trên bản đồ các vĩ tuyến:

– Vòng cực Bắc, Vòng cực Nam.

– Chí tuyến Bắc, Chí tuyến Nam.

3. Xác định toạ độ địa lí của các điểm A, B, C, D.

Vận dụng

Dựa vào bản đồ hành chính Việt Nam, em hãy xác định và ghi ra toạ độ địa lí trên đất liền bốn điểm cực: cực Bắc, cực Nam, cực Đông và cực Tây của lãnh thổ nước ta.

timdapan.com

Bài 2 KÍ HIỆU VÀ CHÚ GIẢI TRÊN MỘT SỐ BẢN ĐỒ THÔNG DỤNG

Học xong bài này, em sẽ:

Biết đọc các kí hiệu bản đồ và chú giải bản đồ hành chính, bản đồ địa hình.

Bản đồ địa lí được sử dụng để thể hiện nhiều loại thông tin khác nhau. Làm sao chúng ta có thể đọc và hiểu được những nội dung cơ bản được thể hiện trên bản đồ? Ví dụ, làm sao để biết được đâu là thành phố, công viên, rừng cây hay dòng sông? Những câu hỏi trên phần nào sẽ được giải đáp trong bài học này.

I. KÍ HIỆU BẢN ĐỒ VÀ CHÚ GIẢI

Dựa vào hình 2.1, em hãy cho biết các kí hiệu a, b, c, d tương ứng với nội dung các hình nào (1, 2, 3, 4)?

Kí hiệu bản đồ là những hình vẽ, màu sắc, chữ viết,... mang tính quy ước dùng để thể hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ.

Kí hiệu bản đồ giúp người đọc phân biệt được sự khác nhau của các thông tin thể hiện trên bản đồ. Ý nghĩa của các kí hiệu được giải thích rõ ràng trong chú giải của bản đồ.

Hình 2.1. Một số đối tượng địa lí và kí hiệu quy ước của chúng trên bản đồ

timdapan.com

Hình 2.2. Bản đồ địa hình và sự phân bố một số mỏ sắt, mỏ than trên thế giới

Quan sát hình 2.2 và hình 2.3, em hãy:

– Xác định các yếu tố sau: bảng chú giải, kí hiệu.

– Cho biết kí hiệu nào thể hiện các mỏ sắt, mỏ than? Kí hiệu nào được dùng để thể hiện ranh giới của thành phố Hà Nội và các tỉnh lân cận?

Hình 2.3. Bản đồ hành chính thành phố Hà Nội (Việt Nam)

timdapan.com

II. CÁC LOẠI KÍ HIỆU BẢN ĐỒ

Kí hiệu bản đồ có nhiều loại khác nhau. Kí hiệu tượng hình, ví dụ, hình ảnh thu nhỏ của một chiếc máy bay để thể hiện vị trí của sân bay. Kí hiệu hình học, ví dụ, hình vuông màu đen trên bản đồ địa hình và khoáng sản dùng để thể hiện sự phân bố của các mỏ than.

Ngoài ra, bản đồ cũng thường sử dụng màu sắc và nét chải để thể hiện các đối tượng phân bố trên những vùng có diện tích rộng lớn. Ví dụ, bản đồ hành chính thành phố Hà Nội sử dụng màu sắc khác nhau để phân biệt các quận, huyện.

Em có biết?

Hệ thống kí hiệu trên bản đồ thường chia thành ba loại: kí hiệu điểm, kí hiệu đường và kí hiệu diện tích.

– Kí hiệu điểm: dùng để biểu hiện những sự vật, hiện tượng địa lí phân bố theo những điểm riêng biệt như một mỏ khoáng sản, một sân bay, một cảng biển,...

– Kí hiệu đường: thường được dùng để biểu hiện các sự vật, hiện tượng địa lí phân bố theo chiều dài như đường ranh giới quốc gia, đường giao thông, sông ngòi,...

– Kí hiệu diện tích: thường được dùng để thể hiện các sự vật, hiện tượng địa lí phân bố theo diện tích như đất trồng rừng, đầm lầy, vùng trồng lúa,...

LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

Dựa vào hình 2.2, 2.3 em hãy:

– Xác định vị trí và độ cao của đỉnh núi Ê-vơ-rét (Everest), vị trí và độ sâu của vực biển Ma-ri-a-na (Mariana).

– Tìm dãy núi Rốc-ki (Rocky).

– Hãy xác định vị trí của sân bay Nội Bài.

Vận dụng

Hãy sưu tầm bản đồ hành chính Việt Nam qua các thời kì và so sánh sự thay đổi số lượng các đơn vị hành chính cấp tỉnh.

timdapan.com

Bài 3 TÌM ĐƯỜNG ĐI TRÊN BẢN ĐỒ

Học xong bài này, em sẽ:

- Biết xác định hướng trên bản đồ và tính khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ.
- Biết đọc bản đồ, xác định được vị trí của đối tượng địa lí trên bản đồ.
- Biết tìm đường đi trên bản đồ.

Kĩ thuật và công nghệ giúp chúng ta tìm kiếm đường đi một cách dễ dàng. Chỉ cần một thiết bị di động kết nối Internet, với vài thao tác đơn giản, người tham gia giao thông được hướng dẫn chính xác nơi họ muốn đến. Tuy nhiên, ngay cả với công nghệ này, chúng ta vẫn cần đến bản đồ đường đi. Bởi vì nó rất hữu ích để lựa chọn tuyến đường sẽ đi trong chuyến hành trình, tìm vị trí của các địa điểm, ước tính thời gian di chuyển và bổ sung thông tin cần thiết.

I. PHƯƠNG HƯỚNG TRÊN BẢN ĐỒ

Các hướng chính trên bản đồ là Bắc, Nam, Đông, Tây; các hướng trung gian là Đông Bắc, Tây Bắc, Đông Nam, Tây Nam,...

Để xác định phương hướng trên bản đồ người ta sử dụng hệ thống kinh, vĩ tuyến và quy ước như sau: phần chính giữa bản đồ là trung tâm, phía trên của kinh tuyến chỉ hướng bắc, phía dưới của kinh tuyến chỉ hướng nam, bên phải của vĩ tuyến chỉ hướng đông, bên trái của vĩ tuyến chỉ hướng tây. Đối với những bản đồ không thể hiện lưới kinh, vĩ tuyến chúng ta cần dựa vào kim chỉ nam hoặc mũi tên chỉ hướng Bắc để xác định hướng Bắc, sau đó tìm các hướng còn lại.

Hình 3.1. Các hướng chính và hướng trung gian

Hình 3.2. Kim chỉ nam

Hình 3.3. Mũi tên chỉ hướng Bắc

Dựa vào thông tin trong bài và quan sát hình 3.4, em hãy:

- *Xác định vị trí của Hội trường Thống Nhất (Dinh Độc Lập), chợ Bến Thành, Nhà hát Thành phố và Nhà thờ Đức Bà.*
- *Cho biết Bảo tàng Thành phố Hồ Chí Minh ở phía nào của Hội trường Thống Nhất? Bảo tàng Thành phố Hồ Chí Minh ở phía nào của chợ Bến Thành?*

timdapan.com

II. TỈ LỆ BẢN ĐỒ

Tỉ lệ bản đồ cho biết mức độ thu nhỏ của khoảng cách trên bản đồ so với khoảng cách trên thực địa. Để thể hiện tỉ lệ bản đồ người ta dùng tỉ lệ số và tỉ lệ thước. Tỉ lệ số là một phân số luôn có tử số là 1, mẫu số càng lớn thì tỉ lệ càng nhỏ và ngược lại. Ví dụ, tỉ lệ 1: 100 000 có nghĩa là 1 cm trên bản đồ bằng 100 000 cm hay 1 000 m (1 km) trên thực tế. Tỉ lệ thước là tỉ lệ được vẽ cụ thể dưới dạng một thước đo tính sẵn. Mỗi đoạn trên thước đều ghi số đo độ dài tương ứng trên thực tế.

Để tính khoảng cách trên thực địa (theo đường chim bay) dựa vào tỉ lệ bản đồ, chúng ta cần thao tác như sau:

– Đo khoảng cách giữa hai điểm trên tờ bản đồ bằng thước kẻ.

– Đọc độ dài đoạn vừa đo trên thước kẻ.

– Dựa vào tỉ lệ bản đồ để tính khoảng cách trên thực địa.

Ví dụ: độ dài đo được giữa hai điểm A và B trên tờ bản đồ có tỉ lệ 1: 15 000 là 5 cm thì khoảng cách trên thực địa của hai địa điểm này là 750 m.

III. TÌM ĐƯỜNG ĐI TRÊN BẢN ĐỒ

Bản đồ rất hữu ích để chọn tuyến đường đi, tìm địa điểm và ước tính thời gian di chuyển. Để đọc bản đồ ta cần có nhiều kĩ năng đã được thực hành trước đó, bao gồm: cách xác định phương hướng, đo tính khoảng cách, sử dụng bảng chú giải,...

Dựa vào hình 3.4, em hãy:

1. *Xác định hướng đi từ Hội trường Thống Nhất đến Nhà hát Thành phố. Sau đó từ Nhà hát Thành phố đến chợ Bến Thành.*
2. *Xác định tuyến đường ngắn nhất để đi từ Hội trường Thống Nhất đến chợ Bến Thành.*

Hình 3.4. Bản đồ khu vực trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh

timdapan.com

LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

Quan sát hình 3.4, em hãy thực hiện những nhiệm vụ sau để đo tính khoảng cách và tìm đường đi trên bản đồ:

1. *Cho biết với tỉ lệ 1:10 000 thì 1 cm trên bản đồ tương ứng với bao nhiêu m trên thực địa?*
2. *Sử dụng tỉ lệ số hoặc tỉ lệ thước để đo và tính khoảng cách trên thực địa theo đường chim bay giữa các địa điểm sau (đơn vị: m):*
   - *Khoảng cách từ Bảo tàng Chứng tích chiến tranh đến Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.*
   - *Chiều dài đường Nam Kì Khởi Nghĩa đoạn từ ngã tư với đường Nguyễn Đình Chiểu đến ngã tư với đường Lý Tự Trọng.*

Vận dụng

Sử dụng bản đồ du lịch Việt Nam để lên kế hoạch cho một chuyến tham quan trong ba ngày. Hãy chọn các điểm dừng chân và lên kế hoạch cụ thể cho chuyến đi, chọn phương tiện di chuyển, nơi em dự định tham quan, nghỉ đêm, món ăn sẽ thưởng thức,... Nêu rõ những lí do lựa chọn của em.

Chân trời sáng tạo

timdapan.com

Bài 4 LƯỢC ĐỒ TRÍ NHỚ

Học xong bài này, em sẽ:

Vẽ được lược đồ trí nhớ thể hiện các đối tượng địa lí thân quen đối với học sinh.

Khi em cần hỏi đường đi ở một khu vực không quen thuộc, người được hỏi sẽ suy nghĩ một lúc, sau đó hướng dẫn em tìm ra nơi cần đến. Họ thường sử dụng các điểm mốc như trường học, cột đèn giao thông, bảng tên đường, các ngã rẽ,... để hướng dẫn. Họ có thể đưa ra được chỉ dẫn vì họ đã có lược đồ trí nhớ về khu vực đó. Sau bài học này, em sẽ vẽ được lược đồ trí nhớ để thể hiện các khu vực, đối tượng địa lí thân quen.

I. LƯỢC ĐỒ TRÍ NHỚ

Em hãy đọc đoạn văn sau và hoàn thành nhiệm vụ phía dưới:

Bằng xe máy, chúng tôi xuất phát từ Hà Nội đi về hướng nam dọc theo quốc lộ 1A. Dừng ở một trạm ven đường trong thành phố Phủ Lý (Hà Nam), sau đó chúng tôi tiếp tục di chuyển. Sau hơn 3 giờ đồng hồ, chúng tôi đã có mặt ở thành phố Ninh Bình. Từ đây, theo đại lộ Tràng An về hướng tây khoảng 6 km, danh thắng Tràng An hiện ra trước mắt chúng tôi với khung cảnh thật đẹp.

Hãy vẽ lại hành trình của chuyến đi được mô tả trong đoạn văn trên.

Lược đồ trí nhớ là hình ảnh về một địa điểm hoặc một khu vực cụ thể trong tâm trí của con người. Lược đồ trí nhớ giúp chúng ta định hướng di chuyển từ nơi này đến nơi khác bằng cách vẽ phác hoạ tuyến đường đi. Ví dụ, em sử dụng lược đồ trí nhớ để đi từ nhà đến trường mỗi ngày.

Lược đồ trí nhớ giúp chúng ta hiểu về thế giới xung quanh, sắp xếp không gian và thể hiện lại các đối tượng, phác hoạ hình ảnh của một địa điểm, một hành trình hoặc một vùng nào đó.

timdapan.com

II. VẼ LƯỢC ĐỒ TRÍ NHỚ

Để vẽ lược đồ trí nhớ, em hãy thực hiện các bước sau:

– Hình dung: Nhớ lại và suy nghĩ về nơi mà em sẽ vẽ lược đồ. Ví dụ: khu phố, thôn xóm nơi em đang sống, ngôi trường em đang học tập, đường đi từ nhà đến trường,…

– Sắp xếp không gian: Suy nghĩ về tất cả những hình ảnh em có về nơi đó và sắp xếp chúng lại với nhau trong tư duy của mình.

– Vị trí bắt đầu: là địa điểm hoặc khu vực em chọn để vẽ lược đồ của mình. Nó có thể là nhà của em, trường học hoặc một địa điểm bất kì.

LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

Quan sát hình 4.1 và trả lời những câu hỏi sau:

– Người vẽ lược đồ này sống ở đâu? Nơi đó có thể xem là vị trí để bắt đầu vẽ lược đồ này không?

– Từ thị trấn đến trường học em sẽ đi qua những địa điểm nào?

– Đối tượng địa lí nào kéo dài từ bắc đến nam ở rìa phía tây lược đồ?

– Hồ nằm ở hướng nào trên lược đồ?

Hình 4.1. Lược đồ trí nhớ của một học sinh

Vận dụng

Hãy tưởng tượng và vẽ lại lược đồ trí nhớ từ nhà em đến trường.

timdapan.com

CHƯƠNG 2

TRÁI ĐẤT – HÀNH TINH CỦA HỆ MẶT TRỜI

– Vị trí Trái Đất trong hệ Mặt Trời.

– Hình dạng và kích thước Trái Đất.

– Các chuyển động của Trái Đất và hệ quả.

timdapan.com

Bài 5 VỊ TRÍ TRÁI ĐẤT TRONG HỆ MẶT TRỜI. HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC CỦA TRÁI ĐẤT

Học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời.
- Mô tả được hình dạng, kích thước của Trái Đất.

TráiĐất được gọi là hành tinh xanh. Nó còn được ví như "quả bóng xanh bay giữa trời xanh". Vậy thực tế hành tinh này của chúng ta đang nằm ở đâu trong hệ Mặt Trời? Hình dạng và kích thước của nó ra sao? Trả lời những câu hỏi này sẽ góp phần giúp chúng ta yêu quý hành tinh xanh hơn, để cùng chung tay bảo vệ Trái Đất này.

I. VỊ TRÍ TRÁI ĐẤT TRONG HỆ MẶT TRỜI

Trong Vũ Trụ bao la có rất nhiều thiên hà. Trong số đó có một thiên hà chứa hệ Mặt Trời. Trong hệ Mặt Trời có Mặt Trời ở trung tâm và tám hành tinh chuyển động xung quanh. Trái Đất là một trong số các hành tinh của hệ Mặt Trời.

Quan sát hình 5.1, em hãy:

– Kể tên các hành tinh quay quanh Mặt Trời.

– Sắp xếp các hành tinh theo thứ tự xa dần Mặt Trời. Theo thứ tự này, Trái Đất nằm ở vị trí thứ mấy?

Hình 5.1. Vị trí Trái Đất trong hệ Mặt Trời

Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời có ý nghĩa rất đặc biệt. Vị trí đó cùng với sự tự quay đã giúp Trái Đất nhận được lượng nhiệt và ánh sáng phù hợp cho sự sống.

timdapan.com

II. HÌNH DẠNG VÀ KÍCH THƯỚC TRÁI ĐẤT

Dựa vào hình 5.2, 5.3 và thông tin trong bài, em hãy:

– Cho biết:

+ Hình dạng của Trái Đất.

+ Độ dài của bán kính Trái Đất tại Xích đạo.

+ Độ dài đường Xích đạo.

– Nhận xét về kích thước của Trái Đất so với các hành tinh khác trong hệ Mặt Trời.

Hình 5.2. Mô phỏng kích thước các hành tinh trong hệ Mặt Trời

Hình 5.3. Hình dạng và kích thước của Trái Đất

Trái Đất có dạng hình cầu với kích thước rất lớn. Bán kính Trái Đất tại Xích đạo có độ dài 6 378 km. Diện tích bề mặt Trái Đất lên đến hơn 510 triệu km^2.

Em có biết?

Trước kia, người ta tin rằng Trái Đất là một mặt phẳng. Nhưng các nhà thiên văn học không nghĩ vậy. Nhờ vào việc quan sát các ngôi sao, Pi-ta-go (Pythagore) đã cho rằng Trái Đất không phải là một mặt phẳng. Ga-li-lê (Galileo) cũng từng khẳng định Trái Đất tròn và quay quanh Mặt Trời.

Cho đến khi Cô-lôm-bô (Columbus) vượt Đại Tây Dương và khám phá ra châu Mỹ, người ta mới tin rằng Trái Đất có hình cầu. Năm 1967, vệ tinh nhân tạo của Hoa Kỳ đã gửi về những hình ảnh đầu tiên của Trái Đất được chụp từ ngoài không gian đã càng khẳng định rằng Trái Đất có dạng hình cầu.

LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

Hãy lập sơ đồ hệ thống hoá kiến thức về hình dạng, kích thước và vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời.

Vận dụng

Hãy sưu tầm một số thông tin và hình ảnh về Trái Đất hoặc hệ Mặt Trời.

timdapan.com

Bài 6 CHUYỂN ĐỘNG TỰ QUAY QUANH TRỤC CỦA TRÁI ĐẤT VÀ HỆ QUẢ

Học xong bài này, em sẽ:

- Mô tả được chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất.
- Trình bày được hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau.
- Nhận biết được giờ địa phương, giờ khu vực.
- So sánh được giờ của hai địa điểm trên Trái Đất.
- Mô tả được sự lệch hướng chuyển động của vật thể theo chiều kinh tuyến.

Trái Đất luôn vận động không ngừng. Sự vận động của Trái Đất đã sinh ra nhiều hiện tượng địa lí có ảnh hưởng sâu sắc đến cuộc sống của con người. Sự luân phiên ngày đêm, giờ trên Trái Đất, sự lệch hướng chuyển động của các vật thể,... là những hiện tượng sinh ra từ chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất.

I. CHUYỂN ĐỘNG TỰ QUAY QUANH TRỤC

Dựa vào hình 6.1 và thông tin trong bài, em hãy:

– Xác định:

+ Cực Bắc, cực Nam và trục của Trái Đất.

+ Hướng tự quay quanh trục của Trái Đất.

– Cho biết thời gian Trái Đất quay một vòng quanh trục.

Hình 6.1. Hướng tự quay của Trái Đất

Trái Đất tự quay quanh một trục tưởng tượng. Trục này nối liền hai cực của Trái Đất và nghiêng một góc 66°33' trên mặt phẳng quỹ đạo. Thời gian Trái Đất quay một vòng quanh trục là khoảng 24 giờ (một ngày đêm).

II. HỆ QUẢ CHUYỂN ĐỘNG TỰ QUAY QUANH TRỤC CỦA TRÁI ĐẤT

1. Sự luân phiên ngày đêm

Dựa vào hình 6.2, hình 6.3 và thông tin trong bài, em hãy:

– Cho biết vị trí điểm A có phải luôn là ban ngày, vị trí điểm B có phải luôn là ban đêm không? Tại sao?

– Trình bày hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau trên Trái Đất.

timdapan.com

Hình 6.2. Hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau

Hình 6.3. Ngày, đêm trên bề mặt Trái Đất

Tại một thời điểm xác định, trên Trái Đất có nơi đang là ngày, có nơi lại là đêm. Nguyên nhân là do Trái Đất có dạng hình cầu nên Mặt Trời chỉ chiếu sáng được một nửa. Nửa được chiếu sáng là ngày, nửa không được chiếu sáng là đêm. Do Trái Đất tự quay quanh trục từ tây sang đông nên ở mọi nơi trên bề mặt Trái Đất đều lần lượt có ngày và đêm. Đây là hiện tượng ngày, đêm luân phiên nhau.

2. Giờ trên Trái Đất

Đọc thông tin trong bài và quan sát hình 6.4, em hãy cho biết:

– Bề mặt Trái Đất được chia làm bao nhiêu múi giờ?

– Việt Nam thuộc múi giờ thứ mấy?

– Múi giờ nước ta muộn hay sớm hơn so với giờ GMT?

– Múi giờ của các thành phố: Hà Nội, Oa-sinh-tơn (Washington), Mát-xcơ-va (Moscow) và Tô-ky-ô (Tokyo).

Các địa điểm nằm trên cùng một kinh tuyến sẽ có cùng một giờ, đó là giờ địa phương hay giờ Mặt Trời. Để tiện cho việc tính giờ và giao dịch quốc tế, người ta quy định giờ thống nhất cho từng khu vực. Giờ đó được gọi là giờ khu vực. Bề mặt Trái Đất được chia ra làm 24 khu vực giờ khác nhau. Mỗi khu vực giờ là một múi giờ, tương ứng với 15° kinh tuyến.

Múi giờ có đường kinh tuyến gốc đi qua đài thiên văn Grin-uých ở thủ đô Luân Đôn (Vương quốc Anh) được chọn làm múi giờ gốc, đó là múi giờ số 0. Giờ được tính theo múi giờ gốc làm giờ giao dịch chung trên thế giới gọi là giờ quốc tế, viết tắt là giờ GMT.

Những múi giờ nằm bên trái múi giờ 0 là giờ muộn hơn giờ quốc tế (GMT –), còn nằm bên phải là giờ sớm hơn giờ quốc tế (GMT +).

Trong thực tế, ranh giới của các múi giờ trên đất liền không trùng với các kinh tuyến. Chúng đã được điều chỉnh để thuận tiện cho việc tính giờ của từng khu vực, từng quốc gia.

timdapan.com

Hình 6.4. Các khu vực giờ trên Trái Đất

3. Sự lệch hướng chuyển động của các vật thể di chuyển trên bề mặt Trái Đất

Quan sát hình 6.5 và thông tin trong bài, em hãy:

– Cho biết:

+ Ở bán cầu Bắc, vật chuyển động theo hướng từ A đến B và từ C đến D bị lệch về phía bên trái hay bên phải so với hướng ban đầu?

+ Ở bán cầu Nam, vật chuyển động theo hướng từ E đến F và từ O đến P bị lệch về phía bên trái hay bên phải so với hướng ban đầu?

– Rút ra kết luận về hướng lệch của các vật thể chuyển động ở bán cầu Bắc và bán cầu Nam theo chiều kinh tuyến.

Hình 6.5. Sự lệch hướng do vận động tự quay của Trái Đất

timdapan.com

Trái Đất tự quay đã sinh ra một lực làm cho các vật đang chuyển động trên Trái Đất đều bị lệch so với hướng ban đầu. Lực làm lệch hướng này được gọi là lực Cô-ri-ô-lít. Hướng lệch của các vật chuyển động khác nhau giữa hai bán cầu. So với hướng chuyển động ban đầu, vật thể đang chuyển động sẽ bị lệch về bên phải ở bán cầu Bắc và lệch về bên trái ở bán cầu Nam.

LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

1. *Sử dụng quả Địa Cầu để mô tả chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất.*
2. *Hãy lập một sơ đồ hệ thống hoá kiến thức về hệ quả chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất.*

Vận dụng

Sáng nay, trước khi đến trường, Hoàng định gọi điện hỏi thăm một người bạn ở nước Anh. Thấy vậy, mẹ của Hoàng đã khuyên bạn ấy hãy gọi vào thời điểm khác phù hợp hơn.

Theo em, tại sao mẹ của Hoàng lại khuyên như vậy? Em hãy tư vấn cho Hoàng thời điểm phù hợp để gọi điện hỏi thăm bạn của mình.

Chân trời sáng tạo

timdapan.com

Bài 7 CHUYỂN ĐỘNG QUANH MẶT TRỜI CỦA TRÁI ĐẤT VÀ HỆ QUẢ

Học xong bài này, em sẽ:

- Mô tả được chuyển động xung quanh Mặt Trời của Trái Đất.
- Trình bày được hiện tượng ngày, đêm dài ngắn theo mùa.

"Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng
Ngày tháng mười chưa cười đã tối".

Câu tục ngữ trên đã rất gần gũi với người dân Việt Nam. Nội dung của nó thể hiện một hiện tượng tự nhiên diễn ra hàng năm ở nước ta, đó là hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa. Đây chính là một hệ quả được sinh ra từ chuyển động quanh Mặt Trời của Trái Đất. Trong thực tế, hiện tượng này diễn ra như thế nào trên Trái Đất? Còn hệ quả nào khác sinh ra từ chuyển động quanh Mặt Trời của Trái Đất?

I. CHUYỂN ĐỘNG QUANH MẶT TRỜI CỦA TRÁI ĐẤT

Quan sát hình 7.1 và đọc thông tin trong bài, em hãy:

– Cho biết:

+ Trái Đất chuyển động xung quanh Mặt Trời theo hướng cùng chiều hay ngược chiều quay của kim đồng hồ?

+ Hình dạng quỹ đạo chuyển động quanh Mặt Trời của Trái Đất.

+ Thời gian Trái Đất quay một vòng quanh Mặt Trời là bao lâu?

– Nhận xét về độ nghiêng và hướng nghiêng của trục Trái Đất vào các ngày 21 – 3, 22 – 6, 23 – 9, 22 – 12.

Hình 7.1. Chuyển động quanh Mặt Trời của Trái Đất và các mùa ở bán cầu Bắc

Cùng với chuyển động tự quay quanh trục, Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời. Hướng chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời là từ tây sang đông, theo quỹ đạo dạng hình elip gần tròn. Trái Đất quay một vòng quanh Mặt Trời mất khoảng 365 ngày 6 giờ. Thời gian này gọi là một năm thiên văn.

Trong khi chuyển động trên quỹ đạo, Trái Đất giữ nguyên độ nghiêng và hướng nghiêng của trục. Nhờ vậy, sinh ra các hiện tượng mùa và ngày, đêm dài ngắn theo mùa trên Trái Đất.

timdapan.com

II. HỆ QUẢ CHUYỂN ĐỘNG QUANH MẶT TRỜI CỦA TRÁI ĐẤT

1. Hiện tượng mùa

Mùa là một khoảng thời gian của năm, có những đặc điểm riêng về thời tiết và khí hậu.

Nguyên nhân sinh ra hiện tượng mùa là do trục Trái Đất nghiêng và gần như không đổi hướng khi Trái Đất chuyển động trên quỹ đạo quanh Mặt Trời. Khi ấy lần lượt bán cầu Bắc và bán cầu Nam ngả về phía Mặt Trời. Bán cầu nào ngả về phía Mặt Trời nhiều hơn thì nhận được nhiều nhiệt và ánh sáng hơn, lúc này là mùa nóng. Ngược lại, bán cầu ngả về phía Mặt Trời ít hơn sẽ nhận được ít nhiệt và ánh sáng hơn, lúc này là mùa lạnh. Như vậy, trong cùng một thời điểm, mùa ở hai bán cầu trái ngược nhau.

Quan sát hình 7.1 và đọc thông tin trong bài, em hãy cho biết:

– Vào ngày 22 – 6, bán cầu Bắc hay bán cầu Nam ngả về phía Mặt Trời nhiều hơn?

– Vào ngày 22 – 12, bán cầu Bắc hay bán cầu Nam ngả về phía Mặt Trời nhiều hơn?

– Từ ngày 21 – 3 đến 23 – 9 ở bán cầu Bắc là mùa nóng hay mùa lạnh? Vì sao?

– Từ ngày 23 – 9 đến 21 – 3 ở bán cầu Nam là mùa nóng hay mùa lạnh? Vì sao?

2. Hiện tượng ngày, đêm dài ngắn theo mùa

Dựa vào hình 7.2 và thông tin trong bài, em hãy:

– Xác định trục Trái Đất (Bắc – Nam) và đường phân chia sáng tối (ST).

– Cho biết:

+ Ngày 22 – 6, Mặt Trời chiếu thẳng góc vào mặt đất ở vĩ tuyến nào? Thời điểm đó, ngày dài hơn đêm ở bán cầu Bắc hay bán cầu Nam?

+ Ngày 22 – 12, Mặt Trời chiếu thẳng góc vào mặt đất ở vĩ tuyến nào? Thời điểm đó, ngày dài hơn đêm ở bán cầu Bắc hay bán cầu Nam?

Hình 7.2. Ngày và đêm trên Trái Đất vào các ngày 22 – 6 và 22 – 12

timdapan.com

Vào ngày 21 – 3 (Xuân phân) và 23 – 9 (Thu phân), khắp mọi nơi trên Trái Đất đều có thời gian ngày và đêm dài bằng nhau. Trong hai ngày này, tia sáng mặt trời chiếu thẳng góc tại Xích đạo nên lượng nhiệt và ánh sáng của Mặt Trời bằng nhau ở hai bán cầu Bắc và Nam.

Từ sau ngày 21 – 3 đến trước ngày 23 – 9, bán cầu Bắc ngả về phía Mặt Trời nhiều hơn. Ngược lại, từ sau ngày 23 – 9 đến trước ngày 21 – 3, bán cầu Nam lại ngả về phía Mặt Trời nhiều hơn. Bán cầu nào ngả về phía Mặt Trời nhiều hơn sẽ có ngày dài, đêm ngắn. Ngược lại, bán cầu nào ngả về phía Mặt Trời ít hơn sẽ có ngày ngắn, đêm dài.

Quan sát hình 7.3 và thông tin trong bài, em hãy:

- *Xác định các điểm A, B, C.*
- *So sánh độ dài giữa ngày và đêm ở các điểm A, B, C vào ngày 22 – 6 và 22 – 12.*
- *Rút ra kết luận về sự chênh lệch ngày đêm theo mùa từ kết quả so sánh trên.*

Hình 7.3. Hiện tượng ngày, đêm dài ngắn theo mùa

Do đường phân chia sáng tối không trùng với trục Trái Đất nên các địa điểm ở bán cầu Bắc và bán cầu Nam có hiện tượng ngày, đêm dài ngắn khác nhau. Các địa điểm nằm trên đường Xích đạo quanh năm luôn có ngày, đêm dài bằng nhau. Càng xa Xích đạo về phía hai cực, sự chênh lệch độ dài ngày đêm càng biểu hiện rõ rệt.

Do mùa ở hai bán cầu diễn ra ngược nhau nên độ dài ngày, đêm ở hai bán cầu cũng ngược nhau. Khi bán cầu Bắc có ngày dài, đêm ngắn thì ở bán cầu Nam sẽ là ngày ngắn, đêm dài.

LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

Khi thứ tự các mùa ở bán cầu Bắc là xuân, hạ, thu, đông thì các mùa ở bán cầu Nam diễn ra như thế nào?

Vận dụng

Địa phương nơi em đang sinh sống mỗi năm có mấy mùa? Đó là những mùa nào? Thời gian mỗi mùa thường kéo dài khoảng mấy tháng?

timdapan.com

Bài 8 THỰC HÀNH XÁC ĐỊNH PHƯƠNG HƯỚNG NGOÀI THỰC TẾ

Học xong bài này, em sẽ:

Xác định được phương hướng ngoài thực tế dựa vào dùng la bàn hoặc quan sát hiện tượng tự nhiên.

I. XÁC ĐỊNH PHƯƠNG HƯỚNG DỰA VÀO VIỆC DÙNG LA BÀN

1. Hướng dẫn

Chuẩn bị:

– La bàn hoặc điện thoại thông minh có ứng dụng la bàn.

– Tìm hiểu về la bàn (la bàn là gì, ứng dụng trong thực tế, cách sử dụng,...).

2. Các bước tiến hành

– Trình bày cách sử dụng la bàn.

– Thực hiện nhiệm vụ sau:

– Dựa vào hình 8.1, 8.2, em hãy cho biết các hướng chính trong la bàn.

– Sử dụng la bàn để xác định:

+ Hướng của phòng học (theo hướng nhìn thẳng từ phía trong phòng ra ngoài qua cửa ra vào).

+ Hướng ngồi của học sinh (theo hướng nhìn của học sinh từ chỗ ngồi về phía bảng).

+ Ghi kết quả và báo cáo.

Em có biết?

La bàn là phương tiện dùng để xác định phương hướng trong không gian. Một chiếc la bàn thông thường gồm các bộ phận chính như: kim nam châm chỉ hướng, vòng chia độ, tay cầm,... Kim nam châm có một đầu được sơn đỏ để chỉ hướng bắc (N), đầu còn lại được sơn trắng hoặc xanh để chỉ hướng nam (S). Các hướng còn lại gồm: đông (E), tây (W), đông bắc (NE), tây bắc (NW), đông nam (SE), tây nam (SW).

Để xác định chính xác phương hướng, chúng ta cần đứng thẳng, đặt la bàn cân đối, sau đó xoay la bàn sao cho kim nam châm có đầu sơn đỏ chỉ về hướng chính bắc (0 độ). Từ đó, tiến hành xác định các hướng cần tìm bằng cách từ từ xoay người và la bàn.

Hình 8.1. La bàn

timdapan.com

Em có biết?

Việc sử dụng la bàn trên điện thoại thông minh đơn giản và tiện dụng hơn so với la bàn thông thường. Màn hình la bàn trên điện thoại sẽ hiển thị bốn hướng chính là đông, tây, nam, bắc. Để xác định hướng cần tìm, ta mở ứng dụng la bàn, đặt điện thoại theo chiều đầu điện thoại quay về phía mà mình muốn biết phương hướng, sau đó giữ yên thiết bị. Kết quả trên màn hình sẽ hiển thị cho biết đó là hướng nào.

Hình 8.2. La bàn trên điện thoại thông minh

II. XÁC ĐỊNH PHƯƠNG HƯỚNG DỰA VÀO QUAN SÁT HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN

1. Hướng dẫn

Chuẩn bị:

– Tìm hiểu một số cách xác định phương hướng dựa vào quan sát hiện tượng tự nhiên trong thực tiễn.

– Tìm cách xác định phương hướng dựa vào quan sát hiện tượng Mặt Trời mọc và lặn.

Đọc câu chuyện dưới đây và trả lời các câu hỏi sau:

– Người em đã xác định hướng tây bằng cách dựa vào đâu?

– Sau khi xác định được hướng tây, người em đã làm cách nào để xác định các hướng còn lại?

– Hãy nêu quy tắc xác định phương hướng ngoài thực tế.

timdapan.com

Em có biết?

Câu chuyện đi đường

Có hai anh em đi lạc trong rừng, bị mất phương hướng trong lúc trời đã xế chiều. Trước đó, trời còn nắng nhưng bây giờ thì không còn thấy Mặt Trời ở hướng nào nữa. Hai anh em đã đối thoại như sau:

– Anh: Làm thế nào bây giờ?

– Em: Hướng ta đi phải là hướng bắc. Phải tìm cho ra hướng bắc.

– Anh: Tìm như thế nào?

– Em: Khó quá. Lúc nãy còn có Mặt Trời, bây giờ thì chẳng còn biết Mặt Trời ở hướng nào nữa, chúng ta lại không có la bàn.

– Anh: Nhưng hệ quả Mặt Trời để lại thì chắc vẫn còn.

– Em: À, em nghĩ ra rồi. Sự đốt nóng là hệ quả để lại dễ nhận ra nhất. Đúng rồi, ta sờ vào các vật lúc nãy nhận ánh sáng Mặt Trời xem phía nào ấm hơn thì hẳn phía đó là hướng tây.

– Anh: Em thông minh lắm, thử làm xem sao.

– Em: Em đã sờ vào các thân cây, các phiến đá thì thấy phía ấm hơn đều cùng hướng này. Vậy hướng này là hướng tây.

– Anh: Thế đâu là hướng bắc?

– Em: Trước mặt là hướng tây thì bên phải là hướng bắc. Anh em ta sẽ đi hướng này.

(Theo GS. Nguyễn Cảnh Toàn, *Quá trình dạy tự học*)

Chân trời sáng tạo

2. Các bước tiến hành

– Trình bày cách xác định phương hướng ngoài thực tế bằng cách dựa vào quan sát hiện tượng Mặt Trời mọc hoặc Mặt Trời lặn.

– Thực hiện nhiệm vụ sau:

Dựa vào phía Mặt Trời mọc (hoặc lặn) để xác định:

– Hướng của cổng trường.

– Ghi kết quả và báo cáo.

timdapan.com

CHƯƠNG 3

CẤU TẠO CỦA TRÁI ĐẤT. VỎ TRÁI ĐẤT

- Cấu tạo của Trái Đất.
- Các mảng kiến tạo.
- Hiện tượng động đất, núi lửa.
- Quá trình nội sinh và ngoại sinh trong hiện tượng tạo núi.
- Các dạng địa hình chính.
- Khoáng sản.

timdapan.com

Bài 9 CẤU TẠO CỦA TRÁI ĐẤT. ĐỘNG ĐẤT VÀ NÚI LỬA

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được cấu tạo của Trái Đất.
- Xác định được trên lược đồ các mảng kiến tạo lớn, đới tiếp giáp của hai mảng xô vào nhau.
- Trình bày được hiện tượng động đất, núi lửa và nêu được nguyên nhân.
- Biết tìm kiếm thông tin về các thảm hoạ thiên nhiên do động đất và núi lửa gây ra.

Năm 2018, núi lửa Sô-pu-tan (Soputan) ở In-đô-nê-xi-a (Indonesia) phun trào chỉ vài ngày sau trận động đất khoảng 7 độ rich-te. Vì sao động đất và núi lửa lại xuất hiện trên Trái Đất? Bên trong Trái Đất có những gì và cấu tạo ra sao? Con người đã nỗ lực khám phá bằng những cách nào?

I. CẤU TẠO CỦA TRÁI ĐẤT

Dựa vào hình 9.1, bảng 9.1 và thông tin trong bài, em hãy cho biết:

– Trái Đất gồm những lớp nào?

– Đặc điểm cấu tạo bên trong của Trái Đất?

Hình 9.1. Cấu tạo của Trái Đất

Cấu tạo của Trái Đất gồm ba lớp: vỏ Trái Đất, man-ti và nhân. Mỗi lớp có những đặc điểm riêng về độ dày, trạng thái vật chất và nhiệt độ.

Bảng 9.1. Cấu tạo của Trái Đất

Lớp	Vỏ Trái Đất	Man-ti	Nhân
Độ dày	Từ 5 km đến 70 km.	Gần 3 000 km.	Trên 3 000 km.
Trạng thái vật chất	Rắn chắc.	Từ quánh dẻo đến rắn.	Từ lỏng đến rắn.
Nhiệt độ	Càng xuống sâu nhiệt độ càng tăng, tối đa không quá 1 000^{0}C.	Khoảng từ 1 500^{0}C đến 3 700^{0}C.	Cao nhất khoảng 5 000^{0}C.

Em có biết?

Để tìm hiểu các thành phần của vỏ Trái Đất, Liên bang Nga (một quốc gia thuộc Liên Xô trước đây) đã thực hiện lỗ khoan siêu sâu Cô-la (Kola). Đây là lỗ khoan sâu nhất trên đất liền, hơn 12 km. Cho tới nay, con người chỉ khoan sâu được đến độ sâu như vậy vì nếu sâu hơn, nhiệt độ sẽ phá huỷ mọi thiết bị khoan.

timdapan.com

Lớp vỏ Trái Đất là nơi tồn tại của các thành phần tự nhiên như đất, đá, không khí, nước, sinh vật,... Lớp vỏ Trái Đất bao gồm: vỏ lục địa và vỏ đại dương. *Vỏ lục địa* đa phần được tạo bởi đá granit và tương đối dày (từ 25 km đến 70 km). *Vỏ đại dương* là phần cấu tạo bởi đá badan và có độ dày mỏng hơn (từ 5 km đến 10 km).

Hình 9.2. Cấu tạo lớp vỏ Trái Đất

II. CÁC MẢNG KIẾN TẠO

Dựa vào hình 9.3, em hãy:

– Cho biết lớp vỏ Trái Đất có các mảng kiến tạo lớn nào?

– Xác định nơi tiếp giáp giữa các mảng kiến tạo đang xô vào nhau và giữa các mảng đang tách xa nhau.

Hình 9.3. Các mảng kiến tạo của lớp vỏ Trái Đất

Thạch quyển là lớp ngoài cùng của Trái Đất, bao gồm: vỏ Trái Đất và phần trên của man-ti. Thạch quyển được cấu tạo bởi các mảng kiến tạo lớn nhỏ khác nhau. Các mảng kiến tạo hiện đang di chuyển xô vào nhau hoặc tách xa nhau với một tốc độ rất chậm. Những dòng chuyển động của vật chất ở tầng trên của lớp man-ti tạo ra lực giúp cho các mảng kiến tạo di chuyển.

Đới tiếp giáp giữa các mảng kiến tạo thể hiện sự chuyển động của các mảng rõ nhất. Đây cũng là khu vực bất ổn trên Trái Đất, thường xảy ra động đất và núi lửa.

timdapan.com

III. ĐỘNG ĐẤT

Dựa vào hình 9.4 và thông tin trong bài, em hãy:

– Mô tả lại diễn biến, nguyên nhân và hậu quả của trận động đất.

– Xác định các vành đai động đất.

Em có biết?

Động đất tại Nê-pan (Nepal)

Tháng 4 năm 2015, tại Cát-man-đu (Kathmandu), Nê-pan đã xảy ra trận động đất với cường độ vào khoảng 7,8 độ rich-te gây ra thương vong cho gần hàng nghìn người.

Nhân chứng sống sót mô tả, khi đang làm việc trong phòng, bỗng nhiên bàn làm việc rung lắc mạnh. Sau đó, điện tắt, các thiết bị như lò vi sóng, ti vi,... rơi xuống đất vỡ tan. Thành phố đổ nát không hi vọng gì sẽ có điện lại và nước trở nên rất quý giá.

Các chuyên gia xác định, sự dịch chuyển của mảng Ấn Độ – Ô-xtrây-li-a (Australia) về phía bắc là nguyên nhân của trận động đất. Sự dịch chuyển mạnh của mảng này dẫn đến va đập ở các chỗ nứt gãy và làm chấn động vùng núi Hi-ma-lay-a (Himalaya).

Hình 9.4. Vành đai động đất và núi lửa trên Trái Đất

timdapan.com

Hiện tượng lớp vỏ Trái Đất bị rung chuyển với nhiều cường độ khác nhau và diễn ra trong thời gian ngắn gọi là động đất. Cường độ động đất mạnh hay yếu tuỳ thuộc vào sự dịch chuyển của các mảng kiến tạo. Hiện nay, thang đo cường độ động đất phổ biến là thang Rich-te.

Em có biết?

Thang Rich-te

– Nhẹ (từ 4 đến dưới 5 độ): các đồ vật trong nhà bị rung chuyển
– Trung bình (từ 5 đến dưới 6 độ): đồ vật treo trên tường rơi xuống.
– Mạnh (từ 6 đến dưới 7 độ): hư hại các công trình xây dựng thông thường.
– Rất mạnh (từ 7 đến dưới 8 độ): toà nhà bị dịch chuyển khỏi nền móng, xuất hiện vết nứt trên bề mặt đất.
– Cực mạnh (từ 8 đến dưới 9 độ): cầu bê tông, đường sá bị phá huỷ.
– Cực kì mạnh (từ 9 độ trở lên): sự phá huỷ gần như hoàn toàn.

IV. NÚI LỬA

Dựa vào hình 9.4 và thông tin trong bài, em hãy:

– Xác định các vành đai núi lửa trên thế giới.

– Cho biết vì sao núi lửa có thể phun trào? Việc núi lửa phun trào dẫn đến hậu quả gì?

Em có biết?

Vụ phun trào núi lửa Mê-ra-pi (Merapi)

Nằm trên vành đai lửa Thái Bình Dương, In-đô-nê-xi-a thường xuyên hứng chịu các trận động đất hoặc núi lửa phun trào. Núi lửa Mê-ra-pi là một trong những núi lửa tại In-đô-nê-xi-a bắt đầu hoạt động thường xuyên từ năm 1548. Trong lần phun trào gần đây, tro bụi cao tới 6 km đã đe doạ đến an toàn hàng không, mọi chuyến bay đều bị cấm thực hiện. Các vụ nổ và phun trào đã gây ra tổn thất lớn với hàng trăm người thương vong và hàng trăm nghìn người khác phải sơ tán khỏi khu vực bán kính 3 km từ miệng núi lửa phun trào.

Núi lửa là hiện tượng phun trào măcma lên trên bề mặt Trái Đất. Núi lửa thường phân bố theo nhóm và hầu hết nằm dưới đại dương. Phần lớn số lượng núi lửa đã và đang hoạt động nằm trên Vành đai lửa Thái Bình Dương.

Núi lửa phun trào thường ảnh hưởng đến môi trường sống của con người như tro bụi và dung nham gây ô nhiễm môi trường, tiêu diệt các sinh vật,... Tuy nhiên, sau khi dung nham phân huỷ sẽ tạo thành lớp đất đỏ màu mỡ, thuận lợi cho sự phát triển của cây trồng.

Núi lửa và động đất là những thảm hoạ thiên nhiên rất nghiêm trọng. Vì vậy, thông tin về hoạt động của núi lửa và động đất rất được quan tâm. Chúng ta có thể tìm thông tin qua các sách, báo, chương trình ti vi, internet,...

timdapan.com

– Thông tin về động đất và núi lửa có ở những nguồn nào?

– Những từ khoá nào thường được sử dụng để tìm thông tin về núi lửa và động đất?

Nếu em tìm thông tin về các thảm hoạ thiên nhiên do núi lửa và động đất gây ra trên internet hoặc trong thư viện, em hãy sử dụng các từ khoá như: núi lửa, động đất, thảm hoạ thiên nhiên,... hoặc các tư liệu khác.

Hình 9.5. Núi lửa Pô-pô-ca-tê-pê-tô (Popocatépetl), Mê-hi-cô (Mexico)

LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

1. Em hãy cho biết các vành đai núi lửa và động đất có trùng nhau không? Tại sao?

2. Em hãy nêu tên của hai mảng kiến tạo xô vào nhau và tên của hai mảng kiến tạo tách xa nhau.

Vận dụng

Em hãy lựa chọn một trong hai nhiệm vụ sau:

– Giả sử khi đang ở trong lớp học, nếu có động đất xảy ra, em sẽ làm gì?

– Em hãy tìm các thông tin về động đất và núi lửa trên thế giới hiện nay.

timdapan.com

Bài 10 QUÁ TRÌNH NỘI SINH VÀ NGOẠI SINH. CÁC DẠNG ĐỊA HÌNH CHÍNH. KHOÁNG SẢN

Học xong bài này, em sẽ:

- Phân biệt được quá trình nội sinh và ngoại sinh.
- Trình bày được tác động đồng thời của quá trình nội sinh và ngoại sinh trong hiện tượng tạo núi.
- Phân biệt được các dạng địa hình chính trên Trái Đất.
- Kể được tên một số loại khoáng sản.

Bề mặt địa hình Trái Đất của chúng ta không bằng phẳng, có những nơi được nâng cao lên nhưng cũng có những nơi lại bị bào mòn hay sụp xuống. Tại sao lại có những sự thay đổi như vậy? Có nơi nào trên vỏ Trái Đất vừa được nâng cao vừa bị bào mòn hay không?

Tại Việt Nam, chúng ta thường nghe đến dãy núi Hoàng Liên Sơn, đồi chè Thái Nguyên, cao nguyên Lâm Viên, Đồng bằng sông Cửu Long,... Dựa vào những căn cứ nào để phân chia địa hình như vậy ?

I. QUÁ TRÌNH NỘI SINH VÀ NGOẠI SINH

Dựa vào nội dung trong bài và hình 10.1, em hãy cho biết:

– Thế nào là quá trình nội sinh và ngoại sinh?

– Bề mặt địa hình thay đổi như thế nào ở mỗi hình a, b, c?

– Hình nào là kết quả của các quá trình ngoại sinh và hình nào là kết quả của quá trình nội sinh?

Nội sinh là quá trình xảy ra do các tác nhân từ bên trong vỏ Trái Đất. Đó là các chuyển động kiến tạo, hoạt động núi lửa và động đất. Trong đó, hoạt động của các mảng kiến tạo là quan trọng nhất.

Ngoại sinh là quá trình xảy ra do các tác nhân bên ngoài vỏ Trái Đất. Đó là các hiện tượng nắng, mưa, nhiệt độ, dòng chảy bề mặt,... làm phá hủy đá gốc thành các vật liệu bở rời. Những vật liệu ấy sẽ được vận chuyển đi và bồi tụ ở những vị trí khác nhau.

Hình 10.1. Một số kết quả của quá trình nội sinh và ngoại sinh

timdapan.com

Quá trình nội sinh và ngoại sinh diễn ra đồng thời và đối lập nhau trên bề mặt địa hình, đặc biệt là hiện tượng tạo núi. Quá trình nội sinh đóng vai trò làm gia tăng tính gồ ghề của bề mặt đất, trong khi đó quá trình ngoại sinh có xu hướng phá huỷ, san bằng các chỗ gồ ghề, bồi lấp, làm đầy chỗ lõm.

Em có biết?

Hi-ma-lay-a là một dãy núi ở châu Á, phân chia tiểu lục địa Ấn Độ khỏi cao nguyên Tây Tạng. Tên gọi này theo ngôn ngữ địa phương có nghĩa "nơi ở của tuyết". Hi-ma-lay-a rất hùng vĩ, có 14 đỉnh núi cao nhất thế giới, bao gồm đỉnh Ê-vơ-rét.

Nguyên nhân hình thành Hi-ma-lay-a do mảng Ấn Độ – Ô-xtrây-li-a chuyển động về phía bắc và va chạm với mảng Á – Âu. Hiện nay, mảng Ấn Độ – Ô-xtrây-li-a tiếp tục di chuyển theo chiều ngang bên dưới cao nguyên Tây Tạng, làm cho Hi-ma-lay-a hằng năm được nâng cao khoảng 5 mm.

II. CÁC DẠNG ĐỊA HÌNH CHÍNH

Dựa vào hình 10.2, bảng 10.1 và nội dung trong bài, em hãy:

– Kể tên một số dạng địa hình phổ biến.

– Nêu một số đặc điểm của dạng địa hình núi.

– Cho biết sự khác nhau giữa núi và đồi, giữa cao nguyên và đồng bằng.

Hình 10.2. Một số dạng địa hình chính

timdapan.com

Em có biết?

Cách tính độ cao địa hình

Có hai cách tính phổ biến là độ cao tương đối và độ cao tuyệt đối.

Độ cao tương đối là khoảng cách đo theo chiều thẳng đứng từ một địa điểm ở trên cao so với một điểm khác ở dưới thấp. Độ cao tuyệt đối là khoảng cách đo theo chiều thẳng đứng từ một địa điểm so với mực nước biển trung bình.

Hình 10.3. Cách tính độ cao địa hình

Bảng 10.1. Đặc điểm một số dạng địa hình chính

Dạng địa hình	Độ cao	Đặc điểm chính
Núi	Trên 500 m so với mực nước biển.	Nhô cao rõ rệt trên mặt đất; gồm đỉnh núi, sườn núi và chân núi.
Cao nguyên	Trên 500 m so với mực nước biển.	Vùng đất tương đối rộng lớn, bề mặt khá bằng phẳng, sườn dốc, chia tách với các vùng xung quanh.
Đồi	Không quá 200 m so với xung quanh.	Nhô cao so với xung quanh, đỉnh tròn, sườn thoải.
Đồng bằng	Dưới 200 m so với mực nước biển.	Địa hình thấp, tương đối bằng phẳng hoặc gợn sóng, độ dốc nhỏ.

Hình 10.4. Một góc động Thiên Cung (vịnh Hạ Long)

Em có biết?

Địa hình cacxtơ

Cacxtơ (karst) vốn là tên của một cao nguyên đá vôi ở dãy núi Đi-na-ric An-pơ (Dinaric Alps), khu vực Nam Âu. Cacxtơ được định nghĩa là quá trình tác động về mặt hoá học và một phần về mặt cơ học của nước ngầm vào các loại đá dễ hoà tan như đá vôi.

Ở Việt Nam, cacxtơ cũng là một dạng địa hình khá phổ biến với diện tích rộng xấp xỉ 50 000 km^2, chiếm khoảng 1/6 diện tích đất nước. Các miền cacxtơ nước ta nằm trong phạm vi cacxtơ nhiệt đới Đông Nam Á – nơi có diện tích địa hình cacxtơ rộng lớn nhất thế giới.

timdapan.com

III. KHOÁNG SẢN

Hình 10.5. Một số loại khoáng sản

Quan sát hình 10.5 và thông tin trong bài:

– Em hãy cho biết các hình a, b, c, d là khoáng sản nào?

– Những khoáng sản này có công dụng gì?

– Hãy kể tên một vài khoáng sản khác mà em biết.

Khoáng sản là những tích tụ tự nhiên các khoáng vật và đá có ích được con người khai thác, sử dụng trong sản xuất và đời sống. Dựa vào tính chất và công dụng, khoáng sản thường được chia thành ba loại: khoáng sản năng lượng (than đá, dầu mỏ,...), khoáng sản kim loại (vàng, sắt,...) và khoáng sản phi kim loại (đá vôi, thạch anh,...).

Nơi tập trung số lượng lớn khoáng sản có khả năng khai thác được gọi là mỏ khoáng sản. Các mỏ khoáng sản hình thành trong một thời gian rất dài, khi khai thác sẽ cạn kiệt không thể phục hồi lại được. Vì vậy, con người cần có kế hoạch khai thác và sử dụng khoáng sản một cách hợp lí.

Em có biết?

Khoáng sản ở Việt Nam

Việt Nam có nguồn tài nguyên khoáng sản tương đối phong phú và đa dạng về chủng loại với hàng nghìn mỏ của hàng chục loại khoáng sản khác nhau, gồm đủ các nhóm: khoáng sản năng lượng (dầu khí, than,...), khoáng sản kim loại (bôxit, thiếc, đồng,...) và khoáng sản phi kim loại (đá vôi, đá xây dựng, đá ốp lát,...).

Tuy nhiên, hầu hết khoáng sản nước ta là tài nguyên không tái tạo và có trữ lượng hạn chế. Vì vậy, việc điều tra, thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng hợp lí, tiết kiệm là hết sức quan trọng.

LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

1. Hãy phân biệt quá trình nội sinh và ngoại sinh trong quá trình hình thành địa hình bề mặt Trái Đất?

2. Cho biết độ cao tuyệt đối của các dạng địa hình chính.

3. Tìm kiếm thông tin về hiện trạng khai thác một số loại khoáng sản mà em biết.

Vận dụng

Nơi em sinh sống thuộc dạng địa hình nào? Dạng địa hình này phù hợp với những hoạt động kinh tế nào?

timdapan.com

Bài 11 THỰC HÀNH ĐỌC LƯỢC ĐỒ ĐỊA HÌNH TỈ LỆ LỚN VÀ LÁT CẮT ĐỊA HÌNH ĐƠN GIẢN

Học xong bài này, em sẽ:

– Đọc được lược đồ địa hình tỉ lệ lớn.

– Đọc được lát cắt địa hình đơn giản.

I. ĐỌC LƯỢC ĐỒ ĐỊA HÌNH TỈ LỆ LỚN

Hình 11.1. Mặt cắt ngang của địa hình núi và hình biểu hiện của nó trên bản đồ

Em có biết?

Cách đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn:

- *Xác định khoảng cách độ cao giữa các đường đồng mức.*
- *Căn cứ vào đường đồng mức, tính độ cao của các điểm trên lược đồ.*
- *Căn cứ độ gần hay xa giữa các đường đồng mức để biết được độ dốc địa hình.*
- *Tính khoảng cách thực tế giữa các điểm dựa vào tỉ lệ lược đồ.*

Lược đồ địa hình tỉ lệ lớn là lược đồ thể hiện đặc điểm địa hình (độ cao, độ dốc,...) của một khu vực có diện tích nhỏ bằng các đường đồng mức.

Đường đồng mức là đường nối liền các điểm có độ cao bằng nhau trên lược đồ địa hình. Những đường đồng mức gần nhau cho thấy độ dốc lớn và càng xa nhau thì địa hình càng thoải.

Dựa vào hình 11.2, em hãy:

- *Xác định độ cao chênh lệch giữa hai đường đồng mức.*
- *Xác định độ cao của các điểm B, C, D, E trên lược đồ.*
- *So sánh độ cao đỉnh núi A1 và A2.*
- *Cho biết sườn núi từ A1 đến B hay từ A1 đến C dốc hơn?*

timdapan.com

Hình 11.2. Lược đồ địa hình tỉ lệ lớn

II. LÁT CẮT ĐỊA HÌNH

Lát cắt địa hình là cách thức thể hiện đặc điểm của bề mặt địa hình thực tế lên mặt phẳng dựa vào các đường đồng mức và thang màu sắc. Lát cắt cho chúng ta thấy được đặc điểm địa hình của một khu vực theo một hướng cụ thể.

Em có biết?

Cách đọc lát cắt địa hình:

- *Xác định điểm bắt đầu và kết thúc của lát cắt.*
- *Từ hai điểm mốc, xác định hướng của lát cắt, đi qua những điểm độ cao, các dạng địa hình đặc biệt nào và sự biến đổi của độ dốc địa hình,...*
- *Mô tả sự biến đổi địa hình từ điểm đầu đến điểm cuối.*
- *Tính khoảng cách giữa các điểm dựa vào tỉ lệ lát cắt.*

Chân trời sáng tạo

Dựa vào hình 11.3, em hãy:

– Cho biết lát cắt lần lượt đi qua những dạng địa hình nào?

– Trong các điểm A, B, C, điểm nào có độ cao thấp nhất và độ cao cao nhất?

Hình 11.3. Lát cắt địa hình từ Thành phố Hồ Chí Minh đến Đà Lạt

timdapan.com

CHƯƠNG 4

KHÍ HẬU VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

- *Các tầng khí quyển. Thành phần không khí.*
- *Các khối khí. Khí áp và gió trên Trái Đất.*
- *Nhiệt độ và mưa. Thời tiết, khí hậu.*
- *Các đới khí hậu trên Trái Đất.*
- *Biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu.*

timdapan.com

Bài 12 LỚP VỎ KHÍ. KHỐI KHÍ. KHÍ ÁP VÀ GIÓ TRÊN TRÁI ĐẤT

Học xong bài này, em sẽ:

- Mô tả được các tầng khí quyển, đặc điểm chính của tầng đối lưu và tầng bình lưu.
- Hiểu được vai trò của khí oxy, khí carbonic và hơi nước.
- Kể tên và nêu được đặc điểm về nhiệt độ và độ ẩm của một số khối khí.
- Biết cách sử dụng khí áp kế.
- Trình bày được sự phân bố các đai khí áp và các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất.

Khí quyển là lớp vỏ khí bao quanh và bảo vệ sự sống trên Trái Đất. Càng lên cao không khí càng loãng. Khoảng một nửa khối lượng khí quyển tập trung từ mặt đất đến độ cao 5 km. Từ độ cao 20 km trở lên chỉ còn lại 1/10 khối lượng toàn bộ khí quyển. Đến độ cao khoảng 20 000 km, mật độ không khí đã giảm gần hết. Đây là giới hạn trên của khí quyển.

I. CÁC TẦNG KHÍ QUYỂN VÀ THÀNH PHẦN KHÔNG KHÍ

1. Các tầng khí quyển

Quan sát hình 12.1, kết hợp thông tin trong bài, em hãy cho biết khí quyển gồm những tầng nào? Lập sơ đồ mô tả đặc điểm các tầng khí quyển.

Hình 12.1. Các tầng khí quyển của Trái Đất

Tầng đối lưu nằm sát mặt đất, không khí chuyển động mạnh theo chiều thẳng đứng. Trong tầng này nhiệt độ giảm theo độ cao và đây là nơi diễn ra các hiện tượng khí tượng như gió, mưa, mây,...

Tầng bình lưu nằm trên tầng đối lưu, không khí rất loãng và chủ yếu chuyển động theo chiều nằm ngang. Do có lớp ôdôn hấp thụ tia tử ngoại nên nhiệt độ trong tầng này tăng theo độ cao.

Trên tầng bình lưu là các tầng không khí cực loãng, ít có quan hệ trực tiếp với đời sống của con người.

timdapan.com

2. Thành phần không khí

Quan sát hình 12.2, 12.3 kết hợp với nội dung trong bài, em hãy trả lời các câu hỏi sau:

– Nêu tỉ lệ các thành phần của không khí.

– Khí oxy và hơi nước có vai trò gì đối với tự nhiên trên Trái Đất?

Hình 12.2. Các thành phần của không khí

Không khí không màu sắc và không mùi vị, bao gồm những thành phần chủ yếu sau:

– Khí nitơ chiếm 78% thể tích không khí.

– Khí oxy chiếm 21% thể tích không khí, là chất khí cần thiết cho sự cháy và hô hấp của động vật.

– Hơi nước chỉ chiếm một lượng nhỏ nhưng lại là nguồn gốc sinh ra các hiện tượng khí tượng như sương mù, mưa, mây,…

– Khí carbonic chiếm một tỉ lệ rất nhỏ nhưng giữ vai trò quan trọng: Khí carbonic kết hợp với nước, ánh sáng và năng lượng mặt trời để cây xanh quang hợp tạo nên chất hữu cơ và khí oxy – những dưỡng chất cần thiết cho sự sống trên Trái Đất.

Hình 12.3. Quang hợp ở lá cây tạo thành chất hữu cơ và khí oxy

II. KHỐI KHÍ

Lớp không khí ở đáy tầng đối lưu chịu ảnh hưởng trực tiếp của bề mặt Trái Đất nên hình thành các khối khí khác nhau về nhiệt độ và độ ẩm. Tuỳ thuộc vào tính chất và vị trí hình thành có thể chia ra các loại khối khí sau:

– Khối khí nóng hình thành ở vĩ độ thấp, có nhiệt độ tương đối cao.

– Khối khí lạnh hình thành ở vĩ độ cao, có nhiệt độ tương đối thấp.

– Khối khí lục địa hình thành trên các vùng đất liền, có tính chất khô.

– Khối khí đại dương hình thành trên các biển và đại dương, có tính chất ẩm.

Dựa vào kiến thức đã học, em hãy cho biết:

– Nhiệt độ và độ ẩm của một khối khí hình thành trên lục địa ở vĩ độ cao.

– Nhiệt độ và độ ẩm của một khối khí hình thành ngoài đại dương ở vĩ độ thấp.

timdapan.com

III. KHÍ ÁP VÀ GIÓ TRÊN TRÁI ĐẤT

1. Khí áp

Không khí tuy nhẹ nhưng vẫn có trọng lượng, tạo ra một sức ép lên bề mặt Trái Đất. Sức ép đó gọi là khí áp.

Dụng cụ để đo khí áp gọi là khí áp kế.

Dựa vào hình 12.4 a và thông tin trong bài, em hãy:

– Đọc trị số khí áp đang hiển thị trên khí áp kế kim loại.

– Trị số ấy là khí áp thấp hay khí áp cao?

a) Khí áp kế kim loại

b) Khí áp kế điện tử

Hình 12.4. Một số loại khí áp kế

Thông thường, người ta dùng đơn vị milimet thuỷ ngân (mmHg) hoặc miliba (mb) để đo khí áp. Khí áp ở mặt nước biển trung bình bằng 760 mmHg, tương ứng 1 013,1 mb; khí áp nhỏ hơn 1 013,1 mb là khí áp thấp; khí áp lớn hơn 1 013,1 mb là khí áp cao.

Trên bề mặt Trái Đất, các đai khí áp cao và đai khí áp thấp phân bố xen kẽ nhau từ Xích đạo đến hai cực.

Quan sát hình 12.5, em cho biết:

– Trên Trái Đất có các đai khí áp nào?

– Nêu tên các đai khí áp thấp, đai khí áp cao.

Hình 12.5. Các đai khí áp và các loại gió chính trên Trái Đất

timdapan.com

2. Gió trên Trái Đất

Không khí luôn chuyển động từ nơi khí áp cao về nơi khí áp thấp. Sự chuyển động ấy sinh ra gió. Gió Mậu dịch, gió Tây ôn đới và gió Đông cực là ba loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất. Do ảnh hưởng của lực Cô-ri-ô-lít, hướng của ba loại gió này hơi lệch về phía bên phải ở bán cầu Bắc và hơi lệch về phía bên trái ở bán cầu Nam.

Dựa vào hình 12.5, em hãy:

– Kể tên các loại gió chính trên Trái Đất.

– Trình bày phạm vi hoạt động và hướng thổi của gió Tây ôn đới và gió Mậu dịch.

Em có biết?

Vào khoảng thế kỉ XV, thương nhân hai nước Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha cần phải tìm một con đường để đến châu Á bằng đường biển.

Qua nhiều chuyến đi biển, họ được những luồng gió thổi thường xuyên, đưa thuyền rời khỏi châu Âu đến châu Phi, xa hơn là châu Á và sau đó quay trở về. Họ gọi chúng là gió chỉ đường. Nhờ những luồng gió này mà thuyền buôn của người Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha đã đến được nhiều nơi để buôn bán, trao đổi hàng hoá, mang về vàng bạc, của cải, gia vị,... tạo nên sự giàu có, thịnh vượng. Vì thế, chúng còn được gọi là gió Mậu dịch. Vì chúng mang tính chất thường xuyên, nên được xem là loại gió đáng tin cậy hay còn gọi là Tín phong.

Chân trời sáng tạo

LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

1. Em hãy cho biết tầng khí quyển nào ảnh hưởng nhiều nhất đến sự sống trên Trái Đất? Vì sao?

2. Dựa vào hình 12.5, em hãy xác định hướng thổi của gió Đông cực ở cả hai bán cầu.

Vận dụng

Hãy tìm hiểu và cho biết lãnh thổ Việt Nam nằm trong phạm vi ảnh hưởng của loại gió nào?

timdapan.com

Bài 13 THỜI TIẾT VÀ KHÍ HẬU. CÁC ĐỚI KHÍ HẬU TRÊN TRÁI ĐẤT

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được sự thay đổi nhiệt độ bề mặt Trái Đất theo vĩ độ.
- Mô tả được quá trình hình thành mây và mưa.
- Biết sử dụng nhiệt kế và ẩm kế.
- Phân biệt thời tiết và khí hậu.
- Trình bày được khái quát đặc điểm của một đới khí hậu.

Vùng cực quanh năm giá lạnh, trong khi vùng Xích đạo lại quanh năm nắng nóng và mưa nhiều, thiên nhiên phát triển phong phú. Điều gì đã tạo nên sự khác biệt trên bề mặt Trái Đất như vậy?

I. NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ

Quan sát hình 13.1 và thông tin trong bài, em hãy cho biết:

– Nhiệt kế hình 13.1 chỉ bao nhiêu độ?

– Thế nào là nhiệt độ không khí? Vì sao không khí có nhiệt độ?

Hình 13.1. Nhiệt kế

Em có biết?

Lớp không khí sát bề mặt đất chịu ảnh hưởng của bề mặt đệm. Nếu mặt đệm là rừng cây hay hồ ao thì nhiệt độ ngày đêm sẽ điều hoà; nhưng nếu mặt đệm là sa mạc, đất trống không có lớp phủ thực vật thì nhiệt độ ngày đêm sẽ rất chênh lệch.

Mặt Trời là nguồn cung cấp ánh sáng và nhiệt chủ yếu cho Trái Đất. Mặt đất hấp thu năng lượng nhiệt của Mặt Trời, bức xạ lại vào không khí, làm không khí nóng lên. Độ nóng hay lạnh đó là nhiệt độ của không khí. Nhiệt kế là dụng cụ dùng để đo nhiệt độ không khí.

Nhiệt độ không khí trung bình ngày được tính bằng trung bình cộng của các lần đo trong ngày. Số lần đo nhiệt độ không khí trong ngày phổ biến là bốn lần đo vào lúc 1 giờ, 7 giờ, 13 giờ và 19 giờ.

timdapan.com

II. SỰ THAY ĐỔI CỦA NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ TRÊN BỀ MẶT TRÁI ĐẤT THEO VĨ ĐỘ

Dựa vào bảng 13.1 và thông tin trong bài, em hãy:
– So sánh nhiệt độ trung bình năm của một số địa điểm trên thế giới.
– Rút ra sự thay đổi nhiệt độ không khí trên bề mặt Trái Đất theo vĩ độ.

Bảng 13.1. Vĩ độ và nhiệt độ trung bình năm của một số địa điểm trên thế giới

Địa điểm	Vĩ độ	Nhiệt độ trung bình năm (^{0}C)
An-ta (Alta), Na Uy	$69^0$58'B	2,5
Mát-xcơ-va, Liên bang Nga	$55^0$49'B	7,3
Va-len-xi-a (Valencia), Tây Ban Nha	$37^0$27'B	17,5
Ma-ni-la (Manila), Phi-lip-pin	$14^0$35'B	26,5
Xin-ga-po (Singapore)	$1^0$17'B	28,3

Tia sáng mặt trời chiếu xuống bề mặt cong của Trái Đất. Ở vùng vĩ độ cao, góc chiếu của tia sáng mặt trời với bề mặt Trái Đất nhỏ nên nhận được ít nhiệt. Ở vùng vĩ độ thấp, góc chiếu của tia sáng mặt trời với mặt đất lớn nên mặt đất nhận được nhiều nhiệt hơn. Do đó, không khí ở vùng có vĩ độ thấp nóng hơn không khí ở vùng vĩ độ cao.

III. ĐỘ ẨM KHÔNG KHÍ, MÂY VÀ MƯA

Dựa vào hình 13.3 và thông tin trong bài, em hãy cho biết:
– Chỉ số nào trên hình 13.3 thể hiện độ ẩm không khí?
– Mây và mưa được hình thành như thế nào?

Hình 13.2. Phố núi Sa Pa trong sương

timdapan.com

Hơi nước tuy chiếm một tỉ lệ rất nhỏ trong thành phần của không khí nhưng lại là nguồn gốc sinh ra các hiện tượng khí tượng như mây, mưa, sương,...

Không khí chứa hơi nước. Ở mỗi nhiệt độ khác nhau, 1 m^3 không khí chứa được một lượng hơi nước tối đa khác nhau. Khi không khí đã chứa một lượng hơi nước tối đa thì không khí đã đạt đến trạng thái bão hoà hơi nước. Ẩm kế là dụng cụ dùng để đo độ ẩm không khí.

Bảng 13.2. Lượng hơi nước tối đa trong không khí

Nhiệt độ (^{0}C)	0	10	20	30
Lượng hơi nước (g/m^3)	2	5	17	30

Hình 13.3. Nhiệt – ẩm kế điện tử

Không khí đã bão hoà nhưng vẫn được cung cấp thêm hơi nước hoặc khi nhiệt độ không khí giảm, hơi nước ngưng tụ sinh ra các hiện tượng sương mù, mưa, mây,...

Mây được tạo thành khi hơi nước bốc lên cao, gặp lạnh rồi ngưng tụ thành những hạt nước li ti tạo ra những đám mây. Nếu hơi nước trong các đám mây tiếp tục ngưng tụ, các hạt nước to dần và đủ nặng thì hạt nước rơi trở lại mặt đất tạo thành mưa.

IV. THỜI TIẾT VÀ KHÍ HẬU

Các hiện tượng khí tượng như mưa, nắng, gió, nhiệt độ,… xảy ra trong một thời gian ngắn ở một địa phương, gọi là thời tiết. Thời tiết luôn thay đổi.

Việt Nam thuộc kiểu khí hậu nhiệt đới gió mùa nên nhiệt độ trung bình năm cao. Hằng năm, từ tháng 5 đến tháng 10 là mùa mưa, từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau là mùa khô. Khí hậu ở một địa phương là sự lặp đi lặp lại tình hình thời tiết của địa phương đó theo một quy luật nhất định. Khí hậu có tính quy luật.

Đọc các thông tin trong bài, cho biết thời tiết và khí hậu khác nhau như thế nào?

Em có biết?

Hiện tượng khí tượng xảy ra ở Thành phố Hồ Chí Minh trong một ngày của tháng 12: Sáng sớm trong làn sương mỏng, không khí se lạnh; khi Mặt Trời lên, không khí ấm áp, sương tan. Buổi trưa nắng gắt, không khí nóng bức. Buổi chiều gió nhẹ, không khí lại trở nên mát mẻ.

timdapan.com

V. CÁC ĐỚI KHÍ HẬU TRÊN TRÁI ĐẤT

Quan sát hình 13.4 và nội dung trong bài, em hãy kể tên các đới khí hậu trên Trái Đất.

Hình 13.4. Sự phân chia các đới khí hậu trên Trái Đất

Sự phân bố nhiệt và ánh sáng Mặt Trời trên bề mặt Trái Đất không đều đã dẫn đến sự phân hoá khí hậu và hình thành các đới khí hậu. Từ Xích đạo về hai cực có các đới: nhiệt đới (đới nóng), hai đới ôn đới (đới ôn hoà) và hai đới hàn đới (đới lạnh).

Chân trời sáng tạo

Dựa vào thông tin trong bài, em hãy trình bày đặc điểm khái quát của một đới khí hậu tuỳ chọn.

Đới khí hậu nhiệt đới là khu vực nằm giữa hai đường chí tuyến Bắc và Nam, hấp thụ được lượng nhiệt lớn từ Mặt Trời. Thời gian chiếu sáng trong năm ít chênh lệch nên quanh năm nóng. Gió thổi thường xuyên là gió Mậu dịch, lượng mưa trung bình năm từ 1 000 mm đến 2 000 mm.

Đới khí hậu ôn đới ở hai nửa cầu nằm giữa các đường chí tuyến đến vòng cực. Đây là khu vực có lượng nhiệt nhận được từ Mặt Trời ở mức trung bình. Thời gian chiếu sáng trong năm chênh lệch nhau nhiều nên có các mùa rõ rệt. Gió thổi thường xuyên là gió Tây ôn đới, lượng mưa trung bình năm từ 500 mm đến 1 500 mm.

timdapan.com

Đới khí hậu hàn đới kéo dài từ hai vòng cực đến cực. Do nhận được lượng nhiệt ít nên đây là khu vực quanh năm lạnh giá, băng tuyết bao phủ, chênh lệch giữa ngày và đêm lên đến 24 giờ. Gió Đông cực là gió thổi thường xuyên; lượng mưa trung bình năm thấp (dưới 500 mm).

Em có biết?

Vào đầu mùa mưa, ở nước ta thường có mưa dông. Trong cơn dông thường xuất hiện sấm sét nguy hiểm. Khi có cơn dông, nếu đang ở trong nhà hãy tránh xa cửa sổ, cửa ra vào, các thiết bị điện, những chỗ ẩm ướt, không sử dụng điện thoại nếu không cần thiết, rút phích cắm của các thiết bị điện ra khỏi ổ cắm,... Nếu đang ở ngoài trời, tuyệt đối không đứng trú mưa dưới các gốc cây cao, tránh xa các vật dụng bằng kim loại; hãy tìm những chỗ thấp hơn xung quanh và không tụ tập lại thành nhóm.

Hình 13.5. Phòng tránh sấm sét

LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

1. Cho biết cách tính nhiệt độ trung bình tháng và nhiệt độ trung bình năm.

2. Cho bảng số liệu sau:

Bảng 13.3. Nhiệt độ theo giờ của một ngày trong tháng 11 tại Hà Nội

Giờ	1	7	13	19
Nhiệt độ (^{0}C)	19	19	27	23

Dựa vào bảng số liệu 13.3:

– Hãy tính nhiệt độ trung bình ngày trong tháng 11 của Hà Nội.

– Trong ngày, nhiệt độ cao nhất là bao nhiêu ^{0}C ? Nhiệt độ thấp nhất là bao nhiêu ^{0}C?

– Nhiệt độ cao nhất và thấp nhất trong ngày chênh nhau bao nhiêu ^{0}C?

Vận dụng

Em hãy cho biết em cần làm gì và không được làm gì để phòng tránh tai nạn do sấm sét?

timdapan.com

Bài 14 BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Học xong bài này, em sẽ:

- Nêu được một số biểu hiện của biến đổi khí hậu.
- Trình bày được một số biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Em có biết Trái Đất đã từng trải qua những thời kì băng hà rét lạnh với những thời kì ấm lên không? Chẳng hạn như: cách đây khoảng 200 000 năm, Trái Đất lạnh đi; cách đây khoảng 130 000 năm Trái Đất ấm lên; nhưng rồi cách đây khoảng 80 000 năm thì Trái Đất lại lạnh đi. Còn hiện nay, Trái Đất đang nóng lên hay lạnh đi? Chúng ta sẽ "ứng phó" với điều đó như thế nào?

I. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Quan sát hình 14.1, hình 14.2 và đọc thông tin trong bài, em hãy:

- *Cho biết sự khác nhau giữa hình 14.1 và hình 14.2. Giải thích.*
- *Nêu một số biểu hiện của biến đổi khí hậu trên Trái Đất.*

Hình 14.1. Đỉnh núi thuộc dãy An-pơ (Alps) vào năm 1960

Hình 14.2. Đỉnh núi thuộc dãy An-pơ năm 2005

Sự thay đổi trạng thái của khí hậu so với trung bình nhiều năm được gọi là biến đổi khí hậu. Những biểu hiện chủ yếu của biến đổi khí hậu hiện nay gồm: nhiệt độ không khí tăng, khí hậu Trái Đất nóng lên; biến động trong chế độ mưa, lượng mưa; gia tăng tốc độ tan băng,...; gia tăng các

timdapan.com

hiện tượng thời tiết cực đoan: bão, lũ lụt, hạn hán,…; mực nước biển dâng cao;… dẫn đến số lượng các loài sinh vật suy giảm, các hệ sinh thái và hoạt động của con người có nguy cơ bị ảnh hưởng,...

Tuy vậy, biến đổi khí hậu hiện nay vẫn có những tác động tích cực như: mở ra các tuyến đường thương mại mới trên Bắc Băng Dương, nhiều vùng đất lạnh giá trước đây đã canh tác được, sản lượng nông nghiệp tăng ở một vài nơi trên thế giới,…

Em có biết?

Những ghi nhận cụ thể về biểu hiện của biến đổi khí hậu trên Trái Đất:

– Nhiệt độ năm 2016 tăng hơn 1,1^{0}C so với thời kì trước năm 1750.

– Lượng mưa:

+ Tăng ở các đới phía bắc vĩ tuyến 30^{0}B.

+ Giảm ở các vĩ độ nhiệt đới.

– Băng tan:

+ Năm 2016, diện tích băng ở Bắc Cực chỉ còn 4,14 triệu km^2, giảm khoảng 3 triệu km^2 so với giai đoạn 1979 – 2000. Trong khi đó, diện tích băng ở Nam Cực chỉ còn 14,5 triệu km^2, ít hơn 2 triệu km^2 so với giai đoạn 1981 – 2010.

+ Sông băng trên dãy An-pơ liên tục thu hẹp lại kể từ năm 1960.

– Mực nước biển tăng 3,3 mm mỗi năm ở giai đoạn 2004 – 2015, nhanh hơn 25 – 35% so với giai đoạn 1993 – 2004.

– Thời tiết cực đoan: ở Đông Nam Á, siêu bão tăng hơn 12 – 15% trong giai đoạn 1980 – 2016.

(Nguồn: Tham khảo từ dữ liệu của Tổ chức Khí tượng thế giới.)

II. PHÒNG TRÁNH THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Dựa vào thông tin trong bài, bảng 14.1 và hình 14.3, em hãy:

– Cho biết bản thân em có thể thực hiện được biện pháp phòng tránh thiên tai nào?

– Giải thích tại sao các hoạt động trong hình 14.3 sẽ giúp chúng ta ứng phó với biến đổi khí hậu?

timdapan.com

Trên Trái Đất có nhiều loại thiên tai như: bão, lốc xoáy, lũ lụt, hạn hán, mưa đá,... Thiên tai thường gây ra nhiều thiệt hại về người và tài sản, làm ảnh hưởng lớn đến các hoạt động kinh tế – xã hội. Do đó, để phòng tránh thiên tai, chúng ta cần thực hiện đầy đủ các biện pháp theo ba giai đoạn sau:

Bảng 14.1. Các giai đoạn và biện pháp phòng tránh thiên tai

Giai đoạn	Biện pháp
Trước khi xảy ra thiên tai	Dự báo thời tiết, dự trữ lương thực, trồng và bảo vệ rừng, xây dựng hồ chứa, sơ tán người dân.
Trong khi xảy ra thiên tai	Ở nơi an toàn, hạn chế di chuyển, giữ gìn sức khoẻ, sử dụng nước và thực phẩm tiết kiệm, theo dõi thông tin thiên tai.
Sau khi xảy ra thiên tai	Khắc phục sự cố, vệ sinh nơi ở, vệ sinh môi trường, giúp đỡ người khác.

Trong điều kiện biến đổi khí hậu như hiện nay, thiên tai diễn biến ngày càng phức tạp, khó lường. Do đó, bên cạnh các biện pháp phòng tránh thiên tai, con người cần biết ứng phó với biến đổi khí hậu, với nhiều giải pháp như: trồng rừng, dùng năng lượng sạch, tiết kiệm năng lượng, sử dụng phương tiện công cộng, sản xuất nông nghiệp hữu cơ,... Đó là những giải pháp có thể góp phần giảm lượng thải khí nhà kính, hoặc điều chỉnh các hoạt động của con người cho phù hợp với những thay đổi của tự nhiên.

Trợ giúp nạn nhân thiên tai ở Quảng Ngãi (2013)

Điện gió Bình Thuận

Sử dụng phương tiện công cộng

Hình 14.3. Một số hoạt động cụ thể ứng phó với biến đổi khí hậu

LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

Em hãy lập sơ đồ các biểu hiện của biến đổi khí hậu.

Vận dụng

Địa phương nơi em ở thường xảy ra loại thiên tai nào? Bản thân em có thể làm gì để phòng tránh thiên tai ấy?

timdapan.com

Bài 15 THỰC HÀNH PHÂN TÍCH BIỂU ĐỒ NHIỆT ĐỘ VÀ LƯỢNG MƯA

Học xong bài này, em sẽ:

– Phân tích được biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa.

– Xác định được đặc điểm về nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm trên bản đồ khí hậu thế giới.

I. CHUẨN BỊ

– Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm.

– Tập bản đồ Địa lí lớp 6.

II. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH

Bài tập 1. Quan sát biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của Va-len-xi-a, hãy:

– Cho biết nhiệt độ trung bình tháng cao nhất và tháng thấp nhất.

– Nhiệt độ chênh lệch giữa tháng cao nhất và tháng thấp nhất là bao nhiêu?

– Những tháng nào trong năm có lượng mưa trên 100 mm?

Từ những nhận xét về nhiệt độ và lượng mưa của Va-len-xi-a, em hãy cho biết địa điểm này có thuộc đới khí hậu em đã tìm hiểu (trong bài 13) không? Vì sao?

Chân trời sáng tạo

Hình 15.1. Biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa của Va-len-xi-a

timdapan.com

Bài tập 2.

Quan sát hình 15.2, em hãy so sánh đặc điểm nhiệt độ và lượng mưa của Môn-trê-an (Montreal), Ca-na-đa và Hà Nội, Việt Nam.

Hình 15.2. Các đới khí hậu trên Trái Đất

Chân trời sáng tạo

timdapan.com

CHƯƠNG 5

NƯỚC TRÊN TRÁI ĐẤT

- *Thuỷ quyển – vòng tuần hoàn nước.*
- *Nước ngầm, băng hà.*
- *Sông và hồ.*
- *Biển và đại dương.*

timdapan.com

Bài 16 THUỶ QUYỂN. VÒNG TUẦN HOÀN NƯỚC. NƯỚC NGẦM, BĂNG HÀ

Học xong bài này, em sẽ:

- Kể được tên các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển.
- Mô tả được vòng tuần hoàn lớn của nước.
- Nêu được tầm quan trọng của nước ngầm và băng hà.

Trái Đất không giống với bất kì một hành tinh nào trong hệ Mặt Trời vì Trái Đất có nước. Nhờ có nước, Trái Đất trở thành một hành tinh có sự sống. Nước trên Trái Đất gồm những thành phần nào? Các thành phần ấy liên quan với nhau ra sao? Nước bao bọc khắp hành tinh, vì sao nhân loại vẫn lo thiếu nước?

I. THUỶ QUYỂN, THÀNH PHẦN CHỦ YẾU CỦA THUỶ QUYỂN

Dựa vào hình 16.1, em hãy nêu và so sánh:

- *Tỉ lệ diện tích lục địa và đại dương ở bán cầu Bắc.*
- *Tỉ lệ diện tích lục địa và đại dương ở bán cầu Nam.*

Hình 16.1. Tỉ lệ diện tích lục địa và đại dương ở bán cầu Bắc và bán cầu Nam

Trên bề mặt Trái Đất, đại dương chiếm gần 3/4 diện tích, trong khi đó lục địa chỉ chiếm trên 1/4 diện tích. Nước trên Trái Đất không chỉ có ở đại dương. Nước có ở khắp nơi tạo thành một lớp bao quanh Trái Đất.

timdapan.com

Quan sát hình 16.2 và đọc thông tin trong bài, em hãy cho biết nước có ở những đâu trên Trái Đất?

Lớp nước bao phủ trên Trái Đất được gọi là thuỷ quyển, bao gồm: nước trong các biển, các đại dương; nước trên lục địa (sông, hồ, băng, tuyết, nước ngầm,...) và hơi nước trong khí quyển.

Hình 16.2. Nước trên Trái Đất

II. VÒNG TUẦN HOÀN NƯỚC

Quan sát hình 16.3 và đọc thông tin trong bài, em hãy mô tả vòng tuần hoàn lớn của nước.

Hình 16.3. Vòng tuần hoàn nước

Nước luôn chuyển động trên Trái Đất theo những chu trình khép kín gọi là vòng tuần hoàn nước. Vòng tuần hoàn nước gồm: vòng tuần hoàn nhỏ và vòng tuần hoàn lớn. Vòng tuần hoàn nhỏ chỉ có hai giai đoạn: bốc hơi và nước rơi. Vòng tuần hoàn lớn có thể trải qua ba giai đoạn: bốc hơi, nước rơi và dòng chảy; hoặc bốn giai đoạn: bốc hơi, nước rơi, thấm và dòng chảy. Vòng tuần hoàn lớn có thể đưa nước đến hầu khắp mọi nơi trên Trái Đất.

timdapan.com

III. NƯỚC NGẦM VÀ BĂNG HÀ

1. Nước ngầm

Quan sát hình 16.4 và đọc thông tin trong bài, em hãy:

– So sánh tỉ lệ giữa nước mặn và nước ngọt trên Trái Đất.

– Cho biết tỉ lệ nước ngầm trong tổng lượng nước ngọt trên Trái Đất.

– Nêu tầm quan trọng của nước ngầm.

Hình 16.4. Tỉ lệ các loại nước trên Trái Đất

Em có biết?

Trên lục địa nước ngầm nhiều hơn tất cả nước sông, hồ, đầm,... cộng lại. Phần lớn nước ngầm là do nước trên bề mặt đất thấm xuống. Công dụng quan trọng nhất của nước ngầm là cung cấp nước cho sinh hoạt. Ngoài ra, nước ngầm còn là nguồn cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp và công nghiệp.

Nước ngầm là nước nằm dưới bề mặt đất do nước mưa, băng tuyết tan và sông hồ thấm vào mặt đất mà thành. Nước ngầm còn là nguồn cung cấp nước cho sông và hồ. Nước ngầm chiếm khoảng 30% tổng lượng nước ngọt trên Trái Đất. Nước ngầm phân bố khắp nơi, là nguồn nước ngọt quan trọng cho thế giới. Sử dụng nguồn nước ngầm theo hướng phát triển bền vững đang là vấn đề cần sự quan tâm của toàn nhân loại.

2. Băng hà

Quan sát hình 16.4, 16.5 và đọc thông tin trong bài, em hãy:

– Kể tên những nơi có băng hà.

– Xác định tỉ lệ băng hà trong tổng lượng nước ngọt trên Trái Đất.

– Nêu tầm quan trọng của băng hà.

timdapan.com

a) Nam Cực

b) Bắc Cực

c) Sông băng Gan-gô-tri (Hi-ma-lay-a)

Hình 16.5. Băng hà ở hai vùng cực và trên núi

Em có biết?

Gan-gô-tri (Gangotri) là một trong những sông băng lớn nhất trong dãy Hi-ma-lay-a. Đây là nơi bắt nguồn và cũng là nguồn cung cấp nước chủ yếu cho sông Hằng vào mùa khô. Sông Hằng có ý nghĩa rất lớn đối với Ấn Độ và Băng-la-đét (Bangladesh). Đây là nơi cung cấp nước ngọt và nguồn thuỷ năng quan trọng nhất cho hai quốc gia này.

(Nguồn: *Sông băng*, Hiệp hội Địa lí Quốc gia Hoa Kỳ)

Trên Trái Đất, 99% băng hà phân bố ở các vùng cực. Trong đó, Nam Cực chiếm 90% diện tích băng trên thế giới. Phần băng còn lại có thể được tìm thấy ở các dãy núi vùng ôn đới và các đảo ở vùng vĩ độ cao. Ở giữa hai vĩ tuyến 35° Bắc và Nam, băng hà chỉ xuất hiện ở các dãy núi cao.

Băng hà là nguồn cung cấp nước quan trọng cho các sông ở miền ôn đới hay các sông bắt nguồn từ núi cao. Băng hà còn là nguồn dự trữ nước ngọt lớn nhất trên Trái Đất.

Chân trời sáng tạo

LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

1. Hãy kể tên các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển.

2. Hãy tìm ví dụ cho thấy nước ngầm có tham gia vào vòng tuần hoàn lớn của nước.

Vận dụng

Nguồn nước ngọt hiện nay bị ô nhiễm nặng nề. Hãy tìm hiểu một số nguyên nhân làm ô nhiễm nguồn nước ngọt ở địa phương em.

timdapan.com

Bài 17 SÔNG VÀ HỒ

Học xong bài này, em sẽ:

- Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn.
- Mô tả được mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với các nguồn cấp nước sông.
- Nêu được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp nước sông, hồ.

Theo em, một dòng sông lớn gồm những bộ phận nào? Sông được cung cấp nước từ những nguồn nào? Do đâu sông có lũ? Chúng ta cần sử dụng nước sông, hồ như thế nào?

I. SÔNG VÀ LƯU LƯỢNG NƯỚC CỦA SÔNG

1. Các bộ phận của dòng sông

Dựa vào thông tin trong bài và hình 17.1, em hãy mô tả các bộ phận chính của một dòng sông.

Hình 17.1. Mô hình một hệ thống sông

Sông là dòng nước chảy tương đối ổn định trên bề mặt lục địa. Hầu hết các dòng sông chảy ra biển. Nơi tiếp giáp với biển được gọi là cửa sông. Ở thượng nguồn, sông thường có nhiều phụ lưu. Phụ lưu là những dòng chảy nhỏ cung cấp nước cho sông. Ở hạ nguồn, có nhiều dòng chảy tách ra từ dòng sông chính, gọi là chi lưu.

Nước sông được cung cấp chủ yếu từ nước mưa, băng tuyết tan, nước ngầm,...

2. Lưu lượng nước sông

Dựa vào thông tin trong bài và bảng 17.1, em hãy:

– Cho biết mùa lũ của sông Gianh vào những tháng nào?

– Cho biết những tháng nào có lượng mưa lớn nhất?

– Rút ra mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với nguồn cung cấp nước sông.

timdapan.com

Bảng 17.1. Lưu lượng nước và lượng mưa trung bình tháng tại trạm Đồng Tâm (sông Gianh, tỉnh Quảng Bình)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lưu lượng (m^3/s)	22,7	19,3	17,5	10,7	28,7	36,7	40,6	58,4	185,0	178,0	94,1	43,7
Lượng mưa (mm)	50,7	34,9	47,2	66,0	104,7	170,0	136,1	209,5	530,1	582,0	231,0	67,9

Mùa cạn Mùa lũ

Lưu lượng nước là lượng nước chảy qua mặt cắt ngang lòng sông, ở một địa điểm nào đó, trong một giây đồng hồ. Đơn vị tính lưu lượng nước thường là m^3/s.

Trong năm, lưu lượng nước sông thường không đều giữa các tháng. Vào mùa mưa, nguồn cấp nước chính cho sông là nước mưa, mực nước lòng sông dâng cao, sông chảy mạnh và ngược lại vào mùa khô. Với sông ở vùng vĩ độ cao, nước sông dâng nhanh, chảy mạnh vào cuối mùa xuân và đầu mùa hè khi băng tuyết tan. Lượng nước sông tăng nhanh có thể gây hiện tượng lũ, lụt khu vực ven bờ và hạ lưu. Sự thay đổi lưu lượng nước sông trong một năm gọi là chế độ nước sông.

Em có biết?

Sông Lê-na (Lena) ở Liên bang Nga bắt nguồn từ khu vực núi Bai-can (Baikal) thuộc vùng ôn đới và đổ ra Bắc Băng Dương. Vào mùa đông, nước sông đóng băng và tuyết bao phủ khắp nơi. Vào mùa xuân, băng tuyết dần tan ở phía nam làm nước sông Lê-na dâng cao và chảy mạnh ở thượng nguồn. Tuy nhiên, nước sông không chảy ra Bắc Băng Dương được do cửa sông còn đóng băng. Vì vậy, nước sông Lê-na tràn bờ, gây nên hiện tượng lụt.

Ngoài nước từ băng tuyết tan, nhiều sông ở vùng ôn đới còn được cung cấp nước bởi mưa xuân.

II. HỒ

Hồ là một dạng địa hình trũng chứa nước, thường khép kín và không trực tiếp thông ra biển. Có những hồ rất lớn như hồ Bai-can (Baikal) ở Liên bang Nga. Phần lớn hồ chứa nước ngọt, tuy nhiên, một số ít hồ chứa nước mặn. Hồ có nguồn gốc hình thành và hình dạng khác nhau.

Hình 17.2. Hồ Xuân Hương ở thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng (Việt Nam) được hình thành bởi việc ngăn đập trên suối Cam Ly

Hình 17.3. Hồ Tơ Nưng (T'Nưng) ở thành phố Plây-ku (Pleiku), Gia Lai (Việt Nam) được hình thành từ miệng núi lửa đã tắt

timdapan.com

III. SỬ DỤNG TỔNG HỢP NƯỚC SÔNG, HỒ

Hình 17.4. Một số mục đích sử dụng nước sông, hồ

Dựa vào thông tin trong bài và hình 17.4, em hãy:

– Kể những mục đích sử dụng nước sông, hồ.

– Cho biết nước sông, hồ có thể cùng lúc sử dụng cho nhiều mục đích không?

Những dòng sông, hồ lớn thường bao phủ một không gian rộng lớn. Nước sông, hồ được sử dụng chung cho nhiều cộng đồng dân cư, với nhiều mục đích khác nhau. Vì vậy, sử dụng nước sông, hồ theo hướng tổng hợp rất quan trọng, giúp nâng cao hiệu quả kinh tế, tránh lãng phí và góp phần bảo vệ tài nguyên nước.

Hình 17.5. Hồ Dầu Tiếng (Việt Nam)

Em có biết?

Hồ Dầu Tiếng được xây dựng trên sông Sài Gòn, chứa hơn 1,5 tỉ m^3 nước, là một trong những hồ nhân tạo lớn nhất ở nước ta hiện nay.

Hồ Dầu Tiếng là nguồn cung cấp nước quan trọng cho sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt ở tỉnh Tây Ninh, Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Long An. Hiện nay hồ còn có vai trò lớn đối với việc trồng rừng, khai thác thuỷ sản, phát triển du lịch,...

LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

Em hãy vẽ sơ đồ thể hiện các bộ phận chính của một dòng sông lớn.

Vận dụng

Hãy tìm ví dụ sử dụng tổng hợp nước sông hoặc hồ mà em biết.

timdapan.com

Bài 18 BIỂN VÀ ĐẠI DƯƠNG

Học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được trên bản đồ các đại dương thế giới.
- Nêu được sự khác biệt về nhiệt độ và độ muối giữa vùng biển nhiệt đới và vùng biển ôn đới.
- Trình bày được các hiện tượng sóng, thuỷ triều, dòng biển.

Theo đề xuất của Tổ chức Thuỷ văn quốc tế thì Trái Đất bao gồm năm đại dương. Sự "xuất hiện" thêm đại dương thứ năm – Nam Đại Dương (Nam Băng Dương) đã gây ra nhiều cuộc tranh luận của các nhà Địa lí.

Tuy nhiên, chúng ta không thể phủ nhận rằng hiện nay cũng chỉ có một "Đại dương thế giới", bởi vì trong thực tế các đại dương đều nối liền với nhau. Em có đồng ý không?

I. CÁC ĐẠI DƯƠNG TRÊN TRÁI ĐẤT

Hình 18.1. Độ muối của nước biển và đại dương

Dựa vào hình 18.1, em hãy kể tên các đại dương trên thế giới.

timdapan.com

Với tổng diện tích 361,3 triệu km^2, đại dương chiếm khoảng 71% tổng diện tích bề mặt Trái Đất. Trong đại dương có các biển. Biển là một bộ phận có những đặc điểm riêng (về độ muối, nhiệt độ,…) khác với vùng nước của đại dương bao quanh. Ví dụ: Biển Đông là một bộ phận của Thái Bình Dương, Địa Trung Hải là một bộ phận của Đại Tây Dương,…

II. NHIỆT ĐỘ, ĐỘ MUỐI CỦA BIỂN VÀ ĐẠI DƯƠNG

Đọc thông tin trong bài và quan sát hình 18.1, em hãy:

– Cho biết sự khác biệt về nhiệt độ và độ muối giữa vùng biển nhiệt đới và vùng biển ôn đới.

– Giải thích tại sao có sự khác biệt như vậy?

Nhiệt độ trung bình của nước biển và đại dương vào khoảng 17^0C. Tuy nhiên, nhiệt độ sẽ thay đổi phụ thuộc vào vị trí địa lí, điều kiện khí hậu và một số điều kiện tự nhiên khác. Ví dụ, nhiệt độ trung bình của Biển Đông là $27,3^0C$; biển Nhật Bản là khoảng 15^0C; lên đến vùng biển Ô-khốt (Okhostk) thì nhiệt độ trung bình nước biển chỉ còn dưới 5^0C.

Độ muối trung bình của nước biển và đại dương là 35‰. Độ muối của nước biển và đại dương là do nước sông hoà tan các loại muối từ trong lục địa đưa ra. Độ muối khác nhau do nguồn nước sông chảy vào và độ bốc hơi của nước trên biển và đại dương khác nhau. Độ muối của biển và đại dương có xu hướng giảm dần từ vùng vĩ độ thấp đến vùng vĩ độ cao.

III. SỰ VẬN ĐỘNG CỦA NƯỚC BIỂN VÀ ĐẠI DƯƠNG

Nước biển và đại dương có ba sự vận động là: sóng, thuỷ triều và dòng biển.

1. Sóng

Dựa vào thông tin trong bài và hình 18.2, em hãy trình bày khái niệm sóng biển và sóng thần. Cho biết nguyên nhân hình thành hai loại sóng này.

a) Sóng biển

b) Sóng thần ở Nhật Bản (2011)

Hình 18.2. Các loại sóng trên biển và đại dương

timdapan.com

Mặt biển không bao giờ yên tĩnh. Nước luôn luôn nhấp nhô, dao động. Ở bờ biển, người ta thấy sóng từ ngoài khơi xô vào bờ, nhưng thực ra, nước không chuyển động theo chiều ngang mà chỉ dao động tại chỗ. Nguyên nhân sinh ra sóng biển chủ yếu là do gió. Gió càng mạnh thì sóng càng lớn. Ngoài ra, ở các đại dương (nhất là Thái Bình Dương và Đại Tây Dương) còn xuất hiện sóng do động đất hoặc núi lửa hoạt động ngầm dưới đáy biển. Loại sóng này có thể cao vài chục mét, gây nhiều tác hại nghiêm trọng, được gọi là sóng thần.

2. Thuỷ triều

Đọc thông tin trong bài và quan sát hình 18.3, em hãy:

– Trình bày khái niệm về hiện tượng thuỷ triều.

– Cho biết thế nào là triều cường? Thế nào là triều kém?

– Xác định thời điểm xảy ra triều cường và thời điểm xảy ra triều kém.

Hình 18.3. Vị trí của Mặt Trời, Mặt Trăng và Trái Đất vào các ngày triều cường và triều kém

Khi quan sát bờ biển, người ta thấy nước biển có lúc dâng lên, lấn sâu vào đất liền, có lúc lại rút xuống, lùi ra xa. Đó là hiện tượng thuỷ triều. Thuỷ triều có quan hệ chặt chẽ với sức hút của Mặt Trời, Mặt Trăng đối với Trái Đất. Nhờ sức hút của Mặt Trời và Mặt Trăng mà nước trong các biển và đại dương có sự vận động lên – xuống tạo ra thuỷ triều.

Có nơi, mỗi ngày thuỷ triều lên – xuống hai lần, gọi là bán nhật triều. Nhưng có nơi thuỷ triều chỉ lên xuống mỗi ngày một lần, gọi là nhật triều. Hàng tháng, có những ngày thuỷ triều dao động nhiều nhất, đó là các ngày triều cường. Ngược lại, cũng có những ngày thuỷ triều dao động ít nhất, gọi là các ngày triều kém.

timdapan.com

3. Dòng biển

Nếu trên lục địa có những dòng sông thì trong các biển và đại dương cũng có những dòng biển hay hải lưu. Dựa vào nhiệt độ mà người ta chia thành dòng biển nóng hay dòng biển lạnh.

Các dòng biển có ảnh hưởng rất lớn đến khí hậu của những khu vực ven biển. Ngoài ra, nơi gặp gỡ của các dòng biển nóng và lạnh có nguồn hải sản rất phong phú.

Dựa vào hình 18.4 và kiến thức đã học, em hãy kể tên các dòng biển trong các đại dương. Cho biết hướng chảy của các dòng biển nóng, dòng biển lạnh.

Hình 18.4. Dòng biển trong các đại dương

LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

1. Em hãy lập sơ đồ thể hiện ba dạng vận động chính của nước biển và đại dương.

2. Tìm mối quan hệ giữa nhiệt độ và độ muối của nước biển, đại dương.

Vận dụng

Nêu những lợi ích kinh tế mà sóng, thuỷ triều hoặc dòng biển đem lại cho chúng ta. Liên hệ với Việt Nam.

timdapan.com

CHƯƠNG 6

ĐẤT VÀ SINH VẬT TRÊN TRÁI ĐẤT

- *Lớp đất và các nhân tố hình thành đất.*
- *Một số nhóm đất điển hình trên thế giới.*
- *Sinh vật và sự phân bố các đới thiên nhiên trên Trái Đất. Rừng nhiệt đới.*

timdapan.com

Bài 19 LỚP ĐẤT VÀ CÁC NHÂN TỐ HÌNH THÀNH ĐẤT. MỘT SỐ NHÓM ĐẤT ĐIỂN HÌNH

Học xong bài này, em sẽ:

- Nêu được các tầng đất và các thành phần chính của đất.
- Trình bày được một số nhân tố hình thành đất.
- Kể được tên một số nhóm đất điển hình trên thế giới.
- Xác định được trên bản đồ một số nhóm đất ở vùng nhiệt đới hoặc ở vùng ôn đới.

"Ai ơi đừng bỏ ruộng hoang
Bao nhiêu tấc đất, tấc vàng bấy nhiêu"
(Ca dao)

Khoảng 3/4 diện tích bề mặt Trái Đất là đại dương, phần còn lại là lục địa. Lớp đất trên Trái Đất là môi trường sống của con người và các sinh vật sống. Vậy đất bao gồm những thành phần chính nào? Có những nhóm đất điển hình nào? Những nhân tố nào góp phần hình thành đất?

I. LỚP ĐẤT, CÁC THÀNH PHẦN CHÍNH CỦA ĐẤT VÀ TẦNG ĐẤT

1. Lớp đất

Lớp vật chất mỏng, tơi xốp bao phủ trên bề mặt các lục địa và đảo, được đặc trưng bởi độ phì gọi là lớp đất.

Độ phì là khả năng cung cấp nước, nhiệt, khí và các chất dinh dưỡng giúp cho thực vật sinh trưởng và phát triển. Mỗi loại đất khác nhau được đặc trưng bởi độ phì tương ứng. Độ phì cao thì đất tốt, thực vật phát triển nhanh chóng, thuận lợi và ngược lại.

2. Các thành phần chính của đất

Dựa vào hình 19.1 và thông tin trong bài, em hãy:

– Cho biết các thành phần chính của đất.

– Thành phần nào chiếm tỉ lệ lớn nhất?

– Thành phần nào quan trọng nhất?

Hình 19.1. Tỉ lệ các thành phần có trong đất

timdapan.com

Lớp đất trên các lục địa bao gồm các thành phần là chất vô cơ, chất hữu cơ, nước, không khí. Chất vô cơ chiếm phần lớn trọng lượng của đất bao gồm các hạt cát, hạt sét,... Chất hữu cơ chỉ chiếm một tỉ lệ nhỏ nhưng là phần quan trọng nhất của đất, được phân huỷ từ xác động, thực vật và thường ở tầng trên cùng của đất. Nước và không khí tồn tại giữa các khe hở của đất, giúp cho sinh vật sinh trưởng và phát triển. Tỉ lệ các thành phần trong đất thay đổi tuỳ thuộc vào điều kiện hình thành đất.

3. Tầng đất

Hình 19.2. Mẫu đất

Dựa vào hình 19.2 và thông tin trong bài, em hãy cho biết:

– Có mấy tầng đất chính?

– Tầng nào chứa chất mùn và có nhiều chất dinh dưỡng?

Khi quan sát mẫu đất, người ta có thể thấy sự phân tầng cấu trúc từ bề mặt đất xuống đến tầng đá mẹ. Tuỳ theo điều kiện tự nhiên của mỗi vùng, miền mà các lớp đất, tầng đất khác nhau về độ dày, màu sắc, cấu tạo.

– Tầng hữu cơ: là tầng trên cùng, bao gồm các tàn tích hữu cơ (cành khô, lá mục,...) đang bị phân giải. Tầng này còn gọi là tầng thảm mục.

– Tầng đất mặt: được hình thành do vi sinh vật phân giải các chất hữu cơ tạo nên chất mùn, thường tơi xốp, chứa nhiều chất dinh dưỡng.

– Tầng tích tụ: được hình thành do các vật chất bị hoà tan và tích tụ lại từ các tầng đất phía trên xuống.

– Tầng đá mẹ: là nơi chứa các sản phẩm phong hoá bị biến đổi để hình thành đất.

II. CÁC NHÂN TỐ HÌNH THÀNH ĐẤT

Dựa vào hình 19.3 và thông tin trong bài, em hãy cho biết những ảnh hưởng của con người đến đất theo hướng tích cực hoặc tiêu cực.

Hình 19.3. Ruộng bậc thang Mù Cang Chải (Yên Bái)

timdapan.com

Quá trình hình thành đất chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố, trong đó quan trọng là đá mẹ, khí hậu, sinh vật.

Đá mẹ là nguồn cung cấp vật chất vô cơ cho đất, quyết định thành phần khoáng vật, ảnh hưởng đến màu sắc và tính chất của đất. Ví dụ: những loại đất hình thành trên đá granit thường có màu xám; hình thành trên đá badan thường có màu nâu, đỏ.

Khí hậu tham gia vào quá trình hình thành đất được biểu hiện qua lượng mưa và nhiệt độ. Lượng mưa quyết định mức độ rửa trôi; nhiệt độ thúc đẩy quá trình hoà tan và tích tụ chất hữu cơ.

Sinh vật đóng vai trò quan trọng trong quá trình hình thành đất; góp phần tích tụ, phân huỷ và biến đổi chất hữu cơ. Thực vật tổng hợp chất hữu cơ từ những chất vô cơ. Vi sinh vật phân giải xác sinh vật cung cấp nguồn chất hữu cơ cho đất. Động vật (giun, dế, kiến,...) làm đất tơi xốp hơn.

Ngoài ba nhân tố nói trên, sự hình thành đất còn chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố khác như địa hình, thời gian và con người. Nơi có địa hình cao đất thường bị rửa trôi, bào mòn; ở đồng bằng tầng đất thường dày và giàu chất dinh dưỡng hơn. Thời gian hình thành đất và hoạt động sản xuất của con người có tác động rất mạnh đối với quá trình hình thành đất.

III. MỘT SỐ NHÓM ĐẤT ĐIỂN HÌNH TRÊN THẾ GIỚI

Dựa vào hình 19.4, em hãy kể tên:
– Một số nhóm đất điển hình trên thế giới.
– Các nhóm đất điển hình ở lục địa Á – Âu và lục địa Phi.

Hình 19.4. Một số nhóm đất điển hình trên thế giới

timdapan.com

Lớp đất trên thế giới rất đa dạng. Tuỳ thuộc vào quá trình, nhân tố hình thành và tính chất của đất mà người ta chia ra các nhóm đất khác nhau. Các nhóm đất có sự khác biệt rất lớn về màu sắc, thành phần, độ xốp và bề dày.

Em có biết?

Đất đỏ vàng là nhóm đất có quá trình tích tụ oxit sắt và nhôm làm cho đất có màu đỏ vàng đặc trưng; thường xuất hiện dưới tán rừng mưa nhiệt đới; phân bố ở Nam Mỹ, Trung Phi, Đông Nam Á.

Đất pốtdôn là nhóm đất được hình thành trong điều kiện khí hậu ôn đới lạnh; phân bố dưới rừng lá kim ở các vùng phía bắc của nước Nga.

LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

Em hãy cho biết:

– Vai trò của lớp đất đối với sinh vật (thực vật, động vật,...).

– Nhân tố nào đóng vai trò quan trọng trong quá trình hình thành đất? Giải thích vì sao em chọn nhân tố đó?

Vận dụng

Dựa vào nội dung đã học và hiểu biết của mình, em hãy sưu tầm những thông tin liên quan đến những nhóm đất chính ở Việt Nam.

timdapan.com

Bài 20 SINH VẬT VÀ SỰ PHÂN BỐ CÁC ĐỚI THIÊN NHIÊN. RỪNG NHIỆT ĐỚI

Học xong bài này, em sẽ:

- Nêu được ví dụ về sự đa dạng của thế giới sinh vật ở lục địa và ở đại dương.
- Xác định được trên bản đồ sự phân bố các đới thiên nhiên trên thế giới.
- Trình bày được đặc điểm của rừng nhiệt đới.

Trong giới tự nhiên, sinh vật sống trong những điều kiện khác nhau như trên cạn, dưới nước. Từ đó tạo nên các môi trường sống đa dạng, phong phú của sinh vật trên Trái Đất. Sự đa dạng của thế giới sinh vật được thể hiện như thế nào? Các đới thiên nhiên phân bố ra sao?

Dựa vào hình 20.1, 20.2 và nội dung bài học, em hãy cho ví dụ về sự đa dạng của thế giới sinh vật ở lục địa và ở đại dương mà em biết?

I. SỰ ĐA DẠNG CỦA THẾ GIỚI SINH VẬT

Sự đa dạng của thế giới sinh vật thể hiện qua sự phân bố của thực vật, động vật và vi sinh vật. Trong khí quyển, các sinh vật như phấn hoa, bào tử, hạt cây, vi khuẩn,... tập trung ở tầng thấp của khí quyển; dưới đại dương sinh vật phân bố đến độ sâu gần 11 000 m. Trong lớp vỏ lục địa, người ta đã tìm thấy những vi sinh vật sống dưới tầng đáy của lớp vỏ phong hóa.

1. Thực vật

Khí hậu có vai trò chủ yếu trong sự hình thành các thảm thực vật. Ở vùng khí hậu ôn đới lạnh (thuộc đới ôn hoà), điều kiện nhiệt – ẩm thuận lợi cho rừng lá kim phát triển. Vùng chí tuyến (thuộc đới nóng) là các hoang mạc và bán hoang mạc do khí hậu khô nóng quanh năm. Từ vùng cực về Xích đạo có các thảm thực vật đặc trưng như đài nguyên, rừng lá kim, thảo nguyên, hoang mạc, xavan, rừng nhiệt đới,... Theo thống kê, hiện có gần 300 000 loài thực vật đã được xác định trên thế giới.

Rừng nhiệt đới

Rừng lá kim

Hoang mạc

Hình 20.1. Một số thảm thực vật trên thế giới

timdapan.com

2. Động vật

Do động vật có khả năng di chuyển để thích nghi với môi trường nên sự phân bố của động vật ít phụ thuộc vào khí hậu. Nhờ sự thích nghi cao với môi trường sống, động vật phân bố khắp các môi trường từ lục địa ở độ cao hơn 8 000 m đến độ sâu khoảng 11 000 m ở đáy đại dương. Theo thống kê, hiện có khoảng 1,5 triệu loài động vật đã được biết đến trên thế giới.

Hình 20.2. Một số loài động vật ở lục địa và đại dương

II. CÁC ĐỚI THIÊN NHIÊN TRÊN THẾ GIỚI

Dựa vào hình 20.3, em hãy xác định trên bản đồ các đới thiên nhiên trên thế giới.

Hình 20.3. Các đới thiên nhiên trên thế giới

timdapan.com

Khí hậu ảnh hưởng đến sự hình thành các đới thiên nhiên. Trên Trái Đất có các đới thiên nhiên như đới nóng, đới ôn hoà, đới lạnh.

Em có biết?

1. Đới nóng

Đới nóng trải dài giữa hai chí tuyến thành một vành đai liên tục bao quanh Trái Đất, có nhiệt độ cao. Đới nóng chiếm phần lớn diện tích đất nổi trên Trái Đất; giới động, thực vật ở đây hết sức phong phú và đa dạng.

2. Đới ôn hoà

Đới ôn hoà nằm giữa đới nóng và đới lạnh, khoảng giữa hai chí tuyến đến hai vòng cực. Khí hậu mang tính chất trung gian giữa đới nóng và đới lạnh, thời tiết thay đổi thất thường. Thiên nhiên thay đổi theo bốn mùa. Thảm thực vật thay đổi từ tây sang đông, động vật ít hơn so với đới nóng.

3. Đới lạnh

Đới lạnh nằm trong khoảng từ vòng cực về phía hai cực, có khí hậu khắc nghiệt. Đới lạnh là xứ sở của băng tuyết, nhiệt độ trung bình và lượng mưa rất thấp. Thực vật kém phát triển bao gồm các cây thấp, lùn xen với rêu, địa y. Động vật là các loài thú có lông và mỡ dày như gấu trắng, hải cẩu, cá voi,...

III. RỪNG NHIỆT ĐỚI

Hình 20.4. Cấu trúc tầng ở rừng mưa nhiệt đới

Dựa vào hình 20.4, em hãy nhận xét về các tầng cây của rừng mưa nhiệt đới.

timdapan.com

Rừng nhiệt đới là kiểu hệ sinh thái chuyển tiếp từ xavan cây bụi sang rừng rậm nhiệt đới ẩm (hay rừng mưa nhiệt đới). Rừng nhiệt đới được chia thành nhiều tầng khác nhau với thảm thực vật được cấu tạo thành một chiều thẳng đứng từ mặt đất đến tán rừng. Mỗi tầng bao gồm các loài động, thực vật khác nhau, thích nghi với điều kiện sống ở riêng tầng đó. Rừng nhiệt đới có nhiều loại như rừng nhiệt đới gió mùa, rừng mưa nhiệt đới, rừng xen cây rụng lá,...

Rừng nhiệt đới gió mùa phân bố ở nơi có nhiệt độ trung bình tháng thấp nhất trên 18^0C, tổng lượng mưa trong năm từ 1 000 – 2 000 mm/năm. Rừng thường có 3 – 4 tầng cây. Các loài cây đặc trưng của rừng nhiệt đới là họ Vang, họ Đậu chiếm đa số thành phần loài. Trong rừng có nhiều cây dây leo và các loài động vật phong phú. Rừng nhiệt đới gió mùa phân bố rộng khắp trên thế giới, từ khu vực gió mùa Đông Nam Á đến phía đông Trung Mỹ, phía đông đảo Ma-đa-ga-xca (Madagascar), châu Đại Dương,…

Rừng mưa nhiệt đới phân bố ở nơi có khí hậu đặc trưng nóng, ẩm, lượng mưa trung bình năm cao (trên 2000 mm). Rừng thường có 4 – 5 tầng cây, xuất hiện xung quanh đường Xích đạo, với những khu vực rộng lớn tại lưu vực sông A-ma-dôn (Amazon) ở Nam Mỹ, lưu vực sông Công-gô (Congo) ở Trung Phi, In-đô-nê-xi-a,…

Em có biết?

Rừng khộp là một kiểu rừng xen cây rụng lá đặc trưng với các cây họ Dầu, lá rộng chiếm ưu thế tại Việt Nam và một số nước Đông Nam Á như Lào, Cam-pu-chia (Cambodia), Thái Lan và Mi-an-ma (Myanmar). Tại Việt Nam, rừng khộp phân bố chủ yếu ở các tỉnh thuộc Tây Nguyên, Ninh Thuận và Bình Thuận, tập trung ở độ cao từ 300 – 400 m so với mực nước biển. Hiện nay, tại Việt Nam, duy nhất Vườn quốc gia Yok Đôn (Yok Don) còn có rừng khộp, với diện tích hơn 100 000 ha, chiếm hơn 80% diện tích vườn quốc gia. Đây cũng là nơi còn lưu giữ một số diện tích rừng khộp nguyên sinh.

Hình 20.5. Vườn quốc gia Yok Đôn (Việt Nam)

(Nguồn: *Tạp chí Môi trường*, Cơ quan ngôn luận của Tổng cục Môi trường)

LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

1. *Em hãy kể tên một số loài sinh vật trên cạn và dưới nước mà em biết.*
2. *Kể tên một số rừng nhiệt đới mà em biết.*

Vận dụng

Em hãy sưu tầm các thông tin về một vườn quốc gia mà em biết để chứng minh sự đa dạng của động vật và thực vật.

timdapan.com

Bài 21 THỰC HÀNH TÌM HIỂU MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN QUA TÀI LIỆU VÀ THAM QUAN ĐỊA PHƯƠNG

Học xong bài này, em sẽ:

Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu tham khảo và tham quan tại địa phương.

Dựa vào hình 21.1 và nội dung bài học, em hãy cho biết các bước tiến hành tham quan tại địa phương? Theo em bước nào cần quan tâm nhiều nhất? Vì sao?

Hình 21.1. Sơ đồ các bước tiến hành trải nghiệm tham quan môi trường tự nhiên

I. TRƯỚC KHI THAM QUAN

Bao gồm các bước:

– Bước 1: Xây dựng ý tưởng.

– Bước 2: Lựa chọn chủ đề tham quan.

– Bước 3: Lập kế hoạch các nhiệm vụ tham quan.

**** Gợi ý thực hiện***

– Làm việc nhóm để lựa chọn chủ đề tham quan.

– Xây dựng kế hoạch tham quan: xác định những công việc cần làm, thời gian dự kiến, vật liệu, phương pháp tiến hành và phân công trong nhóm.

– Chuẩn bị các nguồn thông tin đáng tin cậy để chuẩn bị thực hiện tham quan.

– Thống nhất các tiêu chí đánh giá buổi tham quan với giáo viên.

timdapan.com

II. TRONG KHI THAM QUAN

Bao gồm các bước:

– Bước 1: Thu thập thông tin.

– Bước 2: Thực hiện tham quan.

– Bước 3: Thảo luận với các thành viên khác.

– Bước 4: Tham khảo sự hướng dẫn của giáo viên.

**** Gợi ý thực hiện***

– Phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm thực hiện tham quan theo đúng kế hoạch.

– Tiến hành thu thập, xử lí thông tin thu được.

– Xây dựng thông tin hoặc bản báo cáo về buổi tham quan.

– Liên hệ, tìm nguồn giúp đỡ khi cần.

– Thường xuyên phản hồi, thông báo thông tin cho giáo viên và các nhóm khác.

III. SAU KHI THAM QUAN

Bao gồm các bước:

– Bước 1: Tổng hợp các tài liệu.

– Bước 2: Viết báo cáo tham quan.

– Bước 3: Trình bày báo cáo tham quan.

– Bước 4: Mô tả lại quá trình tham quan.

**** Gợi ý thực hiện***

– Chuẩn bị tiến hành báo cáo.

– Tiến hành báo cáo tham quan.

– Tự đánh giá kết quả tham quan của nhóm.

– Đánh giá kết quả tham quan của các nhóm khác theo tiêu chí đã đưa ra.

timdapan.com

CHƯƠNG 7

CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN

– *Dân số và phân bố dân cư.*
– *Con người và thiên nhiên.*

timdapan.com

Bài 22 DÂN SỐ VÀ PHÂN BỐ DÂN CƯ

Học xong bài này, em sẽ:

- Đọc được biểu đồ quy mô dân số thế giới.
- Trình bày và giải thích được đặc điểm phân bố dân cư trên thế giới.
- Xác định được trên bản đồ một số thành phố đông dân nhất thế giới.

Con người xuất hiện khá muộn so với các loài sinh vật khác. Nhưng giờ đây, con người có mặt hầu như khắp nơi trên Trái Đất.

Hiện nay, quy mô dân số thế giới là bao nhiêu? Trong tương lai, số dân thay đổi như thế nào? Con người có phân bố đều trên Trái Đất hay không?

I. QUY MÔ DÂN SỐ THẾ GIỚI

Dựa vào hình 22.1 và thông tin trong bài, em hãy cho biết:

– Quy mô dân số thế giới năm 2018.

– Xu hướng thay đổi quy mô dân số thế giới trong thời kì 1804 – 2018.

Hình 22.1. Quy mô dân số thế giới qua các năm

Năm 1804, lần đầu tiên dân số thế giới đạt quy mô 1 tỉ người. Năm 2018, dân số thế giới đạt 7,6 tỉ người. Dân số luôn biến động và tình hình gia tăng dân số có sự khác nhau giữa các quốc gia. Nhiều nước dân số tăng nhanh, ngược lại, một số nước dân số tăng rất chậm hoặc giảm. Trên quy mô toàn thế giới, dân số có xu hướng tiếp tục tăng.

timdapan.com

II. PHÂN BỐ DÂN CƯ

Dựa vào hình 22.2 và thông tin trong bài, em hãy:

– Xác định trên bản đồ những khu vực đông dân (mật độ dân số trên 100 người/km²) và những khu vực thưa dân (mật độ dân số dưới 5 người/km²).

– Cho biết vì sao dân cư trên thế giới phân bố không đồng đều?

Hình 22.2. Phân bố dân cư thế giới năm 2018

Con người sinh sống ở hầu khắp mọi nơi trên bề mặt Trái Đất nhưng phân bố không đều. Để biết tình trạng phân bố dân cư, người ta căn cứ vào mật độ dân số. Những nơi có nguồn nước ngọt dồi dào, khí hậu và giao thông thuận lợi, các hoạt động sản xuất phát triển,... thì dân cư đông. Ngược lại, những nơi khô hạn, khí hậu khắc nghiệt, địa hình núi cao, sản xuất không thuận lợi,... thì dân cư thưa hơn.

Hiện nay, có những khu vực dân cư tập trung đông đúc, như phía đông và phía nam châu Á,... Tuy nhiên, có những nơi dân cư phân bố rất thưa thớt, gần như không có người sinh sống như các hoang mạc ở châu Phi, châu Đại Dương,... hoặc những vùng lạnh giá gần cực.

timdapan.com

III. MỘT SỐ THÀNH PHỐ ĐÔNG DÂN NHẤT THẾ GIỚI

Dựa vào thông tin trong bài và hình 22.3, em hãy:

– Xác định trên bản đồ tên 10 thành phố đông dân nhất thế giới năm 2018.

– Cho biết châu lục nào có nhiều thành phố đông dân nhất thế giới năm 2018?

Hình 22.3. Một số thành phố đông dân nhất thế giới năm 2018

Hiện nay, phần lớn con người sống ở đô thị và xu hướng này đang tiếp tục trong tương lai. Một số đô thị nhỏ có quy mô dân số vài nghìn người nhưng cũng có những siêu đô thị với quy mô dân số từ 10 triệu người trở lên. Số lượng các siêu đô thị trên thế giới đang tăng lên. Các thành phố này phân bố không đều, tập trung chủ yếu ở những khu vực đông dân ở châu Á.

LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

1. Vẽ sơ đồ thể hiện các nhân tố ảnh hưởng đến sự phân bố dân cư trên thế giới.

2. Dựa vào hình 22.2, xác định châu lục đông dân nhất và châu lục ít dân nhất.

Vận dụng

Em hãy sưu tầm thông tin, hình ảnh những nơi đông dân và những nơi thưa dân ở nước ta.

timdapan.com

Bài 23 CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN

Học xong bài này, em sẽ:

- Nêu được các tác động của thiên nhiên lên hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người.
- Trình bày được những tác động chủ yếu của loài người lên thiên nhiên Trái Đất.
- Nêu được ý nghĩa của việc bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên vì sự phát triển bền vững. Liên hệ thực tế địa phương.

Con người được sinh ra từ thiên nhiên. Thiên nhiên cho con người môi trường sống. Đồng thời, trong quá trình sinh sống, con người không ngừng tác động vào thiên nhiên. Ở nơi em sống, con người tác động đến thiên nhiên như thế nào?

I. ẢNH HƯỞNG CỦA THIÊN NHIÊN ĐẾN SINH HOẠT VÀ SẢN XUẤT

Dựa vào thông tin trong bài và hình 23.1, em hãy tìm những ví dụ thể hiện vai trò của thiên nhiên đối với hoạt động sản xuất và đời sống con người.

Lịch sử phát triển của xã hội loài người luôn gắn liền với thiên nhiên. Thiên nhiên cho con người không gian sống, cung cấp các điều kiện cho hoạt động sản xuất và là nơi chứa đựng chất phế thải của con người.

Mặc dù có lúc thiên nhiên gây ra thiên tai, dịch bệnh,... nhưng con người là một phần của thiên nhiên và thiên nhiên là một yếu tố vô cùng quan trọng để đảm bảo cuộc sống của con người.

Hình 23.1. Vai trò của thiên nhiên đối với sinh hoạt và sản xuất

timdapan.com

II. TÁC ĐỘNG CỦA CON NGƯỜI ĐẾN THIÊN NHIÊN

Trong quá trình phát triển, con người đã tác động rất nhiều đến thiên nhiên. Những hệ sinh thái nhân tạo tươi đẹp như công viên, vườn hoa, khu nghỉ dưỡng sinh thái,... được tạo ra. Con người cũng tích cực tham gia bảo vệ môi trường, khắc phục các sự cố môi trường, phòng chống thiên tai,...

Dựa vào thông tin trong bài, hình 23.2, 23.3, em hãy nêu những tác động tích cực và tiêu cực của con người đến thiên nhiên.

Em có biết?

Hình 23.2. Một góc vườn hoa Kì diệu Đu-bai (Các tiểu vương quốc Ả Rập Thống Nhất)

Vườn hoa Kì diệu Đu-bai, thành phố Đu-bai (Dubai), Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống Nhất được xây dựng trên một trong những hoang mạc khô hạn nhất thế giới. Vườn hoa rộng hơn 7 ha và là vườn hoa lớn nhất thế giới.

Vườn hoa Kì diệu Đu-bai có hơn 100 triệu bông hoa khoe sắc. Vườn hoa được thiết kế thành nhiều khu vực, theo các chủ đề khác nhau. Nơi nào cũng rực rỡ và tràn ngập sắc hoa. Hằng năm, vườn hoa thu hút rất nhiều khách du lịch đến tham quan.

Thông qua các hoạt động kinh tế, đặc biệt là công nghiệp và nông nghiệp, con người làm biến đổi sâu sắc môi trường đất, nước, không khí, sinh vật,... Đồng thời, dưới sức ép của gia tăng dân số và quá trình đô thị hóa, con người tăng cường khai thác tự nhiên và phát thải vào môi trường.

Những hoạt động khai thác tự nhiên quá mức của con người đã làm cho môi trường tự nhiên bị ô nhiễm, đôi khi rất nghiêm trọng. Vì vậy, con người đã và đang tìm nhiều cách để bảo vệ và cải tạo môi trường tốt hơn.

Sông Tô Lịch, Hà Nội (Việt Nam)

Khí thải từ nhà máy ở Đức Châu, Sơn Đông (Trung Quốc)

Một góc rừng A-ma-dôn (Bra-xin) bị cháy

Hình 23.3. Một số tác động tiêu cực của con người đến thiên nhiên

timdapan.com

III. KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN THÔNG MINH

Dựa vào hình 23.4 và thông tin trong bài, em hãy:

– Cho biết thế nào là phát triển bền vững?

– Giải thích tại sao phải đặt mục tiêu phát triển bền vững?

Hình 23.4. Sơ đồ về phát triển bền vững

Phát triển bền vững là sự phát triển nhằm thỏa mãn các nhu cầu của thế hệ hiện tại của con người nhưng không làm tổn hại tới khả năng đáp ứng các nhu cầu của thế hệ tương lai.

Phải đặt mục tiêu phát triển bền vững bởi vì trong suốt lịch sử phát triển của mình, con người đã luôn khai thác tài nguyên thiên nhiên nhằm phục vụ cho cuộc sống. Thế nhưng, không phải tài nguyên nào cũng là vô hạn mà sẽ dần cạn kiệt (ví dụ như khoáng sản). Do đó, biết cách khai thác tài nguyên thiên nhiên hợp lí, sử dụng tiết kiệm, phát triển công nghệ tìm tài nguyên thay thế chính là những biện pháp khai thác tài nguyên một cách thông minh của con người, là chìa khoá mở cửa vào tương lai của các thế hệ hôm nay và mai sau.

Em hãy cho biết các hoạt động kinh tế trong hình 23.5 có đáp ứng được mục tiêu phát triển bền vững hay không? Tại sao?

Khai thác năng lượng mặt trời và năng lượng gió ở Ninh Thuận (Việt Nam)

Sản xuất lúa và hoạt động du lịch ở Tam Cốc, Ninh Bình (Việt Nam)

Hình 23.5. Một số hoạt động khai thác tài nguyên thiên nhiên hợp lí của nước ta

timdapan.com

Em có biết?

Hình 23.6. Một số giải pháp khai thác tài nguyên thiên nhiên phục vụ phát triển bền vững

LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

1. *Em hãy tìm những ví dụ thể hiện các tác động của thiên nhiên lên hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người.*
2. *Vẽ sơ đồ thể hiện những tác động tích cực và tiêu cực của con người đến thiên nhiên.*

Vận dụng

1. *Trong cuộc sống hằng ngày, em có thể làm gì để bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường tự nhiên nơi em sống?*
2. *Em hãy tìm những ví dụ về khai thác tài nguyên thiên nhiên ở nơi em sống.*

timdapan.com

Bài 24 THỰC HÀNH TÁC ĐỘNG CỦA CON NGƯỜI ĐẾN THIÊN NHIÊN

Học xong bài này, em sẽ:

Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương.

I. NỘI DUNG

Hình 24.1. Sơ đồ thể hiện một số tác động của con người đến thiên nhiên

II. CHUẨN BỊ

Xây dựng kế hoạch học tập theo các nội dung sau:

1. Lựa chọn chủ đề: xác định nội dung ở mục I, chọn một chủ đề phù hợp (vấn đề xử lí nước thải của một cơ sở sản xuất công nghiệp; tác động của khí thải nhà máy đến môi trường không khí; ảnh hưởng của phân bón, thuốc trừ sâu,... đến môi trường đất, nước, không khí,...; vấn đề thu gom và xử lí rác thải ở khu du lịch,...)

2. Xác định địa điểm, thời gian phù hợp với chủ đề, kế hoạch học tập và điều kiện thực tế ở địa phương (có thể chọn một khu du lịch; nhà máy, cơ sở sản xuất công nghiệp; cánh đồng, trang trại chăn nuôi gia cầm, gia súc, thuỷ sản,...)

3. Tư liệu, thiết bị

– Sách giáo khoa, sách tham khảo, bài báo,...

– Các tài liệu từ internet.

– Dụng cụ xác định phương hướng.

– Dụng cụ thu gom và chứa mẫu vật.

– Phương tiện ghi hình, thu âm,... (nếu có).

4. Phân công nhiệm vụ thành viên trong nhóm.

timdapan.com

III. TỔ CHỨC HỌC TẬP TẠI THỰC ĐỊA

– Quan sát địa bàn tham quan.

– Ghi chép thông tin đầy đủ.

– Thu thập mẫu vật.

– Chụp hình hoặc ghi chú những thông tin quan trọng.

– Ghi nhớ lộ trình tham quan.

Lưu ý: Học sinh cần phải thông tin và phản hồi với giáo viên trong quá trình tham quan.

IV. THỰC HIỆN VÀ BÁO CÁO SẢN PHẨM

1. Sắp xếp thông tin thu thập được theo chủ đề.
2. Kiểm tra các thông tin thu thập được với các nguồn tài liệu khác.
3. Trình bày sản phẩm:
   – Cá nhân: Trình bày các bước thực hiện một chuyến tham quan.
   – Nhóm: Viết bài báo cáo, vẽ lược đồ trí nhớ, sưu tập mẫu vật phù hợp với chủ đề đã chọn.
4. Rút kinh nghiệm từ các nhóm khác và ý kiến của giáo viên.

timdapan.com

THUẬT NGỮ

PHẦN LỊCH SỬ

1. Âm lịch

Hệ lịch tính thời gian theo chu kì Mặt Trăng quay quanh Trái Đất.

2. Bắc thuộc

Thời kì nước ta bị các triều đại phong kiến Trung Quốc đô hộ hơn 1000 năm (từ thế kỉ II TCN đến thế kỉ X).

3. Bổ chính

Già làng đứng đầu chiềng, chạ thời Hùng Vương.

4. Chủ nô

Giai cấp thống trị trong xã hội phương Tây cổ đại, chiếm hữu tư liệu sản xuất và bóc lột tàn bạo nô lệ.

5. Chữ Phạn

Chữ viết cổ của Ấn Độ, là nguồn gốc của chữ viết Hin-đi (Hindi) thông dụng hiện nay tại Ấn Độ.

6. Chữ tượng hình

Chữ viết dùng hình giản lược của một vật để gọi vật đó hoặc dùng một số đường nét làm chữ để thể hiện một ý nào đó.

7. Công nguyên

Quy ước chỉ thời gian tính từ mốc chúa Giê-su ra đời (được gọi là năm 1 Công nguyên – CN). Thời gian từ năm 1 Công nguyên trở đi, con số chỉ năm càng lớn thì khoảng cách thời gian càng gần với hiện tại.

8. Cộng hoà

Nước không có vua hay hoàng đế. Người đứng đầu do công dân bầu chọn.

9. Dân chủ

Một hệ thống chính quyền, nơi công dân có quyền bỏ phiếu hoặc tham gia vào chính phủ.

10. Dân chủ chủ nô

Thể chế chính trị của nhà nước Hy Lạp, La Mã thời cổ đại. Quyền lực nhà nước tập trung vào tay quý tộc chủ nô. Quyền dân chủ của người tự do bị hạn chế; trẻ em, phụ nữ, người nước ngoài và nô lệ không có quyền bầu cử.

11. Di sản

Tài sản vật chất hoặc tài sản tinh thần do lịch sử để lại hoặc do thiên nhiên tạo ra.

12. Du mục

Cư dân sống bằng cách di chuyển từ nơi này sang nơi khác để tìm kiếm nguồn nước và đồng cỏ cho gia súc.

13. Dương lịch

Hệ lịch tính thời gian theo chu kì Trái Đất quay quanh Mặt Trời và tự quay quanh nó.

14. Đẳng cấp

Những tầng lớp xã hội được hình thành do luật pháp hoặc tục lệ quy định về vị trí xã hội, về quyền lực và nghĩa vụ có khi mang tính chất cha truyền con nối. Chế độ đẳng cấp mang tính bất bình đẳng sâu sắc.

15. Đế chế

Một nước trong đó vua hay hoàng đế xâm lược và chiếm lãnh thổ các nước khác, tạo ra một lãnh thổ rộng lớn hơn.

16. Đồng hoá

Chính sách của bọn thống trị nước ngoài nhằm làm mất đi các đặc điểm, truyền thống của dân tộc bị xâm lược, buộc họ phải tuân theo văn hoá của nước đô hộ, để cho chúng dễ bề cai trị.

17. Giai cấp

Những nhóm người đông đảo giống nhau về địa vị trong một hệ thống sản xuất xã hội nhất định và trong việc hưởng thụ của cải của xã hội đó.

18. Hào trưởng

Người có thế lực lớn nhất ở một vùng miền xuôi.

19. Hin-đu giáo

Còn gọi Ấn Độ giáo, là tôn giáo cổ xưa nhất và lớn nhất ở Ấn Độ, không có người sáng lập và thờ nhiều vị thần, nhiều con vật (tiêu biểu là thờ con bò).

20. Hoá thạch

Các bộ phận của động, thực vật cổ xưa đã hoá đá hoặc in dấu vào đá.

21. Khởi nghĩa

Hình thức đấu tranh cao nhất của quần chúng bị trị nổi dậy lật đổ chính quyền của giai cấp bóc lột thống trị.

22. Lạc hầu

Chức quan phụ trách việc dân sự (quan văn) thời Hùng Vương – An Dương Vương.

23. Lạc tướng

Chức quan phụ trách việc quân sự (quan võ) thời Hùng Vương – An Dương Vương.

24. Lúa nước

Cây lương thực chính của người Đông Nam Á, trồng trên một nền đất có nước gọi là ruộng. Cây lúa nước cho ra hạt gạo để nấu thành cơm.

timdapan.com

25. Luật thành văn

Những bộ luật được viết thành văn bản, quy định các quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung, do nhà nước ban hành và được đảm bảo thực hiện bằng quyền lực nhà nước.

26. Người tối cổ

Hình thức tiến triển nhảy vọt từ vượn thành người. Người tối cổ tuy chưa loại bỏ hết dấu tích vượn trên cơ thể, song đã đi đứng bằng hai chân, đôi tay được tự do để chế tạo công cụ và sử dụng công cụ.

27. Người tinh khôn

Tên khoa học là Homo Sapiens. Người tinh khôn đã loại bỏ hết dấu tích của vượn, có cấu tạo cơ thể hoàn toàn giống như người ngày nay. Di cốt người hiện đại được tìm thấy ở hầu khắp các châu lục.

28. Nô lệ

Giai cấp bị trị trong xã hội phương Tây cổ đại. Họ là lực lượng sản xuất chủ yếu của xã hội nhưng bị bóc lột tàn bạo và bị biến thành vật sở hữu của chủ nô.

29. Nô tì

Những người con gái phải làm đầy tớ trong các gia đình quan lại thời phong kiến ở các quốc gia phương Đông.

30. Nông dân

Những người hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.

31. Pha-ra-ông

Tên gọi chỉ vua Ai Cập thời cổ đại.

32. Phân công lao động

Chia công việc cho từng người hay nhóm người để làm các công việc nhất định.

33. Phật giáo

Tôn giáo lớn trên thế giới, xuất hiện khoảng thế kỉ VI trước Công nguyên ở miền Bắc Ấn Độ do Đức Phật – Xít-đác-ta Gô-ta-ma (còn gọi là Tất Đạt Đa) sáng lập.

34. Phong kiến (chế độ)

Chế độ xã hội với hai giai cấp cơ bản là địa chủ và nông dân, trong đó địa chủ nắm quyền thống trị và bóc lột nông dân bằng địa tô.

35. Quốc gia thành thị (Polis hay thành bang)

Một nhà nước độc lập, chỉ gồm một thành phố và những vùng đất bao quanh thành phố đó.

36. Quá khứ

Tất cả những sự kiện đã xảy ra trong lịch sử loài người.

37. Quan hệ phong kiến

Quan hệ bóc lột địa tô của địa chủ với nông dân trong xã hội phong kiến.

38. Rìu tay

Loại công cụ được chế tạo bằng đá dùng để chặt, đẽo, không có cán, được người nguyên thuỷ cầm trên tay khi sử dụng.

39. Thế kỉ

Khoảng thời gian 100 năm (thế kỉ XX được tính từ năm 1901 đến năm 2000).

40. Thiên niên kỉ

Khoảng thời gian 1000 năm (thiên niên kỉ III được tính từ năm 2001 đến năm 3000).

41. Thời đại đồ đá

Trong phân kì khảo cổ học, đây là giai đoạn đầu tiên trong lịch sử phát triển của nhân loại, bắt đầu sau khi con người xuất hiện trên Trái Đất đến khoảng 4000 năm cách ngày nay. Đặc trưng của thời đại này là việc người nguyên thuỷ biết chế tạo và sử dụng các công cụ bằng đá.

42. Thời đại đồ đồng

Trong phân kì khảo cổ học, đây là giai đoạn tiếp theo trong lịch sử phát triển của nhân loại sau thời đại đồ đá, niên đại khoảng 3000 – 4000 năm cách ngày nay. Trong thời đại này, công cụ đá vẫn được sử dụng nhưng đã xuất hiện các công cụ bằng đồng.

43. Thương cảng

Cửa biển hay cửa sông có đông người tụ họp để buôn bán.

44. Tiết độ sứ

Chức quan đại diện hoàng đế nhà Đường ở vùng biên cương. Vào nửa sau thế kỉ IX, nhà Đường đặt chức Tiết độ sứ ở nước ta.

45. Tín ngưỡng nông nghiệp

Sự sùng kính của con người với các hiện tượng tự nhiên liên quan đến trồng trọt và chăn nuôi.

46. Trung Hoa

Từ "Trung Hoa" có nghĩa là quốc gia của người Hoa Hạ (tên gọi cổ của người Trung Quốc) ở trung tâm thế giới.

47. Trước Công nguyên

Quy ước chỉ thời gian trước năm chúa Giê-xu ra đời. Đối với thời gian trước Công nguyên (TCN), con số chỉ năm càng nhỏ thì khoảng cách thời gian càng gần với hiện tại.

48. Văn hoá bản địa

Là nền văn hoá ban đầu sơ khai của các tộc người trước khi có sự giao lưu với các nền văn hoá bên ngoài.

timdapan.com

PHẦN ĐỊA LÍ

Bản đồ địa lí: là hình vẽ thu nhỏ bề mặt Trái Đất hoặc một phần Trái Đất trên mặt phẳng dựa vào các phương pháp toán học, phương pháp kí hiệu để thể hiện các sự vật và hiện tượng địa lí.

Bão: gió mạnh kèm theo mưa to do sự xuất hiện và hoạt động của các khu áp thấp rất sâu. Tốc độ gió từ 65 km/giờ trở lên.

Chân núi: là phần dưới cùng của núi.

Châu thổ: đồng bằng phù sa, thấp, bằng phẳng do các sông lớn bồi đắp.

Đá mẹ: lớp đá bị vỡ vụn nhưng chưa bị phong hoá hoàn toàn.

Đỉnh núi: phần cao nhất của núi.

Đối lưu: sự vận chuyển các chất lỏng hoặc chất khí thành dòng lên xuống theo chiều thẳng đứng.

Hải lí: là đơn vị đo chiều dài trên biển; còn được gọi là dặm biển, 1 hải lí = 1852 m.

Hiện tượng khí tượng: bao gồm các hiện tượng biểu hiện của thời tiết như nắng, mưa, gió, tuyết, sương, mây,...

Hướng trung gian: là hướng giữa hai phương hướng chính.

Khí nhà kính: là các chất khí làm cho tầng bên dưới khí quyển và bề mặt Trái Đất nóng lên.

Khí tượng: là trạng thái của khí quyển, quá trình diễn biến của các hiện tượng tự nhiên trong khí quyển.

Kim chỉ nam: là chiếc kim có nam châm dùng để chỉ phương hướng, cũng là một kí hiệu trên bản đồ dùng để xác định phương hướng.

Măcma: loại vật chất nóng chảy nằm ở dưới sâu trong lớp vỏ Trái Đất.

Mặt đệm: mặt tiếp xúc ở phía dưới của lớp không khí với mặt đất, trên đó có các dạng địa hình, biển, rừng,...

Mặt phẳng quỹ đạo: là mặt phẳng hình học chứa quỹ đạo Kê-ple (Kepler) của một hành tinh quay quanh Mặt Trời hay một thiên thể quay quanh một thiên thể khác.

Mũi tên chỉ hướng Bắc: là kí hiệu dùng để xác định hướng bắc trên bản đồ.

Nét chải: là một dạng kí hiệu dùng để thể hiện các đối tượng phân bố trên một diện tích rộng lớn.

Núi lửa đã tắt: là núi lửa không hoạt động trở lại tối thiểu một triệu năm.

Núi lửa đang hoạt động: là núi lửa đang phun trào hoặc núi lửa đã từng phun trào nhưng có dấu hiệu măcma đang đi lên.

Núi lửa dừng hoạt động: là núi lửa tuy không có bất kì một dấu hiệu bất ổn nào nhưng có thể hoạt động trở lại.

Phụ lưu: các nhánh sông đổ nước vào sông chính.

Quỹ đạo thiên thể: là đường chuyển động hình cong của một thiên thể.

Sinh quyển: một trong những lớp vỏ của Trái Đất, nơi phân bố của tất cả các sinh vật từ đơn giản đến phức tạp.

Sườn núi: bộ phận núi có độ dốc lớn, nằm ở giữa chân núi và đỉnh núi.

Tài nguyên thiên nhiên khôi phục được: là các loại tài nguyên thiên nhiên sau khi khai thác, sử dụng, có thể tái tạo lại được sau một thời gian nhất định.

Tài nguyên thiên nhiên không khôi phục được: là các loại tài nguyên thiên nhiên mà quá trình hình thành của chúng quá dài, hoặc điều kiện hình thành của chúng khó lặp lại.

Tài nguyên thiên nhiên vô tận: các loại tài nguyên thiên nhiên không bao giờ cạn.

Thang Rich-te: thang chỉ cường độ động đất do Sác-lơ Rich-te (Charles Richter) đưa ra năm 1935.

Thiên hà: là tập hợp gồm nhiều thiên thể (sao, hành tinh, vệ tinh, sao chổi, đám mây bụi khí,...)

Thiên tai: là những thảm hoạ do thiên nhiên gây ra.

Vành đai lửa Thái Bình Dương: là khu vực phân bố núi lửa quanh hai bờ Thái Bình Dương.

Vũ trụ: là khoảng không gian vô tận chứa các thiên hà.

timdapan.com

timdapan.com